**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**THƯ VIỆN**

**--- 🙞🙜 ---**

**THÔNG TIN BÀI TRÍCH**

**BÁO – TẠP CHÍ**

**Số 2 (Năm học 2016 – 2017)**

***Đà Nẵng, tháng 12 năm 2016***

**MỤC LỤC**

* Công nghệ thông tin …………………………………………………………….1
* Quan hệ Quốc tế 2
* Kinh tế 18
* Tài chính 25
* Ngân hàng 30
* Chứng khoán 37
* Ngoại thương 38
* Pháp luật 40
* Giáo dục 48
* Ngôn ngữ 50
* Công nghệ sinh học 54
* Y dược 55
* Điện tử - Viễn thông 60
* Xây dựng 60
* Kế toán – Kiểm toán 83
* Quản trị kinh doanh 90
* Kiến trúc 104
* Du lịch 108
* Văn học 128

**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. APT và những cách để bảo vệ an toàn trên mạng**/ BN// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 48-52.

**Nội dung**: Phân tích những kỹ thuật tấn công tinh vi và gây thiệt hại nặng nề của APT. Các giải pháp đảm bảo an toàn trước các cuộc tấn công của APT như: phòng thủ theo chiều sâu; sử dụng các kỹ thuật theo dõi và phát hiện; sử dụng dịch vụ Threat intelligence; đào tạo nhận thức về bảo mật; kế hoạch ứng phó những sự cố…

**Từ khóa**: APT, an ninh mạng, bảo mật

**2. Bảo mật trên các trình duyệt web**/ Đỗ Hữu Tuyến// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 44-47.

**Nội dung**: Trình bày tiêu chí đánh giá mức độ bảo mật của một trình duyệt. Xem xét một số trình duyệt web phổ biến hiện nay. Các lưu ý để đảm bảo an toàn khi sử dụng trình duyệt web.

**Từ khóa**: Bảo mật, trình duyệt web

**3. Công nghệ IMETOS ứng phó biến đổi khí hậu**/ PGS. TS. Mai Quang Vinh, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Thạch, ThS. Tô Đức Hải// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 1 tháng 10 .- Tr. 45-51.

**Nội dung**: Nông nghiệp thông minh với khí hậu Việt Nam. Công nghệ IMETOS và nông nghiệp thông minh với khí hậu. Kết luận và đề nghị.

**Từ khóa**: Công nghệ IMETOS, biến đổi khí hậu, ứng phó

**4. Công tác hướng dẫn và xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020**/ Nguyễn Phú Tiến// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 2 tháng 9 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Phân tích những định hướng ứng dụng công nghệ thông tin của quốc gia và công tác hướng dẫn, xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2010.

**Từ khóa**: Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước, kế hoạch, hướng dẫn.

**5. Chiến lược phát triển IoT đến năm 2025 của Malaysia**/ Hà Phương// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 2 tháng 8 .- Tr. 54-59.

**Nội dung**: Internet của vạn vật (IoT) đang là lĩnh vực được khá nhiều nước quan tâm phát triển trong những năm qua. Theo ITU, một số nước đã ban hành chính sách phát triển IoT hoặc liên quan đến IoT cấp quốc gia như kế hoạch hành động phát triển IoT của Trung Quốc (2013), kế hoạch tổng thể phát triển IoT của Hàn Quốc (2014), lộ trình phát triển M2M quốc gia của Ấn Độ (2015, đang dự thảo chính sách IoT quốc gia), chiến lược quốc gia thông minh của Singapore (2014), chiến lược phát triển IoT quốc gia của Malaysia (2015)…Bài viết giới thiệu tổng quát về chiến lược phát triển IoT quốc gia của Malaysia.

**Từ khóa**: Internet của vạn vật (IoT), chiến lược phát triển, Malaysia.

**6. Chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin của Đài Loan để tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu**/ Lê Việt Dũng// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 9 (187) .- Tr. 39-50.

**Nội dung**: Chính sách phát triển công nghệ thông tin ở Đài Loan. Một số biện pháp phát triển công nghệ thông tin của chính quyền Đài Loan để tham gian chuỗi cung ứng toàn cầu. Đánh giá và kết luận.

**Từ khóa**: Đài Loan, công nghệ thông tin, bài học kinh nghiệm, chuỗi cung ứng

**7. Giám sát nhà kính bền vững bằng đám mây**// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 1 tháng 10 .- Tr. 29-34.

**Nội dung**: Điện toán đám mây đưa ra khả năng thay đổi theo yêu cầu với chi phí hợp lý trên hạ tầng điện toán đảm bảo chất lượng dịch vụ (QoS), thích hợp các cơ hội kinh doanh mới theo mô hình hướng dịch vụ. Do vậy, sản xuất nhà kính với các hệ thống thông tin điều khiển dựa trên kiến trúc đám mây sẽ có khả năng phát triển bền vững.

**Từ khóa**: Điện toán đám mây, nhà kính, giám sát.

**8. Internet things – Một số định hướng phát triển IoT tại Việt Nam**/ ThS. Phạm Minh Hiền// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 2 tháng 8 .- Tr. 60-64.

**Nội dung**: Giới thiệu về Internet things (IoT). Kinh nghiệm quốc tế trong chính sách phát triển IoT như Trung Quốc, Đức, Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Mỹ. Tình hình trong nước và giải pháp.

**Từ khóa**: Internet things – IoT, định hướng phát triển.

**9. IoT: Nhận diện các thách thức an toàn thông tin và hướng xử lý**/ Cao Huy Phương// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 2 tháng 8 .- Tr. 26-30.

**Nội dung**: Làm rõ một số thách thức về an toàn bảo mật thông tin liên quan đến các công nghệ trong IoT, đề xuất các hướng xử lý các thách thức đó.

**Từ khóa**: IoT, an toàn thông tin, hướng xử lý.

**10. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thông tin và truyền thông: Một số định hướng và giải pháp**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Hương// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 2 tháng 8 .- Tr. 45-49.

**Nội dung**: Trình bày nhu cầu thiết yếu của phát triển nguồn nhân lực ngành thông tin và truyền thông. Thực trạng phát triển nhân lực ngành thông tin và truyền thông. Đề xuất một số định hướng, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực ngành thông tin và truyền thông.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực ngành thông tin và truyền thông, định hướng phát triển.

**11. SMCS: Tự động giám sát và điều khiển hoạt động nông nghiệp bằng thiết bị không dây**/ Đào Xuân Quy, Nguyễn Duy Xuân Bách, Trần Tiến Đạt, Trần Thị Thùy Châu// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 1 tháng 10 .- Tr. 40-44.

**Nội dung**: Dựa trên mạng cảm biến và mạng điều khiển không dây, SMCS là một hệ thống tự động giám sát và điều khiển hoạt động nông nghiệp bằng thiết bị không dây. Hệ thống có khả năng áp dụng vào mô hình trang trại thủy sản, chăn nuôi và cây trồng, được thiết lập linh hoạt theo nhu cầu của người sử dụng.

**Từ khóa**: SMCS, thiết bị không dây, tự động giám sát và điều khiển hoạt động nông nghiệp.

**12. Số hóa truyền hình: Lộ trình và kinh nghiệm triển khai**/ ThS. Nguyễn Hồng Tuấn, ThS. Phùng Nguyễn Phương, ThS. Nguyễn Huy Cương// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 1 tháng 9 .- Tr. 8-13.

**Nội dung**: Phân tích nhằm giải đáp câu hỏi “tại sao phải số hóa truyền hình”? Lộ trình số hóa truyền hình tại Việt Nam. Kinh nghiệm triển khai số hóa truyền hình của một số quốc gia Châu Á.

**Từ khóa**: Số hóa truyền hình.

**13. Tăng cường an ninh mạng bằng thiết bị tường lửa thế hệ mới Palo Alto**/ Nguyễn Duy Bình, Dương Thị Thanh Tú, Hoàng Sỹ Long// Công nghệ Thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Tăng cường an ninh mạng bằng thiết bị tường lửa thế hệ mới Palo Alto Network – Một trong các giải pháp đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu khắt khe của hệ thống và hiện đang được triển khai rất hiệu quả trong các hệ thống mạng mới trên thế giới. Đây là một giải pháp tường lửa thế hệ mới mà Việt Nam có thể triển khai để đảm bảo an ninh mạng.

**Từ khóa**: An ninh mạng, thiết bị tường lửa thế hệ mới Palo Alto

**QUAN HỆ QUỐC TẾ**

**1. 20 năm – Quan hệ đối tác “Nga – ASEAN”**/ TS. Kobelev E. V.// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 6 (189) .- Tr. 72-80.

**Nội dung**: Phân tích những mốc khác nhau trong quan hệ đối tác giữa LB Nga với ASEAN, nhóm nước khu vực có ảnh hưởng nhất trong 20 năm qua; phân tích vai trò hàng đầu của ASEAN trong xây dựng những cơ sở cho hòa bình và an ninh ở Đông Nam Á nói riêng và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung, cũng như ý nghĩa địa chiến lược, kinh tế đối với nước Nga của việc củng cố quan hệ đối tác với tổ chức này; nêu lên giá trị của những văn kiện được thông qua tại Hội nghị cấp cao Sochi nhân dịp kỷ niệm 20 năm thiết lập quan hệ Nga – ASEAN.

**Từ khóa**: Quan hệ đối tác, Châu Á – Thái Bình Dương, ASEAN, Liên bang Nga, Việt Nam

**2. Bàn về dự báo trong quan hệ quốc tế**/ Dương Văn Quảng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 212-233.

**Nội dung**: Đưa ra một số khái niệm có liên quan đến dự báo, đồng thời trên cơ sở thực tế của thế kỷ XX để đưa ra một số dự báo cho quan hệ quốc tế trong thế kỷ XXI.

**Từ khóa**: Dự báo, dự đoán, quá khứ và hiện tại, quan hệ quốc tế thế kỷ XX, quan hệ quốc tế thế kỷ XXI.

**3. Biển Đông trong chiến lược Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ năm 2008 đến năm 2012**/ TS. Trần Thị Thu Hà// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 54-60.

**Nội dung**: Phân tích những nhân tố tạo nên sự thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông, quan điểm của Mỹ về Biển Đông dưới thời Tổng thống B. Obama, một số bước triển khai chính sách của chính quyền B. Obama đối với vấn đề Biển Đông và đồng thời cũng chỉ ra hạn chế của Mỹ trong vấn đề Biển Đông.

**Từ khóa**: Biển Đông, chiến lược Châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ.

**4. Bối cảnh quốc tế mới và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam sau phán quyết của Tòa trọng tài thường trực (PCA)**/ TS. Bành Quốc Tuấn// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 7 (179) .- Tr. 74-82.

**Nội dung**: Từ phán quyết ngày 12/7/2016 của Tòa trọng tài thường trực Le Haye giải quyết vụ kiện giữa Philippines và Trung Quốc liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước Luật biển đối với các cấu trúc trên Biển Đông, tác giả đã khái quát hóa bối cảnh quốc tế mới đồng thời rút ra một số vấn đề cơ bản mà Việt Nam cần phải quan tâm và nghiên cứu với tư cách là một bên có liên quan nhằm chuẩn bị cho việc xây dựng chiến lược lâu dài nhằm đấu tranh chống mọi hành động xâm phạm chủ quyền, góp phần bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

**Từ khóa**: Philippines khởi kiện Trung Quốc, Tòa trọng tài thường trực, tranh chấp Biển Đông, UNCLOS.

**5. Bước đầu tìm hiểu chính sách đối ngoại của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi**/ TS. Nguyễn Đức Toàn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 8-15.

**Nội dung**: Làm rõ những nội dung chính trong đường lối đối ngoại Ấn Độ dưới thời nắm quyền của Thủ tướng N. Modi và tác động của đường lối đối ngoại đến Ấn Độ.

**Từ khóa**: Chính sách đối ngoại, Thủ tướng Ấn Độ N. Modi, Ấn Độ

**6. Cạnh tranh sức mạnh mềm giữa các quốc gia đầu thế kỷ XXI**/ NCS. Trần Nguyễn Khang// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 190-211.

**Nội dung**: Sức mạnh mềm sẽ được xem là một trong những sức mạnh gây ảnh hưởng lớn trong quan hệ quốc tế thế kỷ 21. Vậy trong cuộc cạnh tranh này, những quốc gia nào đang dẫn đầu? Những quốc gia nào đạng thụt lại? và những bài học nào cần rút ra cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam, trong việc xây dựng và triển khai sức mạnh mềm trong cuộc đua toàn cầu này. Bài viết này sẽ đi sâu phân tích nhằm trả lời các câu hỏi trên.

**Từ khóa**: Sức mạnh mềm, cạnh tranh, thế kỷ XXI.

**7. Công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam – Lào**/ Thái Xuân Dũng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 27-39.

**Nội dung**: Trình bày nội dung dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam – Lào. Tình hình thực hiện công tác tăng dày, tôn tạo mốc quốc giới và ý nghĩa của việc hoàn thành công tác này đối với hai nước Việt Nam và Lào.

**Từ khóa**: Tăng dày, tôn tạo, mốc quốc giới, Việt Nam – Lào, biên giới.

**8. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong tham gia APEC**/ PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 3-13.

**Nội dung**: Việt Nam chính thức trở thành thành viên của APEC từ tháng 11/1998. Tuy nhiên, Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động phức tạp như hiện nay, để Việt Nam hội nhập sâu và hiệu quả hơn vào APEC, cần thấy được các cơ hội và thách thức cả ở bên trong lẫn bên ngoài tác động như thế nào tới quá trình này. Đây cũng chính là mục đích của bài viết này.

**Từ khóa**: APEC, cơ hội, thách thức, Việt Nam

**9. Cục diện an ninh của Việt Nam tại khu vực Đông Nam Á trước sức ép chiến lược từ Trung Quốc**/ TS. Phạm Duy Quang// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 6 (195) .- Tr. 9-20.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá một số vấn đề liên quan tới cục diện an ninh khu vực của Việt Nam giai đoạn hiện nay trong bối cảnh Trung Quốc triển khai các chiến lược quốc tế của mình.

**Từ khóa**: Cục diện an ninh, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Đông Nam Á

**10. Chính sách của Cộng hòa Liên bang Đức đối với khu vực Nam Á đầu thế kỷ 21**/ Nguyễn Thị Nga// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 27-33.

**Nội dung**: Bằng một loạt các cuộc gặp gỡ xuyên Âu – Á song phương và đa phương, Đức đã đẩy mạnh việc hợp tác kinh tế, chia sẻ khoa học kỹ thuật, giải quyết vấn đề nhân quyền…với khu vực Nam Á. Qua đó, Đức vừa củng cố được vị trí của mình vừa có thể cạnh tranh với các cường quốc khác ở Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung khi mà Châu Á đang dần trở thành khu vực quan trọng cũng như sôi động nhất trong các vấn đề toàn cầu.

**Từ khóa**: Quan hệ Đức – Nam Á, chính sách ngoại giao, Cộng hòa Liên bang Đức.

**11. Chính sách tăng cường năng lực an ninh biển của Philippin: Thực trạng và triển vọng**/ Phạm Duy Thực// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 51-80.

**Nội dung**: Đi sâu tìm hiểu về chính sách phát triển năng lực an ninh biển của Philippin dưới thời Tổng thống Aquino và gợi mở về chính sách này trong chính quyền của Tổng thống Rodrigo Duterte.

**Từ khóa**: Philippin, Tổng thống Aquino, Tổng thống Rodrigo Duterte, chiến lược an ninh biển, Biển Đông.

**12. Chính sách Trung Đông – Bắc Phi của Mỹ: Từ góc nhìn phân bổ ngân sách**/ Nguyễn Nhâm// Châu Mỹ Ngày nay .- 2016 .- Số 09 .- Tr. 10-16.

**Nội dung**: Với chủ trương kiên trì theo đuổi “Chiến lược Đại Trung Đông mới” nhằm chia nhỏ khu vực dễ bề quản lý, chính quyền của Tổng thống Obama đã đề xuất phân bổ ngân sách cho năm tài khóa 2017, theo hướng ưu tiên cho các hoạt động quân sự ở Syria, chống IS trong khu vực, bao gồm cả việc phân bổ các hoạt động cụ thể của các nước đồng minh và đối tác. Để thuyết phục Quốc hội sớm thông qua, Bộ Quốc phòng Mỹ đã giải trình những khó khăn mà Mỹ đang gặp phải, nhất là sự gia tăng của các mối đe dọa, hiểm họa IS và những vấn đề mới nảy sinh.

**Từ khóa**: Chính sách, Trung Đông, Bắc Phi, chiến lược, Đại Trung Đông mới, cuộc chiến, chống IS, phân bổ ngân sách, Iraq, Iran, Israel, Palestine, Syria.

**13. Chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi (2-3/9/2016) và tác động đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ**/ Lê Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Ấn Độ .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 1-7.

**Nội dung**: Theo người phát ngôn Bộ Ngoại giao Ấn Độ, Vikas Swarup, chuyến thăm của Modi là một “dấu mốc mới” và đưa quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Ấn Độ lên một mức hoàn toàn mới. Bài viết sẽ phân tích một số kết quả của chuyến thăm Việt Nam của Thủ tướng Modi và tác động đến quan hệ Việt Nam - Ấn Độ.

**Từ khóa**: Thủ tướng Narendra Modi, đối tác chiến lược toàn diện, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ.

**14. Đảm bảo an ninh dầu mỏ trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam**/ Vũ Tiến Đạt// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 103-118.

**Nội dung**: Trong bối cảnh nguồn dầu mỏ của thế giới ngày càng cạn kiệt, đe dọa trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia cũng như toàn nhân loại, từ quốc gia đến cộng đồng thế giới đều bắt buộc phải quan tâm đến vấn đề này và cần thiết phải có những hành động thiết thực để đối phó. Đứng trước thách thức thiếu hụt nguồn dầu mỏ, Việt Nam cần đề ra và thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh dầu mỏ. Đây cũng chính là vấn đề mà bài viết này cố gắng hướng đến.

**Từ khóa**: An ninh dầu mỏ, an ninh năng lượng, Việt Nam, giải pháp cho an ninh dầu mỏ.

**15. Đối ngoại Việt Nam 30 năm đổi mới: Quá trình phát triển trong nhận thức và thực tiễn**/ TS. Phạm Thanh Hà// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 43-49.

**Nội dung**: Trình bày quá trình phát triển về tư duy đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thành tựu trong thực tiễn đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới.

**Từ khóa**: Đối ngoại, hội nhập, Việt Nam.

**16. Động lực mới đối với việc giải quyết hậu quả chất da cam sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Obama**/ Nguyễn Hồng Quang// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 08 .- Tr. 20-28.

**Nội dung**: Trình bày sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với việc giải quyết hậu quả chất da cam/ dioxin kể từ khi hai nước bình thường hóa đến nay và chỉ rõ sự điều chỉnh này trong thời gian tới sẽ góp phần thúc đẩy quan hệ Đối tác toàn diện Việt – Mỹ đi vào hiệu quả và thực chất hơn trong tương lai.

**Từ khóa**: Việt – Mỹ, chính sách, da cam/ dioxin.

**17. Giải pháp của Việt Nam trong bối cảnh mất cân bằng thương mại Việt – Trung**/ TS. Doãn Công Khanh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 12-23.

**Nội dung**: Đánh giá tổng thể về quan hệ thương mại Việt Trung trong 5 năm qua, đề xuất những quan điểm, định hướng cần quán triệt, giải pháp cần thực thi để xử lý mối quan hệ thương mại giữa hai nước trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Thương mại Việt – Trung, quan hệ Việt – Trung

**18. Hoạt động đối ngoại cần phải là một phương thuốc hòa bình hữu hiệu**/ Tổng bi thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 7-20.

**Nội dung**: Điểm lại những thành công và hạn chế của ngành Ngoại giao trong Đại hội XI, từ đó rút ra 5 bài học lớn làm cơ sở để toàn ngành Ngoại giao thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đối ngoại mà Đại hội XII của Đảng đề ra.

**Từ khóa**: Hội nghị Ngoại giao 29, ngoại giao, đối ngoại, bài học, nhiệm vụ.

**19. Hồ Chí Minh với những định hướng chiến lược cho quan hệ Việt Nam - Ấn Độ**/ ThS. Đào Đình Tuấn// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 25-30.

**Nội dung**: Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn giành cho Ấn Độ một tình cảm đặc biệt và chính Người trên cương vị là một chiến sĩ cách mạng quốc tế đã góp phần tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ nhằm thoát khỏi ách thống trị của thực dân Anh. Người đã vạch ra mối quan hệ xuyên suốt giữa hai nước từ quá khứ đến hiện tại và thể hiện niềm tin mãnh liệt vào một tương lai tốt đẹp vào tình hữu nghị giữa hai dân tộc đó là: sự gắn kết vận mệnh; gắn kết văn hóa; gắn kết đường lối và gắn kết tương lai.

**Từ khóa**: Hồ Chí Minh, Ấn Độ, quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, chiến lược.

**20. Hợp tác an ninh quân sự Mỹ - Nhật Bản dưới thời chính quyền Obama**/ Vũ Thị Hưng// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 08 .- Tr. 29-39.

**Nội dung**: Trình bày những chuyển động trong hợp tác an ninh quân sự Mỹ - Nhật Bản dưới thời Chính quyền Tổng thống Obama, trên cơ sở đó nêu ra một số nhận xét và triển vọng của mối quan hệ này trong tương lai.

**Từ khóa**: Liên minh Mỹ - Nhật Bản, hợp tác, an ninh quân sự.

**21. Hợp tác an ninh quốc phòng giữa Ấn Độ và Hoa Kỳ từ năm 1991 đến nay**/ Triệu Hồng Quang, TS. Lê Thị Hằng Nga// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 17-24.

**Nội dung**: Tìm hiểu về quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ trên lĩnh vực an ninh quốc phòng, bao gồm những yếu tố tác động đến hợp tác an ninh quốc phòng giữa hai nước, thực trạng mối quan hệ và đưa ra một số nhận xét về thành tựu, hạn chế và triển vọng của hợp tác Ấn Độ - Hoa Kỳ trên lĩnh vực này từ năm 1991 đến nay.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Hoa Kỳ, bối cảnh quốc tế, an ninh quốc phòng, đối tác chiến lược.

**22. Hợp tác quốc phòng của Việt Nam với một số nước trên thế giới: Thực trạng và triển vọng**/ ThS. Trần Đình Nhàn// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 81-102.

**Nội dung**: Trình bày một số mối quan hệ quốc phòng song phương có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta, đó là quan hệ hợp tác với quân đội các nước láng giềng và một số nước lớn.

**Từ khóa**: Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc, Nga, Mỹ, hợp tác quốc phòng.

**23. Hợp tác thương mại Singapore – Trung Quốc trong những năm 1990-2010**/ PGS. TS. Phạm Ngọc Tân, ThS. Tôn Nữ Hải Yến// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 24-33.

**Nội dung**: Đi sâu tìm hiểu kim ngạch và cơ cấu thương mại hai nước trong hai thập kỷ kể từ thời điểm thiết lập quan hệ ngoại giao.

**Từ khóa**: Hợp tác thương mại Singapore – Trung Quốc, kim ngạch, cơ cấu thương mại

**24. Hợp tác văn hóa Việt Nam - Ấn Độ từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược (2007-2015)**/ TS. Lê Thị Hằng Nga, TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 15-20.

**Nội dung**: Tìm hiểu về những thành tựu và triển vọng hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và Ấn Độ từ khi hai nước thiết lập quan hệ đối tác chiến lược năm 2007 đến nay. Trên cơ sở đó, bài viết nêu ra một số gợi mở đối với việc thúc đẩy hợp tác văn hóa Việt Nam - Ấn Độ trong những năm tới.

**Từ khóa**: Đối tác chiến lược, ngoại giao văn hóa, quyền lực mềm

**25. Hợp tác Việt Nam – Lào – Camphuchia nhằm giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trong điều kiện hội nhập**/ ThS. Lê Quang Mạnh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 67-73.

**Nội dung**: Nhìn nhận vấn đề hội nhập quốc tế và các thách thức an ninh phi truyền thống, qua đó gợi mở một số vấn đề hợp tác giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia trong điều kiện hội nhập.

**Từ khóa**: Hợp tác Việt Nam – Lào – Camphuchia, an ninh phi truyền thống, hội nhập

**26. Liên kết kinh tế ở Đông Nam Á trước sự trỗi dậy của Trung Quốc: Một phân tích kinh tế chính trị**/ TS. Lê Kim Sa// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 13-26.

**Nội dung**: Bài viết này lập luận rằng, liên kết kinh tế ASEAN cần hướng tới việc quản trị những rủi ro trong tương lai. Để làm được điều này, cung cách sinh hoạt rời rạc “từ hội nghị đến hội nghị” cần được bổ sung bằng một hệ thống thông tin trực tuyến liên tục, thông suốt, cho phép tạo dựng lòng tin vững chắc giữa các nhà hoạch định và thực thi chính sách của các quốc gia thành viên.

**Từ khóa**: Liên kết kinh tế Đông Nam Á, Trung Quốc, kinh tế chính trị

**27. Liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh và cơ hội, thách thức đối với Nhật Bản**/ PGS. TS. Hoàng Văn Hiển, NCS. Lê Nam Trung Hiếu// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 6 (185) .- Tr. 3-11.

**Nội dung**: Phân tích những tiến triển trong mối quan hệ song phương Hàn Quốc – Hoa Kỳ và đánh giá những cơ hội đặt ra cho Nhật Bản khi tiến hành hợp tác toàn diện với liên minh này.

**Từ khóa**: Quan hệ Hàn Quốc – Nhật Bản, Liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ

**28. Một số vấn đề nổi bật trong quan hệ kinh tế Trung Quốc – Châu Phi hiện nay**/ PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hùng// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 06 (130) .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Phân tích những lợi ích kinh tế của Trung Quốc ở Châu Phi. Chính sách ngoại giao kinh tế của Trung Quốc ở Châu Phi. Vai trò của Châu Phi trong quá trình điều chỉnh phương thức tăng trưởng của Trung Quốc.

**Từ khóa**: Châu Phi, Trung Quốc, quan hệ kinh tế, vai trò của Châu Phi đối với Trung Quốc, lợi ích kinh tế của Trung Quốc ở Châu Phi

**29. Một số vấn đề pháp lý về trả đũa chéo theo Hiệp định TRIPS trong WTO**/ Đinh Khương Duy, Lê Ngọc Khương// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 250-270.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở pháp lý của biện pháp trả đũa chéo theo Hiệp định TRIPS trong WTO. Sau đó, bài viết sẽ chỉ ra một số đặc điểm của biện pháp này. Các phân tích này sẽ được minh họa bằng một số án lệ trong đó, bên thắng kiện được phép trả đũa chéo theo Hiệp định TRIPS.

**Từ khóa**: Trả đũa chéo, giải quyết tranh chấp, TRIPS, WTO.

**30. Mỹ - Trung và cuộc cạnh tranh chiến lược tại Châu Phi những năm đầu thế kỷ XXI**/ TS. Kim Ngọc Thu Trang// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 05 (129) .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá vai trò và ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc tại Châu Phi trong các lĩnh vực kinh tế, an ninh quân sự, văn hóa giáo dục.

**Từ khóa**: Cạnh tranh Mỹ - Trung, dầu mỏ, thương mại – đầu tư, quân sự, văn hóa giáo dục

**31. Mỹ đẩy nhanh tiến độ “tái cân bằng” khu vực Châu Á – Thái Bình Dương**/ Nguyễn Nhâm// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 40-50.

**Nội dung**: Trong tài liệu “Tái cân bằng Châu Á – Thái Bình Dương 2015: Năng lực, hiện diện và đối tác” của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược (CSIS) Mỹ công bố ngày 29/1/2016 cho biết cho đến nay, “Mỹ vẫn chưa vạch ra một chiến lược rõ ràng và rót đủ nguồn lực cho khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, nhất là khi những mối đe dọa đối với lợi ích của Mỹ từ Trung Quốc ngày càng lớn”. Báo cáo còn đưa ra bốn khuyến nghị đối với chính quyền Tổng thống Obama nhằm đẩy nhanh tiến độ “tái cân bằng” vì lợi ích của nước Mỹ, khiến giới nghiên cứu và dư luận đặc biệt quan tâm.

**Từ khóa**: Mỹ, Trung Quốc, ASEAN, Châu Á – Thái Bình Dương, chiến lược “tái cân bằng”

**32. Nguyên nhân Anh xâm nhập các tiểu quốc Malaya từ nữa sau thế kỉ 18 đến đầu thế kỉ 19**/ PGS. TS. Đặng Văn Chương, Đặng Thị Thùy Dung// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Phân tích những nguyên nhân làm sống dậy giá trị và tầm quan trọng của bán đảo Malaya trong thế chiến lược thuộc địa và cạnh tranh thương mại của người Anh trên tuyến đường giao thương quốc tế từ Ấn Độ đến Trung Quốc.

**Từ khóa**: Công ty Đông Ấn Anh (EIC), tiểu quốc Malaya, xâm nhập, Đông Nam Á

**33. Nhân tố Hoa Kỳ trong chính sách quốc phòng – an ninh của Việt Nam hiện nay (2001-2016)**/ Bùi Thị Thảo// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 14-23.

**Nội dung**: Trên cơ sở phân tích quan hệ quốc phòng – an ninh Mỹ - Việt giai đoạn 2001-2016, bài viết đưa ra những đánh giá bước đầu về nhân tố Hoa Kỳ đối với việc hoạch định và triển khai chính sách quốc phòng – an ninh của Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Chính sách quốc phòng – an ninh, nhân tố Hoa Kỳ, Việt Nam

**34. Nhận thức và ứng xử với tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tương quan so sánh với Đảng Cộng sản Trung Quốc**/ TS. Phạm Thanh Hằng// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 8 (180) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Tập trung đối chiếu, so sánh những nét tương đồng và khác biệt trong nhận thức và ứng xử với tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc kể từ sau khi hai nước tiến hành đường lối đổi mới nhận thức về tôn giáo. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra một số bài học hữu ích đối với Việt Nam trong cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề tôn giáo.

**Từ khóa**: Tôn giáo, nhận thức, ứng xử, Đảng Cộng sản.

**35. Nhìn lại 40 năm quan hệ Việt Nam – Thái Lan (1976 – 2016)**/ ThS. Đinh Đức Duy// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 47-53.

**Nội dung**: Điểm lại những mốc sự kiện chính trong quan hệ Việt Nam và Thái Lan để thấy được kết quả của quá trình quyết tâm vượt qua những khó khăn và thử thách trong quan hệ hai nước. Đồng thời khẳng định sự đúng đắn trong đường lối đối ngoại của Việt Nam và Thái Lan, đem lại sự phát triển phồn thịnh của hai nước, góp phần quan trọng đem lại hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực Đông Nam Á.

**Từ khóa**: Quan hệ Việt Nam – Thái Lan, chính sách đối ngoại, 40 năm quan hệ

**36. Nhìn lại quan hệ Việt – Trung 25 năm từ sau bình thường hóa**/ Trường Lưu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 9 (181) .- Tr. 48-55.

**Nội dung**: Chủ yếu đề cập đến quan hệ Việt – Trung trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và kinh tế thương mại trong 25 năm (1991-2016), về đại thể được phân tích qua 3 giai đoạn: 1991-2000; 2001-2010; 2011-2016.

**Từ khóa**: Bình thường hóa quan hệ Việt – Trung, quan hệ chính trị, kinh tế Việt – Trung.

**37. Nhìn lại tác động của quan hệ ASEAN – Trung Quốc đối với quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên biển giai đoạn 1991 – 2003**/ PGS. TS. Nguyễn Công Khanh, ThS. Trương Công Vĩnh Khanh// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 27-35.

**Nội dung**: Nhìn nhận mối quan hệ ASEAN – Trung Quốc để thấy cụ thể bản chất, quy luật và chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với chủ quyền trên biển của Việt Nam, làm rõ hơn thực chất sự vận động, phát triển và triển vọng của mối quan hệ này đến quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên biển hiện nay.

**Từ khóa**: Quan hệ ASEAN – Trung Quốc, quan hệ Việt – Trung, tranh chấp chủ quyền

**38. Những điều chỉnh mới trong chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc từ sau Đại hội Đảng lần thứ 18**/ ThS. Phí Hồng Minh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 9 (187) .- Tr. 11-20.

**Nội dung**: Tổng quan chính sách láng giềng của Trung Quốc. Một số nhân tố thúc đẩy Trung Quốc điều chỉnh chính sách ngoại giao láng giềng. Định hướng mới trong trọng tâm ngoại giao của thế hệ Tập – Lý.

**Từ khóa**: Trung Quốc, ngoại giao láng giềng, ngoại giao chu biên, thế hệ lãnh đạo thứ 5.

**39. Những nội hàm mới trong chiến lược toàn cầu của EU về chính sách đối ngoại và an ninh và một số hàm ý chính sách**/ Nguyễn Hải Lưu// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 7 (170) .- Tr. 13-21.

**Nội dung**: Sau 6 năm xây dựng, Chiến lược Toàn cầu mới về Chính sách Đối ngoại và An ninh Châu Âu với tiêu đề “Tầm nhìn chung, Hành động chung, vì một Châu Âu hùng mạnh” đã được Hội nghị Thượng đỉnh Liên minh Châu Âu (EU) tại Brussels (Bỉ) từ ngày 28-29/6/2016 thông qua, với nhiều định hướng, giải pháp toàn diện nhằm củng cố môi trường an ninh cho Châu Âu và nâng cao hơn nữa vị thế, vai trò của EU trên trường quốc tế. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ những nội hàm mới trong Chiến lược Toàn cầu của EU, đồng thời gợi mở một số hàm ý chính sách cần tiếp tục được nghiên cứu.

**Từ khóa**: Chiến lược Toàn cầu, EU, an ninh, đối ngoại

**40. Những nhân tố tác động tới sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Afganistan từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay**/ ThS. Phạm Thủy Nguyên// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 31-37.

**Nội dung**: Phân tích những nhân tố quốc tế và nội tại tác động đến sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Afghanistan sau Chiến tranh Lạnh tới nay như: sự chuyển biến trong môi trường quốc tế sau Chiến tranh Lạnh, ảnh hưởng của Mỹ và đồng minh, đặc điểm chính trị, an ninh trong nước, ảnh hưởng của chủ nghĩa Hồi giáo, và nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

**Từ khóa**: Afghanistan, nhân tố, điều chỉnh chính sách đối ngoại, chủ nghĩa Hồi giáo, sau Chiến tranh Lạnh.

**41. Phật giáo kiểu Mỹ - Một lựa chọn về lối sống của người dân Mỹ trước thực tại chính trị xã hội**/ ThS. Đỗ Thị Diệu Ngọc// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 09 .- Tr. 30-37.

**Nội dung**: Trên cơ sở khảo sát sự phát triển của Phật giáo tại Mỹ, bài viết đưa ra những lý do giải thích cho xu hướng ngày càng có nhiều người Mỹ tham gia vào trường phái Phật giáo. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra những điểm chung giữa Phật giáo với các giá trị cốt lõi của Mỹ và chủ nghĩa thực dụng Mỹ.

**Từ khóa**: Phật giáo, giá trị Mỹ, chủ nghĩa thực tế Mỹ.

**42. Quan hệ chính trị - an ninh Ấn Độ và Nhật Bản năm 2015**/ TS. Trần Hoàng Long// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 9-16.

**Nội dung**: Trình bày những dấu ấn quan trọng trong quan hệ chính trị - an ninh giữa hai quốc gia trong năm 2015 và đưa ra một số đánh giá về mối quan hệ này.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Nhật Bản, quan hệ, chính trị - An ninh

**43. Quan hệ đối ngoại của Myanmar với Trung Quốc dưới thời Chính phủ Thein Sein (2011 – 2015)**/ ThS. Đàm Thị Đào// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 9 (198) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ mối quan hệ giữa hai nước trên phương diện kinh tế và chính trị giai đoạn 2011-2015. Vì sao Myanmar thay đổi chính sách với Trung Quốc và những thay đổi đó là gì? Ngược lại, Trung Quốc đã phản ứng ra sao trước sự thay đổi của Myanmar? Xu hướng phát triển của mối quan hệ này sẽ như thế nào? Là những vấn đề được giải đáp trong phần nội dung của bài viết này.

**Từ khóa**: Quan hệ đối ngoại, Myanmar, Trung Quốc, Chính phủ Thein Sein

**44. Quan hệ giữa Nhật Bản và các nước tiểu vùng sông Mekong từ năm 1991 đến năm 2008**/ ThS. Huỳnh Phương Anh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 8 (186) .- Tr. 31-40.

**Nội dung**: Phân tích mối quan hệ chính trị ngoại giao và kinh tế thương mại giữa Nhật Bản và các nước Tiểu vùng sông Mekong từ năm 1991 đến năm 2008, từ đó góp phần nhận diện rõ ràng hơn và đầy đủ hơn về một trong những mối quan hệ quan trọng nhất ở khu vực Đông Nam Á nói riêng và Châu Á – Thái Bình Dương nói chung.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Tiểu vùng sông Mekong, quan hệ chính trị ngoại giao, quan hệ kinh tế thương mại.

**45. Quan hệ hai bờ eo biển Đài Loan thời kỳ “Quy hoạch 5 năm lần thứ XIII”**/ TS. Vũ Thùy Dương// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 7 (179) .- Tr. 54-65.

**Nội dung**: Giai đoạn 2016 -2020 được xem là giai đoạn then chốt để Trung Quốc hoàn thành mục tiêu xây dựng thành công xã hội khá giả toàn diện, hướng đến mục tiêu dài hơn là đạt trình độ của các nước phát triển trung bình trên thế giới vào giữa thế kỷ XXI. Để có thể đạt được những mục tiêu đó, Trung Quốc đang ra sức tận dụng và phát huy các nhân tố tích cực, giảm thiểu các nhân tố tiêu cực tác động đến tiến trình phát triển của mình. Trong đó, Trung Quốc luôn phải tính đến việc xử lý khôn khéo để nâng cao hiệu quả quan hệ với Đài Loan. Bởi Đài Loan vốn là vấn đề nhạy cảm và có thể xuất hiện nhiều biến cố khó dự đoán chính xác, nhất là khi Đảng Dân Tiến lên cầm quyền năm 2016 và Trung Quốc ngày càng trở thành đối thủ cạnh tranh với Mỹ.

**Từ khóa**: Quy hoạch 5 năm lần thứ XIII, Trung Quốc, Đài Loan, Đảng Dân Tiến

**46. Quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan dưới thời Chính quyền George W. Bush**/ TS. Phạm Cao Cường// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 07 .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Dưới thời Chính quyền George W. Bush, quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan bị tác động mạnh bởi nhiều yếu tố, trong đó có cuộc chiến “chống khủng bố” của Hoa Kỳ và “nhân tố Trung Quốc”. Bài viết này sẽ phân tích kỹ hơn về hai nhân tố đó và xem xét nó tác động như thế nào đến quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan trong khoảng thời gian cầm quyền của Chính quyền George W. Bush.

**Từ khóa**: Quan hệ Hoa Kỳ - Thái Lan, Chính quyền George W. Bush

**47**. **Quan hệ nước lớn kiểu mới Trung – Mỹ**/ TS. Lê Văn Mỹ// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 6 (178) .- Tr. 19-27.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm của Trung Quốc về khái niệm “Quan hệ nước lớn kiểu mới”. Thực tiễn Trung Quốc và Mỹ xây dựng “quan hệ nước lớn kiểu mới” những năm vừa qua.

**Từ khóa**: Trung Quốc, Mỹ, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, quan hệ nước lớn kiểu mới

**48. Quan hệ thương mại Australia – Việt Nam từ đầu thế kỷ 21 đến nay**/ NCS. Huỳnh Tâm Sáng// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 61-69.

**Nội dung**: Với tầm nhìn “trở thành một bộ phận của Châu Á”, Australia ngày càng xem Việt Nam là đối tác quan trọng. Từ đầu thế kỷ 21 đến nay, quan hệ hai nước ngày càng đi vào thực chất. Trong đó, thương mại là động lực và cầu nối giúp Australia tăng cường quan hệ với Việt Nam. Trên cơ sở đó, Australia sẽ từng bước tăng cường năng lực hội nhập vào thị trường Châu Á. Xem xét cơ sở và thành tựu trong quan hệ thương mại Australia – Việt Nam là cơ sở để nhìn nhận đầy đủ hơn về quan hệ hai nước và giúp nhận diện tiềm năng quan hệ song phương trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Australia, hội nhập, thương mại, Việt Nam.

**49. Quan hệ thương mại giữa ASEAN với Australia và New Zealand giai đoạn 2009 – 2015: Thực trạng và triển vọng**/ NCS. Nguyễn Hà Phương// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 9 (198) .- Tr. 13-20.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng mối quan hệ thương mại của ASEAN với Australia và New Zealand trong giai đoạn 2009-2015 và từ đó đưa ra một số dự đoán trong giai đoạn sắp tới.

**Từ khóa**: Quan hệ thương mại, ASEAN, Australia, New Zealand

**50. Quan hệ Việt Nam – Indonesia: 60 năm nhìn lại**/ PGS. TS. Nguyễn Cảnh Huệ// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 36-42.

**Nội dung**: Nhìn lại quan hệ Việt Nam – Indonesia trong 60 năm qua (1955-2015) kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao và rút ra một số nhận xét.

**Từ khóa**: Quan hệ Việt Nam – Indonesia, quan hệ ngoại giao

**51. Sự can dự của Đài Loan vào Tiểu vùng sông Mê Kông**/ ThS. Phí Hồng Minh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 7 (185) .- Tr. 12-21.

**Nội dung**: Trình bày xu hướng chính sách đối ngoại giữa Đài Loan và các quốc gia hạ lưu sông Mê Kông. Tình hình tham gia của Đài Loan vào Tiểu vùng sông Mê Kông.

**Từ khóa**: Đài Loan, Tiểu vùng sông Mê Kông, thương mại, đầu tư

**52. Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) và khả năng hợp tác của Việt Nam**/ TS. Đặng Minh Đức// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 7 (190) .- Tr. 22-30.

**Nội dung**: Phân tích sự hợp tác của các nước trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Động thái mới của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Triển vọng của SCO và khả năng tham gia của Việt Nam.

**Từ khóa**: An ninh, chính trị, kinh tế, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, SCO

**53. Từ mô hình “Đàn nhạn bay” đến “Hai bánh xe Đông Á”: Thay đổi trong trật tự kinh tế khu vực và hàm ý cho Việt Nam**/ ThS. Phí Hồng Minh// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 9 (181) .- Tr. 32-47.

**Nội dung**: Lý luận “đàn nhạn bay” và con đường công nghiệp hóa ở Đông Á. Dịch chuyển trong cấu trúc “trục-và-nan hoa” ở Đông Á từ thập kỷ 2000 đến nay. Việt Nam trong mối quan hệ giữa các hub trung tâm ở Đông Á. Hàm ý chính sách cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Mô hình “đàn nhạn bay”, hai trục/ hai bánh xe Đông Á, trục hướng tâm Trung Quốc, trục hướng tâm Nhật Bản, Việt Nam.

**54. Triển khai chính sách châu Á – Thái Bình Dương trong chiến lược cân bằng Á – Âu của Liên bang Nga**/ ThS. Phan Thị Dung// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 81-89.

**Nội dung**: Làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của chiến lược cân bằng Á – Âu, đồng thời phân tích các hướng chính triển khai chính sách trên thực tế của Nga tại khu vực.

**Từ khóa**: Cân bằng Á – Âu, chính sách hướng Đông, Châu Á – Thái Bình Dương, Viễn Đông, Nga, Putin, Liên minh Kinh tế Á –Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ

**55. Triển vọng quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ**/ Lê Thị Thu// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 09 .- Tr. 3-9.

**Nội dung**: Quan hệ hợp tác giữa Hoa Kỳ và Ấn Độ có ý nghĩa quan trọng, tăng cơ hội và thịnh vượng kinh tế cho cả hai nước. Trong thời gian tới, quan hệ Hoa Kỳ - Ấn Độ vẫn còn nhiều thuận lợi – cơ hội phát triển, nhưng cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, bài viết này sẽ đánh giá triển vọng quan hệ hai nước trên cả hai mặt đó.

**Từ khóa**: Hoa Kỳ, Ấn Độ, triển vọng, thuận lợi, khó khăn

**56. Trung Quốc với Liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh (1991-2012)**/ PGS. TS. Lê Văn Anh, NCS. Lê Nam Trung Hiếu// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 7 (179) .- Tr. 24-31.

**Nội dung**: Trung Quốc là một trong những đối thủ cũng như là đối tác chính của liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ trong các vụ nảy sinh ở khu vực Đông Bắc Á, đặc biệt là vấn đề tên lửa và hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Nước này đồng thời là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự cố kết của liên minh song phương sau Chiến tranh Lạnh với những đặc điểm đáng chú ý.

**Từ khóa**: Trung Quốc, liên minh Hàn Quốc – Hoa Kỳ, sau Chiến tranh Lạnh

**57. Vai trò của cựu chiến binh trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ**/ ThS. Đỗ Hữu Phương// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 07 .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Đề cập đến vai trò của các cựu chiến binh ở cả Việt Nam và Hoa Kỳ trong việc thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

**Từ khóa**: Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ, Cựu chiến binh, bình thường hóa quan hệ.

**58. Vai trò của Đông Nam Á trong chính sách an ninh của Nhật Bản**/ ThS. Ngô Thị Lan Anh// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 8 (186) .- Tr. 5-11.

**Nội dung**: Trình bày vị trí chiến lược của Đông Nam Á trong chính sách an ninh của Nhật Bản. Đông Nam Á trong chính sách an ninh của Nhật Bản. Một số nhận xét.

**Từ khóa**: Chính sách an ninh, Nhật Bản, Đông Nam Á.

**59. Vai trò của Liên minh chiến đấu Việt Nam – Campuchia trong công cuộc đấu tranh giành độc lập ở Campuchia**/ TS. Nguyễn Thành Văn// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 6 (195) .- Tr. 21-27.

**Nội dung**: Tìm hiểu vai trò của liên minh chiến đấu Việt Nam và Campuchia trong công cuộc đấu tranh giành độc lập ở Campuchia.

**Từ khóa**: Liên minh chiến đấu Việt Nam - Campuchia

**60. Vai trò của Pakistan trong cộng đồng các nước Hồi Giáo**/ ThS. Nguyễn Lê Thy Thương// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 32-39.

**Nội dung**: Với mục đích làm sáng tỏ vai trò của Pakistan trong cộng đồng tôn giáo đặc biệt này, bài viết sẽ phân tích vị trí, tầm quan trọng của quốc gia này trong tổ chức lớn nhất của các nước Hồi Giáo – Tổ chức Hợp tác Hồi Giáo (OIC) cũng như quan hệ song phương của Pakistan với một số quốc gia Hồi giáo cụ thể.

**Từ khóa**: Pakistan, Tổ chức Hợp tác Hồi giáo

**61. Vai trò của Trung Quốc tại Châu Phi và Trung Đông trong những năm gần đây**/ ThS. Phan Thị Kim Huế// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 17-27.

**Nội dung**: Tìm hiểu, phân tích và đánh giá vai trò của Trung Quốc tại Châu Phi và Trung Đông, lý giải nguyên nhân gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc khi ở khu vực này.

**Từ khóa**: Chính trị, kinh tế, an ninh, Trung Quốc, Châu Phi, Trung Đông.

**62. Vấn đề an ninh nguồn nước ở lưu vực sông Mekong trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc hiện nay**/ ThS. Bùi Anh Thư// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 9 (187) .- Tr. 21-30.

**Nội dung**: Với tính chất là một dòng sông quốc tế, sông Mekong có tác động trực tiếp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trong toàn lưu vực. Là một quốc gia nằm ở cuối nguồn Mekong, việc hợp tác chặt chẽ của Việt Nam với các quốc gia còn lại trong lưu vực, nhất là đối với vấn đề an ninh nguồn nước, được xem là chìa khóa cho bài toán phát triển bền vững của đất nước. Trong bài báo này, tác giả tập trung đi vào tìm hiểu thực trạng vấn đề an ninh nguồn nước trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc hiện nay, từ đó gợi mở một vài giải pháp cho vấn đề này.

**Từ khóa**: An ninh nguồn nước, lưu vực sông Mekong, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc.

**63. Vấn đề Biển Đông trong quan hệ Trung – Việt từ sau khi Trung Quốc điều chỉnh chính sách ngoại giao láng giềng**/ Mỹ Văn// Nghiên cứu Trung Quốc .- 2016 .- Số 9 (181) .- Tr. 73-86.

**Nội dung**: Trình bày những hành động của Trung Quốc tại Biển Đông đã và đang tác động trực tiếp đến quan hệ Trung – Việt như thế nào trong những năm gần đây.

**Từ khóa**: Trung Quốc, điều chỉnh chính sách ngoại giao láng giềng, Biển Đông, quan hệ Trung – Việt.

**64. Việc thực hiện quy chế lực lượng vũ trang trong liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc sau Chiến tranh Lạnh**/ PGS. TS. Lê Văn Anh, NCS. Lê Nam Trung Hiếu// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 07 .- Tr. 15-21.

**Nội dung**: Xem xét và đánh giá việc sữa đổi bản SOFA này trên hai vấn đề chính có tầm ảnh hưởng đến quan hệ an ninh – quân sự hai nước: đó là thẩm quyền xét xử binh lính Mỹ phạm tội và việc chia sẻ chi phí quốc phòng chung giữa hai nước đối với lực lượng Hoa Kỳ đồn trú tại Hàn Quốc (USFK).

**Từ khóa**: Liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc, Chiến tranh Lạnh, Quy chế lực lượng vũ trang.

**65. Viện trợ của Mỹ cho Pakistan đầu thế kỷ XXI đến này**/ Nguyễn Khánh Vân// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 08 .- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Đề cập đến thực trạng viện trợ của Mỹ cho Pakistan kể từ sau ngày 11/9 trên hai nội dung chính là viện trợ an ninh và viện trợ kinh tế, đồng thời đưa ra một số nhận định về hoạt động này.

**Từ khóa**: Mỹ, Pakistan, viện trợ.

**66. Xung đột và giải quyết xung đột trong quan hệ Ấn Độ - Pakistan từ đầu thế kỷ 21 đến nay**/ PGS. TS. Ngô Xuân Bình// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 1-7.

**Nội dung**: Làm rõ những mâu thuẫn chính trong quan hệ hai nước đồng thời phân tích, đánh giá những thành công và hạn chế mà chính phủ hai ben đã đạt được trong quá trình giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng này. Đây là cơ sở để bài viết đưa ra kết luận về một số xu hướng giải quyết xung đột trong quan hệ quốc tế giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa**: Ấn Độ, Pakistan, xung đột, giải quyết xung đột, Nam Á

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Abenomics với nền kinh tế Nhật Bản: Vấn đề và triển vọng**/ PGS. TS. Phạm Quý Long, TS. Nguyễn Thị Phi Nga// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 6 (184) .- Tr. 9-15.

**Nội dung**: Sau khi nhậm chức vào tháng 12 năm 2012, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã công bố chính sách Abenomics nhằm đưa nền kinh tế trì trệ của Nhật Bản ra khỏi tình trạng giảm phát bất ổn. Bài viết này không nhằm đánh giá tổng kết các kết quả sau 4 năm thực hiện Abenomics (2012 – 2106) mà tập trung phân tích gợi mở một số vấn đề còn ở phía trước của câu chuyện “Abenimics”.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Kinh tế, Abenomics

**2. Các nhân tố tác động tới phát triển các khu công nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Hải Dương**/ Trịnh Văn Thiện// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 63-69.

**Nội dung:** Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển các khu công nghiệp theo hướng bền vững tại tỉnh Hải Dương, nhằm xá định đâu là yếu tố quan trọng tác động đến khả năng đạt được phát triển bền vững.

**Từ khoá:** Phát triển bền vững, khu công nghiệp

**3. Cải cách hành chính ở Việt Nam và một số giải pháp từ kinh nghiệm Nhật Bản**/ ThS. Trần Thị Mai// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 51-59.

**Nội dung**: Phân tích những thành tựu và vấn đề đặt ra trong cải cách hành chính ở Việt Nam. Khái quát quá trình cải cách hành chính ở Nhật Bản. Một số giải pháp cải cách hành chính ở Việt Nam từ kinh nghiệm Nhật Bản.

**Từ khóa**: Cải cách hành chính, Việt Nam, Nhật Bản.

**4. Cải cách nền hành chính công tại Nhật Bản**/ PGS. TS. Phạm Thái Quốc, TS. Hạ Thu Quyên// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 6 (184) .- Tr. 16-27.

**Nội dung**: Phân tích cải cách hành chính tại Nhật Bản từ năm 1980 đến nay dựa trên bối cảnh cải cách; quan điểm, chủ trương cải cách; các chính sách và biện pháp cải cách hành chính nhà nước; đánh giá về cải cách hành chính ở Nhật Bản.

**Từ khóa**: Nhật Bản, cải cách hành chính công

**5. Chính sách sử dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở một số nước Đông Nam Á và những gợi ý cho Việt Nam**/ Dương Quỳnh Hoa// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 63-70.

**Nội dung**: Trình bày kinh nghiệm sử dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ ở một số nước Đông Nam Á. Một số kiến nghị về chính sách sử dụng nhân lực khoa học và công nghệ ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Chính sách sử dụng nguồn nhân lực, nhân lực khoa học và công nghệ

**6. Chính sách tỷ giá của Việt Nam: Diễn biến điều chỉnh và một số giải pháp**/ TS. Hoàng Văn Cương, ThS. Phạm Phú Minh, ThS. Văn Thiên Hào// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 5 (129) .- Tr. 41-55.

**Nội dung**: Làm rõ tình hình thực hiện chính sách tỷ giá của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015, áp lực từ bối cảnh mới tác động đến việc thực hiện điều chỉnh chính sách tỷ giá hiện nay và một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của chính sách điều chỉnh tỷ giá trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Điều chỉnh chính sách tỷ giá, biên độ giao động, cố định, linh hoạt

**7. Công nghiệp văn hóa Trung Quốc trong sáng kiến “Một vành đai, một con đường”**/ ThS. Trần Thị Thủy// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 7 (185) .- Tr. 30-38.

**Nội dung**: Thông qua việc đánh giá vai trò của việc xuất khẩu công nghiệp văn hóa ra bên ngoài, nhìn nhận định hướng của Chính phủ Trung Quốc đối với ngành này trong vành đai con đường tơ lụa để phân tích rõ hơn về tiềm năng phát triển của công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chiến lược vành đai tơ lụa này.

**Từ khóa**: Trung Quốc, công nghiệp văn hóa, “Một vành đai, Một con đường”

**8. Cơ hội và thách thức của HTX khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)/** Nguyễn Ngọc Dũng// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 38-40.

**Nội dung**: Đề cập đến một số khía cạnh cơ bản về thuận lợi và khó khăn liên quan trực tiếp đến các hợp tác xã, vốn là một tổ chức kinh tế còn nhiều yếu kém về nội lực, sẽ chịu tác động lớn của hội nhập kinh tế quốc tế.

**Từ khoá**: Hợp tác xã, TPP, cơ hội, thách thức, Việt Nam

**9. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí vận tải hàng hóa đường bộ và một số hàm ý cho Việt Nam**/ Nguyenx Tiến Minh, Phạm Thị Phượng, Phan Hồng Nhung, Nguyễn Hồng Ngọc// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 65-68.

**Nội dung:** Tìm hiểu những thành tố cấu thành và các yếu tố ảnh hưởng tới cước phí, chi phí vận tải hàng hóa đường bộ đồng thời đánh giá mức độ ảnh hưởng của những yếu tố đó, từ đó đề xuất một số gợi ý giải pháp cắt giảm có tính ứng dụng thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động vận tải hàng hóa đường bộ VN.

**Từ khoá:** Chi phí, vận tải đường bộ, cấu thành chi phí, Việt Nam

**10. Đánh giá tác động của cụm, khu công nghiệp tới người lao động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**/ Đặng Công Tráng, Nguyễn Thanh Tuấn// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu dựa trên kết quả thu thập và khảo sát thực tế trên địa bàn tỉnh nhằm đánh giá tác động kinh tế xã hội của các cụm, khu vuwcjcoong nghiệp tới người lao động. Kết quả của đánh giá là cơ sở quan trọng giúp cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên có giải pháp về phát triển trong tương lai.

**Từ khoá:** Tác động cụm - khu công nghiệp, người lao động, Hưng Yên

**11. Di cư trong nước và phát triển ở Việt Nam: thực trạng, những vấn đề tương lai và quan điểm chính sách**/ Lưu Bích Ngọc// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 9-20.

**Nội dung**: Phân tích vấn đề di cư ở VN, mối quan hệ giwuax di cư và phát triển theo hướng bền vững và đưa ra những góp ý chính sách.

**Từ khoá:** Di cư trong nước, phát triển bền vững, chính sách

**12. Di cư, tích tụ dân số nhanh và những tác động đến kinh tế, xã hội từ góc nhìn của người di cư đến các tỉnh Đông Nam Bộ**/ Lưu Bích Ngọc, Nguyễn Thị Thiềng// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 33-41.

**Nội dung:** Đánh giá tác động của di cư, tích tụ dân số nhanh đến kinh tế, xã hội của vùng Đông Nam Bộ dựa trên ý kiến đánh giá tác động của chính bản thân người di cư. Những nhân tố ảnh hưởng đến các nhận định của người di cư về các tác động tích cực hoặc tiêu cực cũng được làm rõ bằng phân tích hồi quy.

**Từ khoá:** Di cư; Tích tụ dân số; Tác động kinh tế, xã hội, Đông Nam Bộ

**13. Hội nhập và những vấn đề cơ cấu của nền kinh tế Việt Nam**/ Chu Minh Hội, Thân Thị Thùy Dương// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 9-16.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề cơ cấu của nền kinh tế VN gần với quá trình hội nhập, nhằm cung cấp một cách nhìn chân thực hơn về những rủi ro hơn là cơ hội mà ác hiệp định thương mại thế hệ mới sẽ đưa tới cho kinh tế VN.

**Từ khoá:** Cơ cấu kinh tế, rủi ro hội nhập, thương mai tự do thế hệ mới

**14. Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển vốn đầu tư mạo hiểm và bài học chính sách cho Việt Nam**/ TS. Lê Xuân Sang// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 8 (181) .- Tr. 19-30.

**Nội dung**: Phần đầu giới thiệu kinh nghiệm các nhóm nước Đông Á gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc; Trung Quốc; Đặc khu Hồng Kông, Vùng lãnh thổ Đài Loan trong thu hút, thúc đẩy phát triển vốn đầu tư mạo hiểm. Phần còn lại rút ra các bài học chính sách cho Việt Nam – đang trong thời kỳ đầu phát triển ngành đầu tư mạo hiểm.

**Từ khóa**: Vốn đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư cứu tinh, môi trường sinh thái khởi nghiệp công nghệ, Đông Á.

**15. Mô hình cân đối liên ngành mở rộng - ứng dụng trong phân tích thu nhập và việc làm của nền kinh tế**/ Nguyễn Mạnh Toàn, Ông Nguyên Chương// Kinh tế & phát triển .- 2016 .- Số 232 tháng 10 .- Tr. 28-38.

**Nội dung:** Giới thiệu ứng dụng mô hình cân đối liên ngành mở rộng nhằm lượng hóa các nhân tử thu nhập và việc làm dựa trên dữ liệu bảng I/O năm 2012 của VN và các số liệu liên quan khác; từ đó đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy tạo việc làm và thu nhập trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khoá:** Mô hình cân đối liên ngành mở rộng, nhân tử sản lượng, nhân tử thu nhập

**16. Mô hình định giá tài sản với nhân tố rủi ro thông tin tại Việt Nam**/ Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Lan// Kinh tế & phát triển .- 2016 .- Số 232 tháng 10 .- Tr. 11-18.

**Nội dung:** Bài viết xây dựng và kiểm định một mô hình định giá tài sản với nhân tố rủi ro thông tin cho các cổ phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Mô hình được xây dựng theo cách tiếp cận danh mục mô phỏng nhân tố.

**Từ khoá:** Lợi suất cổ phiếu, mô hình đa nhân tố

**17. Mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu tại khu vực ven biển tỉnh Nam Định**/ Lê Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Tuyết Hằng, Nguyễn Song Tùng// Nghiên cứu Địa lý nhân văn .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 16-27.

**Nội dung**: Trên cơ sở số liệu thu thập được và phân tích về những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của từng mô hình, bài viết gợi mở một số giải pháp để duy trì tính bền vững của các mô hình sinh kế trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay.

**Từ khóa**: Mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững, khu vực ven biển, Nam Định

**18. Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/Nguyễn Lê Hà Thanh Na// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 80-82.

**Nội dung:** Phân tích mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Mối quan hệ, thâm hụt ngân sách, tăng trưởng kinh tế

**19. Một số vấn đề về hiệu quả kinh tế - xã hội trong thương mại**/ Trang Thị Tuyết// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 56-57,46.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm hiệu quả kinh tế - xã hội trong thương mại và tiêu chuẩn kinh tế - xã hội trong thương mại.

**Từ khoá:** Hiệu quả, kinh tế xã hội, thương mại

**20. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân khai thác hải sản xa bờ vùng duyên hải Nam Trung Bộ**/ Hoàng Hồng Hiệp// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 47-53.

**Nội dung**: Bằng mô hình kinh tế lượng, bài viết lượng hóa những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân khai thác hải sản xa bờ vùng duyên hải Nam Trung Bộ; qua đó gợi mở một số hàm ý chính sách nhằm góp phần nâng cao thu nhập các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng duyên hải nam Trung Bộ trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Kinh tế biển, phát triển vùng, Nam Trung Bộ

**21. Những thách thức đối với Việt Nam khi thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế**/ ThS. Phạm Thị Thu Lan// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 7 (190) .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Đề cập tới việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế ở Việt Nam và những thách thức đặt ra đối với Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Hội nhập, kinh tế quốc tế, tiêu chuẩn lao động quốc tế

**22. Phân tích tác động của ODA và FDI lên tăng trưởng kinh tế Việt Nam**/ Nguyễn Hoàng Thụy Bích Trâm, Quách Doanh Nghiệp// Kinh tế & phát triển .- 2016 .- Số 232 tháng 10 .- Tr. 2 - 10.

**Nội dung**: Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn lực trong nước, đồng thời sử dụng phương pháp luận vững chắc kiểm định giới hạn ARDL để tìm ra ước lượng tác động ngắn hạn và dài hạn của những dòng vốn này lên tăng trưởng cho Việt Nam.

**Từ khoá:** FDI, ODA, tăng trưởng kinh tế

**23. Phát triển công nghiệp điện tử trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại thành phố Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Tấn Phát, Huỳnh Thế Nguyễn// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 68-75.

**Nội dung**: Trình bày sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử tại thành phố HCM giai đoạn 2008-2013 và đề xuất giải pháp phát triển sản xuất.

**Từ khoá**: Công nghiệp điện tử, công nghiệp vi mạch

**24. Phát triển kinh tế biển ở các tỉnh duyên hải miền trung nhìn từ đào tạo nguồn nhân lực**/ Võ Xuân Tiến// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 41-46.

**Nội dung:** Phân tích những bất cập, hạn chế của các cơ sở giáo dục đào tạo vùng duyên hải miền Trung trong quá trình cung cấp nguồn nhân lực phục vụ kinh tế biển và những giải pháp cần làm tốt để có thể thúc đẩy kinh tế phát triển trong tương lai.

**Từ khoá:** Kinh tế biển, phát triển kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực

**25. Phát triển kinh tế hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên - thực trạng và giải pháp/**Phạm Thị Minh Nguyệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 40-42.

**Nội dung**: Phân tích về kinh tế hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, xác định các yếu tố ảnh hưởng quá trình phát triển kinh tế Hợp tác trong xây dựng nông thôn mới. Qua đó, nêu lên những kết quả đạt được, những khó khăn vướng mắc và đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển kinh tế, hợp tác xã, nông thôn mới, Thái Nguyên

**26. Phát triển vốn đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam: thành tựu, hạn chế và giải pháp**/ Lê Xuân Sang// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 17-24.

**Nội dung:** Phân tích tổng quan tình hình phát triển đầu tư mạo hiểm trên thế giới và thực trạng đầu tư mạo hiểm ở VN; từ đó đề xuất các định hướng, giải pháp chính sách cơ bản nhằm tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn đầu tư mạo hiểm một cách bền vững, thúc đẩy phát triển công nghệ, khới sự doanh nghiệp công nghệ, ươm dưỡng môi trường sinh thái khởi nghiệp cũng như nâng cao tinh thần kinh doanh và tính năng động của doanh nghiệp nước nhà.

**Từ khoá**: Vốn đầu tư mạo hiểm, nhà đàu tư cứu tinh, môi trường sinh thái khởi nghiệp, tinh thần kinh doanh

**27. Sử dụng hồi quy số liệu mảng đa bậc nghiên cứu vai trò của xuất khẩu và đào tạo lao động trong chuyển dịch cơ cấu lao động ngành tại Việt Nam**/ Nguyễn Thị Minh, Vũ Thị Hương, Nguyễn Thị Thảo// Kinh tế & phát triển .- 2016 .- Số 232 tháng 10 .- Tr. 19-27.

**Nội dung**: Đưa ra mô tả về thực trạng dịch chuyển cơ cấu lao động giữa các ngành của VN; Xây dựng và ước lượng mô hình số liệu mảng đa bậc nhằm đưa ra các đánh giá định lượng và một số kết luận và khuyến nghị chính sách.

**Từ khoá:** Dịch chuyển cơ cấu lao động nội ngành, mô hình số liệu mảng đa bậc; đào tạo lao động

**28. Tiếp tục hoàn thiện thể chế sở hữu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN**/ Ngô Tuấn Nghĩa// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 3-8.

**Nội dung:** Khẳng định trước yêu cầu phát triển mới của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thể chế về sở hữu của VN đang đặt ra nhiều khía cạnh cần tiếp tục được hoàn thiện hơn nữa và một số đề xuất nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu đáp ứng yêu cần phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.

**Từ khoá:** Thể chế về sở hữu, kinh tế thị trường

**29. Tình hình ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam: triển vọng và đề xuất giải pháp**/ Trịnh Quốc Tuy, Trần Kim Anh// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: Đánh giá về tình hình ổn định kinh tế vĩ mô ở VN, đánh giá thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp.

**Từ khoá:** Ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam

**30. Trình độ công nghệ và lợi thế cạnh tranh ngành sản phẩm của Việt Nam**/ Nguyễn Đình Chúc, Bùi Việt Cường, Lê Phan// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 21-30.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng số liệu điều tra toàn bộ doanh nghiệp và số liệu mặt hàng xuất khẩu nhập khẩu để phân tích cơ cấu ngành sản phẩm theo trình độ và khả năng cạnh tranh.

**Từ khoá:** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao

**31. Vai trò của công nghiệp quốc phòng trong đẩy mạnh công nghiệp hoạt, hiện đại hóa**/ Nguyễn Minh Khải, Nguyễn Thanh Bình// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10.- Tr. 3-8.

**Nội dung**: Đánh giá tổng quát những đóng góp nổi bật của công nghiệp quốc phòng VN cho sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh nhập sâu trọng hiên nay và đề xuất một số ý kiến nhằm tiếp tục phát huy vai trò của công nghiệp quốc phòng.

**Từ khoá**: Vai trò của công nghiệp quốc phòng, hiện đại đất nước

**32. Vai trò của công nghiệp văn hóa qua trường hợp Nhật Bản và một số gợi mở đối với V**i**ệt Nam**/ Phạm Thu Thủy// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 6 (184) .- Tr. 36-42.

**Nội dung**: Trong bối cảnh chạy đua kinh tế toàn cầu, công nghiệp văn hóa đã và đang thu hút sự quan tâm của đông đảo giới nghiên cứu ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tại Nhật Bản, công nghiệp văn hóa được xem như một lĩnh vực kinh tế then chốt, tạo ra ưu thế cạnh tranh tổng thể, thúc đẩy sự đổi mới, cũng như tạo sự đa dạng, cân bằng hơn cho nền kinh tế. Bài viết này tìm hiểu vai trò của công nghiệp văn hóa qua trường hợp Nhật Bản, từ đó đưa ra một vài gợi ý mở đối với sự phát triển của công nghiệp văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Nhật Bản, Việt Nam, công nghiệp văn hóa

**33. Vấn đề sử dụng năng lượng ở Châu Á: Thực trạng và giải pháp**/ PGS. TS. Phạm Thị Thanh Bình// Nghiên cứu Quốc tế .- 2016 .- Số 3 .- Tr. 234-248.

**Nội dung**: Đưa ra cái nhìn tổng quan về thực trạng sử dụng năng lượng ở Châu Á và kiến nghị một số giải pháp nhằm giúp các nước Châu Á đảm bảo an ninh năng lượng trong thời gian tới.

**Từ khóa**: An ninh năng lượng, Châu Á, sử dụng năng lượng.

**34. Xác định nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế theo chiếu sâu**/ PGS.TS. Đỗ Văn Đức// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 2-8.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ những cơ sở lý thuyết về các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu nói chung và những vấn đề về nguồn lực để chuyển từ mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng ở nước ta sang mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu trong những năm tới.

**Từ khoá:** Tăng trưởng kinh tế, nguồn lực

**35. Xây dựng con người văn hóa với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam**/ Trịnh Thị Ái Hoa// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 25-30.

**Nội dung:** bàn về văn hóa và mối quan hệ giữa xây dựng con người văn hóa với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

**Từ khoá**: Văn hóa, con người văn hóa, phát triển kinh tế

# TÀI CHÍNH

**1. Báo cáo tài chính giữa niên độ ở Việt Nam: thực tiễn và giải pháp**/ Nguyễn Hữu Cường// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 31-37.

**Nội dung:** Đánh giá thực tiễn vận dụng các quy định về báo cáo tài chính giwuax niên độ thông qua việc đo lường mức độ tuân thủ của các công ty niêm yết đối với quy định về công bố thông tin trên hai phương diện: nội dung thông tin được công bố và thời hạn công bố. Từ đó đưa ra một số gợi ý.

**Từ khoá:** Báo cáo tái chính, chế độ báo cáo

**2. Chính sách tỷ giá hối đoái hướng tới mục tiêu xuất khẩu**/ ThS. Lê Mai Trang, ThS. Thiều Quang Hiệp// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 15-26.

**Nội dung**: Trình bày lý thuyết về chính sách tỷ giá hối đoái, lựa chọn chính sách tỷ giá hối đoái hướng tới mục tiêu xuất khẩu và định hướng chính sách tỷ giá hối đoái hướng tới mục tiêu xuất khẩu ở VN.

**Từ khoá**: Chính sách, tỷ giá hối đoái, xuất khẩu

**3. Chính sách ứng phó với nguy cơ khủng hoảng nợ công: kinh nghiệm Nhật Bản và hàm ý cho Việt Nam**/ Phạm Quý Long// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9 (460) tháng 9 .- Tr. 76-81.

**Nội dung**: Bài viết tổng hợp, phân tích chính sách ứng phó với nguy cơ khủng hoảng nợ công từ kinh nghiệm của Nhật Bản và gợi ý khả năng vận dụng cho VN.

**Từ khoá:** Tài chính công, rủi ro nợ, quản trị nợ công , Nhật Bản

**4. Để hạn chế những rủi ro trong thanh toán không dùng tiền mặt/** Hoàng Viết Biên// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 65-66,23.

**Nội dung:** Trình bày những nổ lực đảm bảo an toán trong thanh toán không dùng tiền mặt và giải pháp để hạn chế những rủi ro trong thanh toán không dùng tiền mặt thời gian tới.

**Từ khoá**: Rủi ro, thanh toán, không dùng tiền mặt, quản lý

**5. Dự báo khó khăn tài chính và các mô hình dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp**/ Vũ Thị Loan// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 21-23.

**Nội dung:** Trình bày khái niệm dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp; Các mô hình dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Dự báo khó khăn tài chính, doanh nghiệp

6. **Giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam**/ Hoàng Thị Thu, Nguyễn Thị Kim Nhung// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 102-103,106.

**Nội dung**: Thực trạng huy động các nguồn tài chính cho chăm sóc sức khỏe và giải pháp nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính cho chăm sóc sức khỏe.

**Từ khoá**: Huy động tài chính, chăm sóc sức khỏe, Việt Nam

**7. Giám sát hệ thống thanh toán bán lẻ nhìn từ kinh nghiệm của Liên Minh Châu Âu và khuyến nghị cho Việt Nam**/ ThS. Thái Lan Anh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr.53-58.

**Nội dung**: Tập trung giới thiệu nội dung và cách thức thực hiện chức năng giám sát hệ thống thanh toán bán lẻ của Ngân hàng Trung ương Châu Âu; trên cơ sở đó đưa ra một số khuyến nghị có thể áp dụng cho trường hợp của VN.

**Từ khoá**: Hệ thống thanh toán bán lẻ, kinh nghiệm

**8. Hoàn thiện quản lý nợ công ở Việt Nam**/ TS. Đỗ Quang Trị// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 2-5.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng nợ công ở VN và một số phương hướng hoàn thiện quản lý nợ công ở VN.

**Từ khoá:** Quản lý nợ công, Việt Nam

**9. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong môi trường pháp lý** mới/ ThS. Võ Thị Hoàng Nhi// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 36-40.

**Nội dung:** Trình bày hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong môi trường pháp lý mới và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDND trong điều kiện môi trường pháp lý mới.

**Từ khoá:** Quỹ tín dụng nhân dân, môi trường pháp lý mới

**10. Hướng dẫn mới về phí, lệ phí**/ TS. Viên Thị An// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 36-37..

**Nội dung:** Bài viết phân tích những điểm lưu ý của Luật Phí và lệ phí và Nghị định hướng dẫn luật.

**Từ khoá**: Luật phí và lệ phí, nguồn thu, ngân sách

**11. Khởi dòng vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp**/ TS. Nguyễn Thanh Huyền, ThS. Trần Hoài Anm/ Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 17-20..

**Nội dung**: Trình bày vốn và tiến trình doanh nghiệp khởi nghiệp, thị trường vốn cho doanh nghiệp tại VN và một số giải pháp hỗ trợ triệt để doanh nghiệp khởi nghiệp có đủ vốn.

**Từ khoá**: Doanh nghiệp khởi nghiệp, thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

**12. Khung pháp lý và cơ chế giám sát đối với hoạt động của hợp tác xã tài chính**/ Nguyễn Quốc Nghi// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 20(461) tháng 10.- Tr. 39-41.

**Nội dung:** Bài viết tham khảo môi trường chính sách pháp luật đối với hoạt động hợp tác xã tài chính (HTXTC)của 4 quốc giá: Brazil, Sri Lanka, Burkina Faso, Kenya, từ đó rút ra những ưu điểm và hạn chế khung phapslys và cơ chế giám sát hoạt động HTXTC, làm cơ sở đúc kết những bài học kinh nghiệm.

**Từ khoá**: Khung pháp lý, cơ chế giám sát, hợp tác xã tài chính

**13. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển tài chính bền vững thông qua phát triển tổ chức tài chính vi mô**/ Nguyễn Thị Liên// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Đánh giá, phân tích về những kinh nghiệp hoạt động tài chính vi mô của một số nước, rút ra những bài học trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm phát triển bền vững mô hình tổ chức tài chính vi mô hiện nay ở VN.

**Từ khoá**: Phát triển bền vững, tổ chức tài chính vi mô, Bài học kinh nghiệm

**14. Mối quan hệ giữa chính sách tín dụng và thị trường bất động sản**/ Phạm Hữu Hồng Thái & Hồ Thị Lam// Phát triển kinh tế .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 34-52.

**Nội dung**: Nghiên cứu sử dụng mô hình Panel VAR, đặc biệt tập trung vào hàm phản ứng xung trực giao (OIRF) với dữ liệu trong giai đoạn 2009–2015. Các kết quả chính của nghiên cứu cho thấy tồn tại mối quan hệ đa chiều giữa tín dụng ngân hàng (TDNH) đại diện cho CSTD, TTBĐS và hoạt động nền kinh tế. Trong đó, mối quan hệ giữa CSTD và TTBĐS là mối quan hệ củng cố lẫn nhau, khi có một sự biến động trên thị trường này sẽ dẫn đến biến động trên thị trường còn lại theo hướng tương tự.

**Từ khoá**: Chính sách tín dụng; Panel VAR; Thị trường bất động sản; tín dụng; bất động sản.

**15. Mối quan hệ giữa nợ xấu và tăng trưởng tín dụng, trường hợp các chi nhánh ngân hàng thương mại ở tỉnh Trà Vinh**/ Lê Tuấn Phong, Trương Đông Lộc// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu mối quan hệ giữa nợ xấu và tăng trưởng tín dụng, trường hợp các chi nhánh ngân hàng thương mại ở tỉnh Trà Vinh.

**Từ khoá**: Nợ xấu, tín dụng

**16. Năng lực tiếp cận vốn của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trái phiếu quốc tế**/ PGS.TS. Lê Hoàng Nga, ThS. Nguyễn Huy Quang// Chứng khoán Việt Nam .- 2016 .- Số 215 tháng 9 .- Tr. 12-15.

**Nội dung:** Đề cập đến tình hình huy động vốn qua phát hành trái phiếu quốc tế - thuận lợi và khó khăn; Một số gợi ý giải pháp đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế.

**Từ khóa**: Vốn, Doanh nghiệp, thị trường trái phiếu, trái phiếu quốc tế

**17. Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân nhằm hạn chế tín dụng đen ở khu vực nông thôn**/ ThS. Trần Trọng Phong, Nguyễn Thế Hiệp, Bùi Thị Hà Phương// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 18(459) tháng 9 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Khái niệm quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) và khái niệm tín dụng đen và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của QTDND.

**Từ khoá:** Quỹ tín dụng nhân dân, tín dụng đen

**18. Phổ cập tài chính: Góc nhìn từ thanh toán bán lẻ**/ Lê Phương Lan// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 40-45.

**Nội dung**: Phổ cập tài chính và ý nghĩa đối với phát triển kinh tế xã hội, vai trò của thanh toán bán lẻ đối với phổ cập tài chính, thực trạng phổ cập tài chính và cơ hội phát triển thanh toán bán lẻ tại VN, một số kiến nghị chính sách.

**Từ khoá**: Phổ cập tài chính, thanh toán bán lẻ

**19. Quyến sở hữu và công khai tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước**/ Phạm Duy Khánh// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 42-44.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quyền chủ sở hữu và công khai tài sản tại doanh nghiệp có vốn nhà nước và đề xuất mô hình tổ chức thực hiện.

**Từ khoá:** Chủ sở hữu, tài chính, doanh nghiệp có vốn nhà nước, giám sát tài chính

**20.Tác động của sai lệch tỷ giá đến tăng trưởng kinh tế**/ ThS. Phan Tiến Nam// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 64-69.

**Nội dung**: Trình bày một số vấn đề về sai lệch tỷ giá ảnh hưởng tới hàng hóa, sai lệch tỷ giá ảnh hưởng tới đầu tư trong và nước ngoài, sai lệch tỷ giá càng lớn thì càng gây tổn hại tới các hoạt động của nền kinh tế, nội tệ định giá thực cao hay thấp sẽ tạo ra sự nhiễu loạn trong hàng xuát nhập khẩu...

**Từ khoá:** Tỷ giá, tăng trưởng kinh tế, xuất nhập khẩu, thương amij quốc tế, hàng hóa

**21. Tài chính vi mô phá vỡ vòng xoay đói nghèo**/ Đinh Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngà// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 19(460) tháng 10 .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Đánh giá và làm rõ vai trò thực sự của tài chính vi mô đối với xói đói giảm nghèo trên cả phương tiện lý thuyết và thực tiễn, chỉ rõ tiềm năng thị trường lớn cho phát triển của dịch vụ TCVM tại VN.

**Từ khoá**: Tài chính vi mô, xói đói giảm nghèo

**22. Tài chính vi mô trên thế giới và gợi ý phát triển tại Việt Nam**/ TS. Ngô Văn Tuấn// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 19(460) tháng 10 .- Tr. 32-35.

**Nội dung:** Trình bày các phương pháp phân tích, so sánh và đánh giá thực trậng hoạt động tài chính vi mô trong thời gian qua, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm phát triển hoạt động vi mô, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống xã hội và hoàn thiện hệ thống tài chính ở VN trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Tài chính vi mô, Thế giới, Việt Nam

**23. Thị trường tài chính Việt Nam - giải pháp khi tham gia TPP, AEC**/ Giang Trọng Tú// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Nêu thực trạng và những vấn đề đặt ra, những khuyến nghijh cho thị trường tài chính VN khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và là thành viên của cộng đồng kinh tế ASEAN.

**Từ khoá**: Thị trường tài chính, TPP, AEC

**24. Thực trạng nợ công tại Việt Nam giai đoạn 2011-2015 đề xuất giải pháp quản lý nợ công giai đoạn 2016-2020**/ Lê Chung// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 18(459) tháng 9 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Thực trạng nợ công VN hiện nay và đề xuất giải pháp tăng cường quản lý nợ công giai đoạn 2016-2020.

**Từ khoá:** Nợ công, quản lý nợ công

**25. Thực trạng và giải pháp về phát hành trái phiếu trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay**/ Ths. Lê Thị Mỹ Kim// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 25-28.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng về phát hành trái phiếu trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay và giải pháp nâng cao hiệu quả cho thị trường phát hành trái phiếu trong các doanh nghiệp ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Trái phiếu, phát hành trái phiếu, trái phiếu doanh nghiệp

**26. Vai trò của tổng mức, đầu tư xây dựng trong hoạt động thẩm định dự án đầu tư của các tổ chức tín dụng**/ TS. Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 17-22.

**Nội dung**: Giới thiệu các hạng mục của tổng mức đầu tư xây dựng (TMĐTXĐ), sau đó trình bày phương pháp xác định TMĐTXD và cuối cùng cho thấy được những vai trò của TMĐTXD trong hoạt động thẩm định dự án đầu tư các tổ chức tín dụng gồm: xác định nhu cầu vốn vay của chủ đầu tư; ước tính nguyên giá các loại tài sản cố định (TSCĐ) của dự án hình thành sau đầu tư; Xác định được chi phí chìm của dự án.

**Từ khoá:** Tổng mức đầu tư xây dựng, thẩm định dự án, Dự án đầu tư, tổ chức tín dụng

**27. Xây dựng kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành tài chính giai đoạn 2016-2020**/ KS. Đặng Đức Mai, TS. Nguyễn Cương// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr.49-52.

**Nội dung**: Đề xuất mô hình kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành tài chính giai đoạn 2016-2020.

**Từ khoá**: Công nghệ thông tin, tài chính công, thủ tục hành chính, ngân sách nhà nước

**28. Xây dựng mô hình thử sức chịu đựng rủi ro tín dung - từ lý thuyết đến thực tiễn tại Việt Nam**/ Vũ Thị Kim Oanh, Vũ Hải Yến, Nguyễn Thị Thu Trang, Bùi Huy Trung// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 23-30.

**Nội dung**: Đánh giá sức chịu đựng rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam, đồng thời đưa ra những gợi ý chính sách cho việc triển khai đánh giá sức chịu đựng rủi ro tín dungk theo cách tiếp cận Top-down (từ trên xuống).

**Từ khoá**: Rủi ro tín dụng

**NGÂN HÀNG**

**1. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến đạo đức nghề nghiệp của người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Đặng Kim Oanh, Nguyễn Thị Thu Thương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 60-62.

**Nội dung**: Xác định 6 yếu tố (bình đẳng, công bằng; giao tiếp trong tổ chwucs; vinh danh, ghi nhận thành tích; cơ hội đào tạo bvaf thăng tiến; định hướng kế hoạch tương lai, khuyến khích trong công việc) có ảnh hưởng tích cực đến đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN)của người lao động, từ đó đềx uất một sốia ảiap ápn hằm nâng cao giá trị ĐĐNN của người lao động trong các doanh nghiệp hoạtdđộngtreên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Đạo đức nghề ngiệp, văn hóa doanh nghiệp, Thái Nguyên

**2. Bất ổn lãi suất và truyền dẫn lãi suất bán lẻ ở Việt Nam**/ Nguyễn Thị Ngọc Trang, Trần Ngọc Thơ, Nguyễn Hữu Tuấn// Phát triển Kinh tế .- 2016 .- Số 8 tháng 8 .- Tr. 21-41.

**Nội dung**: Phân tích truyền dẫn lãi suất bán lẻ ở VN trong mối quan hệ thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc (Tbill) và lãi suất thị trường liên ngân hàng truyền dẫn vào lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại (NHTM).

**Từ khoá:** Truyền dẫn lãi suất, bán lẻ, bất cân xứng, bất ổn lãi suất, TAR, MTAR

**3. Các nhân tố ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của ngân hàng thương mại và một số khuyến nghị**/ PGS.TS. Lê Thị Tuấn Nghĩa, ThS. Phạm Mạnh Hùng// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 27-36.

**Nội dung:** Đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của ngân hàng thương mại cùng một số nghiên cứu quốc tế về vấn đề này, qua đó đưa ra một số khuyến nghị liên quan đến vấn đề này.

**Từ khoá**: Đòn bẩy tài chính, ngân hàng thương mại

**4. Các nhân tổ ảnh hưởng đến dự định và quyết định sử dụng thẻ ngân hàng: cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu lý thuyết**/ Phạm Nguyễn Thị Hoàng Hoa, Lê Dân, Đường Thị Liên Hà// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 46-48.

**Nội dung:** Bài viết dựa vào thuyết hành động hợp lý (TRA), thuyết hành vi kế hoạch (TPB), thuyết chấp nhận công nghệ (TAM) và thuyết chấp nhận thương mại điện tử (E-CAM) để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến dự định và quyết định sử dụng thẻ ngân hàng ở VN .

**Từ khoá:** TAM, TRA, TPB, E-CAM, thẻ ngân hàng

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng**/ Trần Sỹ Định// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 45-47.

**Nội dung:** Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng: con người, quy trình phcuj vụ, quang cảnh trụ sở ngân hàng, năng lực tài chính, công nghệ ngân hàng, chất lượng dịch vụ, giá cả dịch vụ, việc duy trì khách hàng, chiến lược kinh doanh ngân hàng.

**Từ khoá**: Sự hài lòng, khách hàng, dịch vụ ngân hàng

**6. Các yếu tố tác động đến sự hài lòng trong công vieecjh của người lao động tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bình Định**/ Đặng Hồng Vương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 63-65,59.

**Nội dung**: Trình bày 5 nhân tố đế sự hài lòng trong công việc của người lao động tại các doanh nghiệp vừavaà nhỏ: Tiền lương và phúc lợi; Điều kiện làm việc; Mối quan hệ với cấp trên; Mối quan hệ với đồng nghiệp và cơ hội thăng tiến.

**Từ khoá:** Người lao đông, doanh nghiệp vừa và nhỏ, sự hài lòng trong công việc, hiệu quả công việc

**7. Chất lượng tín dụng hộ sản xuất tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Văn Thanh// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr .66-68.

**Nội dung**: Các giải pháp quản lý chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Agribank và chất lượng tín dụng hộ sản xuất của Agribank.

**Từ khoá**: Ngân hàng, tín dụng, rủi ro tín dụng, hộ sản xuất

**8. Cơ chế truyền tải của chính sách tiền tệ thông qua kênh lãi suất tại Việt Nam**/ ThS. Phạm Thị Bảo Oanh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 16-21.

**Nội dung**: Tập trung xem xét cơ chế tác động của các loại lãi suất kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại và lạm phát thông qua việc sử dụng mô hình VAR, từ đó, đưa ra kiến nghị về việc điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

**Từ khoá:** Chính sách tiền tệ, lãi suất, Việt Nam, Ngân hàng thương mại

**9. Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ: hướng đi tất yếu cho các ngân hàng thương mại trong bối cảnh hội nhập**/ Hạ Thị Hải Ly// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 20(461) tháng 10 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Trình bày vai trò của đa dạng sản phẩm dịch vụ: hướng đi tất yếu cho các ngân hàng thương mại trong bối cảnh hội nhập; Phân tích rủi ro cho NHTM theo nguyên tắc không bỏ tất cả trừng vào một giỏ; Đa dạng hóa nguồn thu từ danh mục sản phẩm, dịch vụ phong phú; Năng cao naeng lực cạnh tranh; Thực trạng đa dạng hóa sản phẩm tại một số NHTM VN; Một số đề xuất đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ NHTM.

**Từ khoá**: Đa dạng hóa, sản phẩm dịch vụ, ngân hàng thương mại, hội nhập

**10. Đánh giá hiệu quả chính sách an toàn vĩ mô tại Việt Nam**/ ThS. Vũ Hải Yến, ThS. Trần Thanh Ngân// Ngân hàng .- 2016 .- Số 20 tháng 10 .- Tr. 2-10.

**Nội dung:** Tổng quan các nghiên cứu về phương thức đánh giá và hiệu quả của chính sách an toàn vĩ mô; mô hình đánh giá hiệu quả chính sách an toàn vĩ mô; Kết quả và gợi ý chính sách.

**Từ khoá:** Chính sách an toàn, vĩ mô

**11. Dịch vụ ngân hàng bán lẻ, kinh nghiệm quốc tế và một số đề xuất đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Thu Giang// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 57-59.

**Nội dung:** Kinh nghiệm phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ (DVNHBL)của một số NHTM ở Mỹ, Đông Nam Á, Trung Quốc và một số đề xuất đối với các NHTM Việt Nam về phát triển DVNHBL.

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng thương mại

**12. Digital marketing trong ngân hàng - kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho ngân hàng Thương mại Việt Nam**/ ThS. Đỗ Hoài Linh, ThS. Khúc Thế Anh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 20 tháng 10 .- Tr. 27-32.

**Nội dung:** Tổng quan nghiên cứu về digital marketing trong ngân hàng;Tình hình ứng dụng digital marketing; Một số khuyến nghị cho digital marketing tịa các ngân hàng thương mại VN.

**Từ khoá**: Digital marketing, ngân hàng thương mại

**13. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn ngân hàng: những vấn dề đặt ra?/** ThS. Nguyễn Hữu Mạnh// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 69-71

**Nội dung:** Đánh giá thực tiễn tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói riêng, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn ngân hàng cho loại hình doanh nghiệp này trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngân hàng thương mại, báo cáo tài chính, tài sản thế chấp

**14. Dữ liệu thống kê tiền tệ chi tiết trong hoạch định chính sách tiền tệ của ngân hàng Trung ương**/ TS. Tô Huy Vũ// Ngân hàng .- 2016 .- Số 20 tháng 10 .- Tr. 11-14.

**Nội dung:** Đánh giá và xem xét những lợi ích, gia trị gia tăng cũng như thách thức của dữ liệu chi tiết phục vụ công tác hoạch định chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương.

**Từ khoá:** Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Trung ương

**15. Giải pháp mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng thương mại/** ThS. Nguyễn Thị Vân// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 18(459) tháng 9 .- Tr. 24-26.

**Nội dung**: Trình bày sự chủ động triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM); triển khai đồng bộ và mạnh mẽ trong nộp thuế điện tử; Đề xuất giải pháp phát triển hơn nữa thanh toán không dùng tiền mặt.

**Từ khoá**: Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, ngân hàng thương mại

**16. Giải pháp phát triển hoạt động bán lẻ tại BIDV chi nhánh Phú Yên**/ Lưu Bùi Quốc Bình// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 86-87.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường này tại BIDV tỉnh Phú Yên.

**Từ khoá**: BIDV, ngân hàng bán lẻ, doanh nghiệp, khách hàng

**17. Hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệu// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Trình bày chất lượng dịch vụ và khoảng cách chất lượng dịch vụ; Quản lý chất lượng dịch vụ trong ngân hàng thương mại; Một số khuyến nghị.

**Từ khoá:** Hệ thống quản lý, chất lượng dịch vụ, ngân hàng thương mại

**18. Lợi ích và vai trò của bảo hiểm liên kết ngân hàng**/ Nguyễn Thị Bích Hằng// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 49-50.

**Nội dung:** Trình bày lợi ích của liên kết bảo hiểm trong các ngân hàng thương mại hiện nay; Vai trò của lợi ích của liên kết bảo hiểm trong các ngân hàng điều tiết của các qui định pháp lý.

**Từ khoá:** Bảo hiểm, Ngân hàng thương mại

**19. Luận bàn về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh nghiệp vụ mua bán nợ của các tổ chức tín dụng Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Bích Ngân// Ngân hàng .- 2016 .- Số 20 tháng 10 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu về các văn bản quy định phạm pháp luật hiện đang điều chỉnh hoạt động mua bán nợ của các tổ chức tín dụng VN và đưa ra các khuyến nghị cần thiết.

**Từ khoá:** Pháp luật điều chỉnh nghiệp vụ mua bán nợ, tổ chức tín dụng

**20. Một số giải pháp phòng chống tội phạm công nghệ cao trong hoạt động ngân hàng**/ TS. Trần Trọng Huy// Thị trường tài chính tiền tệ .- 2016 .- Số 18(459) tháng 9 .- Tr. 22-23.

**Nội dung:** Đưa ra một số định hướng phát triển và giải pháp phòng ngừa đối với hệ thống ngân hàng trong quá trình hoạt động và phát triển dịch vụ ngân hàng nói chung, dịch vụ ngân hàng điện tử nói riêng trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

**Từ khoá**: Phòng chống tội phạm, công nghệ cao, hoạt động ngân hàng.

**21. Nguyên lý định giá hợp đồng kỳ hạn**/ GS.TS. Nguyễn Văn Tiến// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 26-30.

**Nội dung:** Trình bày 4 phần: Đường cong lãi suất giao ngay; Lãi suất giao ngay và lãi suất chiết khấu; Lãi suất kỳ hạn dài hạn; Lãi suất kỳ hạn ngắn hạn.

**Từ khoá**: Nguyên lý định giá, hợp đồng kỳ hạn

**22. Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ - mảng kinh doanh chiến lược của Vietinbank**/ ThS. Nguyễn Thùy Linh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 20 tháng 10 .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Trình bày tình hình hoạt động bán lẻ của Vietinbank trong giai đoạn gần đây, từ đó đưa ra giải pháp phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

**Từ khoá:** Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, chiến lược kinh doanh, Vietinbank

**23. Phát triển hoạt động ngân hàng quốc tế: Những vấn đề cần xem xét**/ TS. Trần Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 6-12.

**Nội dung:** Trình bày một số khái niệm và đặc điểm trong hoạt động ngân hàng quốc tế, qua đó, tập trung phân tích những khía cạnh cần cân nhắc khi lựa chọn phát triển hoạt động này.

**Từ khoá:** Hoạt động ngân hàng, ngân hàng quốc tế

**24. Quản trị rủi ro tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Ngọc Trâm// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 36-38.

**Nội dung**: Trình bày những kết quả đạt được từ công tác quản trị rủi ro và một số hạn chế cần khắc phục.

**Từ khoá**: Quản trị rủi ro, ngân hàng thương mại, hoạt động kinh doanh

**25. Quy tắc Taylor và chính sách tiền tệ tối ưu tại Việt Nam**/ Nguyễn Trần Ân// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 22-25.

**Nội dung:** Bài viết sử dụng phương pháp mô phỏng ngẫu nhiên bằng phần mềm Eviews 6.0 để xác định giá trị các hệ số lệch lạm phát và độ lệch sản lượng của quy tắc Taylor (1993) với các biển trần lãi suất huy động, tỉ lệ lạm phát và độe ệchsaản lượng giai trong đoạn200 0-2015.

**Từ khoá**: Quy tắc Taylor, chính sách tiền tệ, Việt Nam

**26. Quỹ hoán đổi danh mục (ETF) ở Việt Nam**/ PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 48-51,54.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng phát triển quỹ ETF ở VN, một số bất cập ảnh hưởng đến phát triển quỹ ETF ở VN, giải pháp và khuyến nghị nhằm phát triển quỹ ETF ở VN.

**Từ khoá:** Quyỹ hoán đổi, ETF

**27. Tác động của mô hình ngân hàng đa năng đến tỷ suất sinh lời của các ngân hàng thương mại**/ TS. Nguyễn Chí Đức, ThS. Nguyễn Thành Trung// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 29-32.

**Nội dung:** Tổng quan về ngân hàng đa năng, mô hình ngân hàng đa năng tại VN và một số giải pháp.

**Từ khoá:** Ngân hàng đa năng, Ngân hàng thương amij, tỷ suất sinh lợi

**28. Tác động trực tiếp và gián tiếp của chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và trực tuyến đến sự hài lòng của khách hàng**/ Võ Thị Ngọc Thúy// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 59-68.

**Nội dung:** Nghiên cứu xem xét tác động trực tiếp và gián tiếp của chất lượng dịch vụ truyền thống đến sự hài lòng khách hàng thông qua chất lượng dịch vụ trực tuyến, và ngược lại. Thông qua khảo sát 435 khách hàng Vietcombank, kết quả cho thấy chất lượng dịch vụ truyền thống và trực tuyến đều quan trọng, tuy nhiên kênh trực tuyến quan trọng hơn. Nghiên cứu giúp doanh nghiệp hiểu rõ hơn vai trò của từng loại hình dịch vụ để tối ưu hóa hiệu quả từng kênh, từ đó tác động tích cực đến sự hài lòng khách hàng đối với dịch vụ đa kênh.

**Từ khoá**: Chất lượng giao dịch trực tiếp; chất lượng giao dịch trực tuyến; sự hài lòng của khách hàng; trải nghiệm dịch vụ truyền thống; trải nghiệm dịch vụ trực tuyến

**29. Tăng cường năng lực cho bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong quá trình thực hiện tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu**/ Ngô Quang Lương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 36-38.

**Nội dung:** Nghiên cứu đề xuấ sửa đổi Luật bảo hiểm tiền gửi (BHTG) để tăng cường vai trò của BHTG cũng như tạo cơ sở pháp lý cho việc sử dụng nguồn lực của BHTG trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu ổ chứctiínunụng, xửl ý nợ xấu.

**Từ khoá**: Bảo hiểm tiền gửi, Việt, tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu

**30. Thực trạng xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại Việt Nam và một số kiến nghị đề xuất**/ Đào Dũng Trí// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Phân tích những vấn đề cơ bản của nợ xấu, cung cấp thực trạng diễn biến cũng như quá trình quyết liệt xử lý nợ xấu trong hệ thống nhân hàng trong thời gian qua, từ đó đề ra một số kiến nghị dành cho cơ quan quản lý Nhà nước trong vấn đề giải quyết nợ xấu.

**Từ khoá:** Nợ xấu, ngân hàng thương mại, Việt Nam

**31. Triển khai thực hiện hợp đồng theo mẫu - điều kiện giao dịch chung trong cung ứng dịch vụ ngân hàng**/ TS. Dương Hồng Phương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 19 tháng 10 .- Tr. 13-16..

**Nội dung:** Trình bày một số khó khăn của NHTM trong quá trình triển khai thực hiện quyết định 35 và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

**Từ khoá**: Dịch vụ ngân hàng

**32. Vai trò của tín dụng ngân hàng trong phát triển kinh tế biển Việt Nam**/ ThS. Võ Văn Bình// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 33-35.

**Nội dung**: Trình bày chiến lược phát triển kinh tế biển VN, vai trò của tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế biển và định hướng tín dụng đầu tư phát triển kinh tế biển.

**Từ khoá**: Kinh tế biển đảo, tín dụng, vốn ngân hàng, vận tải biển

**33. Vai trò hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại cổ phần đối với sự thay đổi hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An**/ Võ Đức Việt// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 57-59.

**Nội dung**: Trình bày những mặt đạt đươc và những mặt hạn chế, trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm tăng cường hơn nữa vai trò cho vay của ngân hàng thương mại cổ phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Từ khoá**: Hiệu quả sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn vay, ngân hàng thương mại cổ phần

**34. Xác lập biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo bộ luật dân sự 2015**/ TS.LS. Bùi Đức Giang// Ngân hàng .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Tập trung vào việc giới thiệu một số quy định mới liên quan đến việc xác lập biện pháp bảo đảm và phân tích một số điểm hạn chế này chưa rõ cần được hướng dẫn thêm của các quy định này cùng với việc đánh giá một số tác động với ngân hàng khi nhận bảo đảm.

**Từ khoá**: Bảo đảm, tái sản, bộ luật dân sự 2015

# THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

**1. Ảnh hưởng của nhà đầu tư nước ngoài đến biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ Đặng Tùng Lâm, Hoàng Dương Việt Anh, Dương Nguyễn Minh Huy// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9(460) tháng 9 .- Tr. 38-43.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng ủa nhà đầu tư nước ngoài đến biến động giá cổ phiếu của công ty niêm yết trên hai cơ sở giao dịch chứng khoán hà Nội và thành phố HCM trong giai đoạn từ 2007- 2014 dựa trên phân tích hồi quy sử dụng dữ liệu bảng.

**Từ khoá:** Nhà đầu tư nước ngoài, thị trường chứng khoán,biến động giá cổ phiếu, Việt Nam

**2. Nghiên cứu cấu trúc phụ thuộc của thị trường chứng khoán, thị trường vàng và thị trường ngoại tệ ở Việt Nam**/ Lê Trung Thành, Nguyễn Đức Khương// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 10-15.

**Nội dung**: Giới thiệu các mô hình Copula được sử dụng phổ biến và áp dụng trong tính toán giá trị tổn thất danh mục bao gồm: cổ phiếu, vàng và tỷ giá VND/USD. Kết quả của nghiên cứu cho thấy mối tương quan yếu giữa ba thị trường ở Việt Nam và cung cấp một phương pháp mới hiệu quả trong đa dạng hóa danh mục cho nhà đầu tư.

**Từ khoá**: Copula; cấu trúc phụ thuộc; chứng khoán; giá trị rủi ro; ngoại tệ; vàng

**3. Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Quang Khải// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr.50-52.

**Nội dung**: Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định quản trị danh mục năng động của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**Từ khoá:** Quản trị, danh mục đầu tư, thị trường chứng khoán, nhà đầu tư

**NGOẠI THƯƠNG**

**1. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam**/ TS. Hoàng Văn Cương, ThS. Phạm Phú Minh, NCS. Văn Thiên Hào// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 8 (132) .- Tr. 37-49.

**Nội dung**: Tập trung làm rõ những cơ hội, thách thức, cũng như tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký đem lại cho một số ngành hàng sản xuất, từ đó kiến nghị một số giải pháp để tăng cường tận dụng những lợi ích có thể đạt được từ những hiệp định thế hệ mới này.

**Từ khóa**: Hiệp định thương mại thế hệ mới, tác động, cơ hội, thách thức.

**2. Chính sách và giải pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh**/ Bùi Hữu Đức, Bùi Khắc Bằng// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 87-93.

**Nội dung**: Trình bày một số vấn đề lý luận về rủi ro trong hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản và tổng hợp kết quả khảo sát 45 doanh nghiệp, 130 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh xuất khẩu nông, lâm sản trên địa bàn Hà Tĩnh nhằm đánh giá thực trạng các rủi ro và chính sách phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với xuất khẩu nông, lâm sản của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các kiến nghị hoàn thiện chính sách từ phía các cơ quan quản lý nhà nước địa phương và các giải pháp cần thực hiện từ phía doanh nghiệp góp phần phòng ngừa, hạn chế các nguy cơ, rủi ro, nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất khẩu nông, lâm sản tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Rủi ro xuất khẩu nông sản; chính sách hạn chế rủi ro xuất khẩu nông sản

**3. Kinh nghiệm xuất khẩu gỗ của Trung Quốc – Những gợi ý cho hoạt động xuất khẩu gỗ của Việt Nam**/ Trần Thế Tuân// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 7 (190) .- Tr. 66-73.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng xuất khẩu gỗ của Trung Quốc thời gian qua; tổng hợp, đúc kết kinh nghiệm thực tế tại quốc gia này, trên cơ sở đó đưa ra một số những gợi ý cho hoạt động xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

**Từ khóa**: Kinh nghiệm, sản phẩm gỗ, xuất khẩu gỗ, Trung Quốc, Việt Nam

**4. Một số đánh giá hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh Nghệ An hiện nay/** Phạm Tiến Dũng// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr.44-45,40.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu ở Nghệ An; đánh giá hoạt động xuất nhập khẩu ở Nghệ An; Giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu ở Nghệ An.

**Từ khoá:** Xuất nhập khẩu, hoạt động, hàng hóa, Nghệ An

**5. Nghiên cứu tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam**/ Vũ Quang Kết// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 79-82.

**Nội dung**: Khái niệm về năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm, nghiên cứu tổng quan về các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm, vận dụng xác định các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, xuất khẩu, công nghệ phần mềm, Việt Nam

**6. Vị thế cạnh tranh xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp giữa Việt Nam và Thái Lan trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế**/ TS. Lê Tuấn Lộc, ThS. Phạm Ngọc Ý// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 21-28.

**Nội dung**: Trình bày xu hướng và sự thay đổi lợi thế so sánh xuất khẩu nông nghiệp của Việt Nam với Thái Lan. Mô hình chuyển đổi lợi thế so sánh của Việt Nam và Thái Lan. Hàm ý chính sách.

**Từ khóa**: Xuất khẩu, sản phẩm nông nghiệp, Việt Nam, Thái Lan

**7. Việt Nam gia nhập TPP: Cơ hội, thách thức và định hướng chính sách**/ TS. Lê Xuân Song// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 3-17.

**Nội dung**: Đánh giá khái lược những nét khác biệt trong các cam kết, phân tích tác động của việc thực hiện cam kết TPP lên nền kinh tế các nước thành viên, nhất là Việt Nam. Trên cơ sở các quy định và các tác động có thể của việc thực hiện TPP, thực trạng chuẩn bị gia nhập và thể chế kinh tế Việt Nam, bài viết đề xuất một số quan điểm, định hướng chủ chốt để tăng hiệu quả gia nhập TPP, giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể.

**Từ khóa**: Gia nhập TPP, Việt Nam, định hướng, chính sách

**8. Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào hoạt động nghiên cứu và triển khai của Nhật Bản tại Việt Nam**/ Nguyễn Việt Khôi, Nguyễn Quỳnh Nga, Nguyễn Tiến Đức// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 8 (186) .- Tr. 48-50.

**Nội dung**: Làm rõ xu hướng các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản có xu hướng chuyển dịch hoạt động đầu tư vào R&D từ Trung Quốc và Nhật Bản về khu vực Đông Nam Á, lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài của Nhật Bản vào Việt Nam ngày càng tăng, song Việt Nam chưa thu hút được nguồn vốn đầu tư nước ngoài của các TNC Nhật Bản vào hoạt động R&D. Ngoài ra, bài viết phân tích các lựa chọn của các TNC Nhật Bản về hoạt động đầu tư ra nước ngoài và đưa ra những kết luận, phương hướng cho những nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa**: FDI và MNCs, phân tích R&D, FDI Nhật Bản, FDI vào Việt Nam, FDI và R&D.

**9. Xuất khẩu gạo sang Trung Quốc: Nhân tố tác động và một số hàm ý đối với Việt Nam**/ PGS. TS. Hà Văn Hội// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 5 (129) .- Tr. 32-40.

**Nội dung**: Khái quát tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong giai đoạn 2010 đến nay, đồng thời phân tích, đánh giá một số nhân tố chính ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo sang thị trường này. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo tính bền vững đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa**: Xuất khẩu gạo, Trung Quốc, nhân tố tác động, chính sách

**PHÁP LUẬT**

**1. An toàn sức khỏe tại nơi làm việc trong hệ thống tiêu chuẩn lao động cốt lõi và trách nhiệm bồi thường thiệt hại từ tai nạn lao động/** ThS. Đoàn Công Yên// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 46 – 55.

**Nội dung:** Bồi thường tai nạn lao động không phải là vấn đề mới trên thế giới và tại Việt Nam. Tuy vậy, trong bài viết tác giả phân tích hai vấn đề mà còn tranh cãi và bất cập: Vị trí an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc trong hệ thống tiêu chuẩn lao động cốt lõi; lợi ích mà người lao động hoặc thân nhân của người lao động bị chết được bồi thường từ người sử dụng lao động.

**Từ khóa:** Luật Lao động, an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc, tai nạn lao động, trách nhiệm của người sử dụng lao động

**2. Bàn về khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo điều 3 của Công ước Vienna 1980**/ ThS. Lê Tấn Phát, ThS. Nguyễn Hoàng Thái Hy// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 56 – 64.

**Nội dung**: Thông qua việc phân tích các tiêu chí của quy định trên thế giới, tác giả tìm ra xu hướng giải thích một cách chung nhất phạm vi áp dụng theo nội dung của Công ước Vienna về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của Liên hợp quốc.

**Từ khóa:** Luật Quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, điều 3 Công ước Vienna

**3. Bàn về quy định giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật trong Bộ luật Dân sự năm 2015/** TS. Ngô Quốc Chiến**//** Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 20 – 24.

**Nội dung:** Trình bày những thay đổi trong quy định về giao dịch vi phạm điều cấm của luật, phân tích ý nghĩa của quy định này và bước đầu đánh giá những khó khăn của việc áp dụng trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Giao dịch dân sự, vi phạm điều cấm, Luật Dân sự

**4. Bảo lưu quyền sở hữu của người bán đối với tài sản mua bán theo Bộ luật Dân sự 2015**/ Đỗ Viết Anh Thái // Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 18 – 27, 37.

**Nội dung**: Phân tích vai trò và giá trị pháp lý của vấn đề chuyển quyền sở hữu đối với tài sản trong quan hệ mua bán, chỉ ra những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015 về bảo lưu quyền sở hữu của bên bán đối với tài sản mua bán và mối quan hệ giữa bảo lưu quyền sở hữu với pháp luật phá sản, đồng thời đề xuất một số kiến nghị khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực áp dụng.

**Từ khóa**: Bảo lưu quyền sở hữu, chuyển quyền sở hữu, hợp đồng mua bán tài sản, Bộ luật Dân sự

**5. Các biện pháp đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng mua nhà hình thành trong tương lai**/ TS. Lưu Quốc Thái // Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 23 – 32

**Nội** Hệ thống hóa, phân tích, đánh giá các quy định mới nhất về các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người mua nhà ở hình thành trong tương lai với tư cách là khách hàng của các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, nhằm mục đích góp phần hoàn thiện hơn pháp luật kinh doanh bất động sản và tạo nên môi trường bất động sản lành mạnh, an toàn.**dung:**

**Từ khóa**: Luật Kinh doanh bất động sản, nhà ở hình thành trong tương lai, quyền lợi hợp pháp

**6. Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và pháp luật Việt Nam hiện nay**/ ThS. Nguyễn Thu Dương// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 62 – 72.

**Nội dung:** Đề cập đến các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, đồng thời cho thấy hạn chế trong các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện.

**Từ khóa:** Vệ sinh an toàn thực phẩm, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, pháp luật, Việt Nam

**7. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của ASEAN**/ NCS.ThS. Lê Minh Tiến// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 65 – 70.

**Nội dung:** Tập trung phân tích, bình luận và đánh giá hai cách thức chứng nhận xuất xứ hàng hóa mà ASEAN hiện đang triển khai: cấp giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền quốc gia thành viên thực hiện và tự chứng nhận xuất xứ do doanh nghiệp tiến hành.

**Từ khóa:** Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN

**8. Điều kiện trở thành cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài theo các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam**/ ThS. Dương Văn Học// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 73 – 78.

**Nội dung:** Phân tích các vấn đề pháp lý về điều kiện trở thành cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài trong các hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam, qua đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

**Từ khóa**: Cơ sở thường trú, doanh nghiệp nước ngoài, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Việt Nam

**9. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu**/ Nguyễn Ngọc Hồng Phượng, Nguyễn Phương Thảo// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 71 – 80.

**Nội dung**: Pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành có quy định về hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử Tòa án có thể xác định hành vi xâm phạm chưa phù hợp với quy định pháp luật vì chưa đầy đủ các dấu hiệu của hành vi xâm phạm hoặc trường hợp pháp luật chưa quy định cụ thể. Bài viết làm rõ các yếu tố cần xác định của hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu và thể hiện trường hợp chưa rõ ràng trong quy định của pháp luật.

**Từ khóa**: Hành vi xâm phạm, nhãn hiệu, Luật Sở hữu trí tuệ

**10. Hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**/ ThS. Thân Văn Tài// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 35 – 44.

**Nội dung:** Phân tích vai trò của biện pháp thu hồi, hủy giấy và phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nêu các chiêu thức sử dụng giấy, phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong thực tế hiện nay; chỉ rõ nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên xuất phát từ những hạn chế của các quy định liên quan là chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, phù hợp để phát huy hiệu quả của việc kiểm soát giấy, phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát loại giấy tờ này, ngăn ngừa việc lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

**Từ khóa**: Giấy chứng nhận đất, kiểm soát, quyền sử dụng đất, Luật Đất đai

**11. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực ngân hàng**/ Lương Khải Ân// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 3 – 17.

**Nội dung:** Phân tích khái quát quá trình phát triển, những hạn chế, bất cập để đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực ngân hàng.

**Từ khóa**: Hợp đồng cho vay, lĩnh vực ngân hàng, hoàn thiện pháp luật

**12. Hợp đồng học nghề những vấn đề pháp lí đặt ra và hướng hoàn thiện**/ TS. Đào Mộng Điệp, Ngô Thị Nhật Lệ// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 12 – 22.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về hợp đồng học nghề; làm rõ yêu cầu hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp luật về hợp đồng học nghề và đưa ra một số đề xuất cụ thể.

**Từ khóa**: Hợp đồng, học nghề, pháp lý

**13. Hợp đồng về quyền sử dụng đất trong Bộ luật Dân sự năm 2015**/ ThS. Nguyễn Thùy Trang// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 53 – 59.

**Nội dung**: Bình luận các quy định hợp đồng về quyền sử dụng đất trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và nêu một số đề xuất hoàn thiện pháp luật liên quan đến nội dung này.

**Từ khóa**: Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng, quyền sử dụng đất

**14. Lí luận về chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng/** Khuất Quang Phát, Ngô Thu Trang// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 68 – 76.

**Nội dung:** Trên cơ sở phân tích, so sánh các chế định các chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và trách nhiệm nghiêm ngặt theo bộ luật dân sự, các nguyên lý cơ bản của hệ thống luật tư trên thế giới và ở Việt Nam, bài viết chỉ ra các đặc điểm và bản chất pháp lí của chế định trách nhiệm sản phẩm.

**Từ khóa**: Chế định, lí luận, quyền lợi người tiêu dùng, trách nhiệm sản phẩm

**15. Lịch sử ngành công tố Hoa Kỳ và gợi mở một số vấn đề lí luận về quyền công tố**/ Đậu Công Hiệp// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 74 – 80.

**Nội dung**: Qua lịch sử ngành công tố Hoa Kỳ, bài viết gợi mở một số vấn đề lí luận về sự ra đời của quyền công tố, về mối quan hệ giữa tư tố và công tố và về vị trí, tính chất của quyền công tố.

**Từ khóa**: Công tố Hoa Kỳ, ngành công tố, lịch sử, lí luận, quyền công tố

**16. Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: Những ưu điểm và hạn chế**/ NCS.ThS. Phan Phương Nam// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 18 – 22.

**Nội dung:** Tập trung vào việc phân tích những nội dung còn chưa rõ, mâu thuẫn và hạn chế của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015 để từ đó chỉ ra những vấn đề mà các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm cần lưu ý làm rõ. Bởi lẽ những ưu điểm của quy định trong Luật NSNN năm 2015 sẽ không pháp huy nếu những điểm bất cập được phân tích trong bài chưa được hướng dẫn và giải quyết một cách thấu đáo.

**Từ khóa**: Luật Ngân sách nhà nước, ưu điểm, hạn chế.

**17. Miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng**/ TS. Trịnh Tiến Việt// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 60 – 73.

**Nội dung**: Qua phân tích các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về miễn trách nhiệm hình sự, bài viết nêu những vấn đề đặt ra trong quá trình áp dụng các quy định này và đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung cụ thể.

**Từ khóa**: Bộ luật Hình sự năm 2015, miễn trách nhiệm hình sự, áp dụng

**18. Một số bất cập trong các quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014**/ Nguyễn Huy Cường// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (391) .- Tr. 38 – 40, 49.

**Nội dung**: Chế định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo với những giá trị nhân văn to lớn đã được ghi nhận trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bài viết làm rõ các nội dung: Những bất cập trong các quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định về vấn đề này.

**Từ khóa:** Mang thai hộ, Luật Hôn nhân và Gia đình, bất cập

**19. Một số vấn đề về áp dụng tập quán trong quan hệ hôn nhân và gia đình**/ Nguyễn Phương Lan// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 31 – 38.

**Nội dung:** Trên cơ sở phan tích khái niệm, ý nghĩa của việc áp dụng tập quán và các nguyên tắc áp dụng tập quán, bài viết đánh giá thực tiễn áp dụng tập quán trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình và đưa ra một số kết luận.

**Từ khóa**: Luật Hôn nhân và Gia đình, tập quán

**20. Một số vấn đề về đăng ký nhãn hiệu âm thanh/** Đỗ Thị Đức// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 48 – 55.

**Nội dung**: Đề cập đến vấn đề bảo hộ nhãn hiệu âm thanh ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết khi xây dựng chế định liên quan đến loại nhãn hiệu phi truyền thống này ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhãn hiệu âm thanh, Luật Sở hữu trí tuệ

**21. Một số vấn đề về pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư, thương mại của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam/** Trần Thị Thu Phương// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 41 – 49

**Nội dung:** Phân tích những thay đổi của pháp luật Việt Nam điều chỉnh về hoạt động đầu tư, thương mại của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, đánh giá nhằm phát hiện ra những bất cập còn tồn tại giữa các văn bản pháp luật trong lĩnh vực này.

**Từ khóa**: Luật Thương mại, đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

**22. Nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm**/ ThS. Hoàng Minh Thái, ThS. Nguyễn Thị Tố Như// Luật học .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 45 – 52.

**Nội dung**: Phân tích cơ sở lý luận, pháp lý của nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm; chỉ ra một số khuyết điểm của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên mua bảo hiểm; đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục khiếm khuyết của pháp luật về vấn đề này.

**Từ khóa**: Hợp đồng bảo hiểm, Pháp luật Việt Nam.

**23. Nội quy lao động – Thực trạng và một số kiến nghị**/ Đỗ Thị Dung// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 3 – 47.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng pháp luật về nội quy lao động, thực tiễn ban hành nội quy lao động trong các doanh nghiệp và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về nội quy lao động.

**Từ khóa:** Nội quy lao động, Luật Lao động.

**24. Phân chia tài sản của con nợ phá sản trong Luật Phá sản năm 2014**/ Dương Mỹ An// Nhà nước Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 50 – 61.

**Nội dung:** Nêu một số nguyên tắc căn bản về phân chia tài sản trong thủ tục phá sản. Chỉ ra những điểm tiến bộ của Luật Phá sản hiện hành, những bất cập khi áp dụng vào thực tiễn, đồng thời đề xuất một số sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện.

**Từ khóa:** Luật phá sản, phân chia tài sản, thủ tục phá sản

**25. Pháp luật trong hệ thống các quy phạm xã hội**/ TS. Phan Nhật Thanh// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 3 – 9, 32.

**Nội dung**: Nghiên cứu sự tồn tại của nhiều hệ thống quy phạm trong một xã hội có nhà nước. Mục đích không làm giới hạn giá trị của các hình thức pháp luật, đặc biệt là hệ thống các quy phạm do nhà nước ban hành mà chỉ hướng đến sự tồn tại của nhiều hệ thống quy phạm cũng như mối liên hệ giữa chúng sao cho việc áp dụng của chúng có hiệu quả.

**Từ khóa:** Pháp luật, quy phạm xã hội

**26. Pháp luật về công cụ hỗ trợ bảo vệ an ninh, trật tự - Từ góc độ kiểm soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện**/ Nguyễn Thị Dung// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 48 – 55.

**Nội dung**: Phân tích các vấn đề pháp lí liên quan đến kinh doanh công cụ hỗ trợ bảo vệ an ninh, trật tự dưới góc độ kiểm soát điều kiện kinh doanh phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

**Tự do:** An ninh, trật tự, công cụ hỗ trợ, kinh doanh có điều kiện

**27. Pháp luật về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam hiện nay**/ Đỗ Thanh Hương// Nhà nước Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 10 – 12, 17.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng pháp luật về di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam hiện nay, qua đó nhận diện những bất cập còn tồn tại và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

**Từ khóa:** Pháp luật, di sản văn hóa phi vật thể, Việt Nam

**28. Quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo luật cạnh tranh và một số bất cập**/ Hoàng Minh Chiến// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 27 – 38.

**Nội dung:** Đề cập bản chất pháp lý của hành vi cạnh tranh không lành mạnh và những bất cập của Luật cạnh tranh 2004 về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

**Từ khóa**: Luật cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, bất cập, quy định

**29. Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam**/ Nguyễn Tuấn Vũ// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 56 – 61.

**Nội dung**: Nêu mục đích và bản chất của quy tắc xuất xứ trong các Hiệp định thương mại tự do; quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương; và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam.

**Từ khóa**: Luật Thương mại, quy tắc xuất xứ, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, Việt Nam

**30. Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài**/ TS. Nguyễn Thị Thu Thủy// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 25 – 30.

**Nội dung**: Phân tích các khía cạnh của cơ chế đồng thẩm quyền trong áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện chế định thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài.

**Từ khóa**: Luật Trọng tài thương mại, tranh chấp thương mại, biện pháp khẩn cấp tạm thời, tố tụng trọng tài

**31. Thẩm quyền đăng kí hộ tịch theo Luật Hộ tịch và vấn đề thực hiện**/ Nguyễn Ngọc Bích// Luật học .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 18 – 26.

**Nội dung**: Phân tích các quy định về thẩm quyền đăng kí hộ tịch theo Luật hộ tịch năm 2014; so sánh với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trước đây, qua đó làm rõ những điểm thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các quy định này hiện nay.

**Từ khóa**: Đăng kí hộ tịch, hộ tịch, Luật Lộ tịch, thẩm quyền.

**32. Thẩm quyền trong các vụ kiện facebook của tòa án Pháp: Gợi mở với Việt Nam/** Lý Vân Anh// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 75 – 84.

**Nội dung:** Giới thiệu, phân tích hai vụ kiện Facebook được thụ lý bởi các Tòa án Pháp liên quan tới điều khoản về lựa chọn tòa án được đưa ra bởi Facebook, từ đó liên hệ tới trường hợp vụ kiện tương tự tại Tòa án Việt Nam.

**Từ khóa:** Vụ kiện facebook, Tòa án Pháp, bài học kinh nghiệm, tòa án Việt Nam

**33. Trách nhiệm của Nhà nước và cơ quan nhà nước khi tham gia quan hệ dân sự theo Bộ luật Dân sự năm 2015**/ TS. Nguyễn Ngọc Hà// Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 8 (340) .- Tr. 11 – 19.

**Nội dung:** Tập trung làm rõ: Nội hàm và ý nghĩa của các quy định liên quan quan đến việc tham gia vào quan hệ dân sự của Nhà nước và cơ quan nhà nước; Các quy định liên quan đến trách nhiệm về nghĩa vụ dân sự của nhà nước và cơ quan nhà nước; Và đưa ra các kết luận.

**Từ khóa**: Trách nhiệm, tham gia quan hệ dân sự, Nhà nước, cơ quan nhà nước, Luật Dân sự

**34. Trọng tài thường trực và trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của Công ước Luật Biển năm 1982 – Những điểm tương đồng và khác biệt/** Ngô Hữu Phước**//** Nhà nước và Pháp luật .- 2016 .- Số 9 (341) .- Tr. 62 – 74, 84.

**Nội dung**: Phân tích các vấn đề pháp lý cơ bản về Trọng tài thường trực (PCA) từ khi thành lập đến nay, làm sáng tỏ những những điểm tương đồng và khác biệt PCA với Trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của Công ước Luật Biển năm 1982 (UNCLOS). Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị khả năng Việt Nam sử dụng thủ tục trọng tài được thành lập theo Phụ VII của UNCLOS để giải quyết các tranh chấp liên quan đến giải thích và áp dụng UNCLOS với Trung Quốc khi cần thiết.

**Từ khóa**: Trọng tài thường trực, trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của Công ước Luật biển năm 1982,Công ước Luật biển, tương đồng, khác biệt

**35. Vai trò của tòa án trong việc xem xét văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ**/ NCS. Cao Vũ Minh// Khoa học Pháp lý .- 2016 .- Số 6 (100) .- Tr. 10 – 17

**Nội dung**: Nêu khái quát về kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; Tòa án với việc xem xét các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; và những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện.

**Từ khóa**: Tòa án, Chính phủ, văn bản quy phạm pháp luật, vai trò

**36. Xử lý vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ liên quan đến tên miền**/ Nguyễn Như Quỳnh// Khoa học Công nghệ Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 9 – 11.

**Nội dung**: Đề cập đến trình tự, thủ tục thay đổi tên miền vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ, đồng thời nêu ra một số vấn đề cần lưu ý trong việc triển khai áp dụng Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BTTTT-BKHCN.

**Từ khóa**: Luật Sỡ hữu trí Xử lý, vi phạm pháp luật, sở hữu trí tuệ, tên miền

**GIÁO DỤC**

**1. Các nhân tố ảnh hưởng tới dự định sử dụng hệ thống E-Learning của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp đại học Bách Khoa Hà Nội**/ Lê Hiếu Học, Đào Trung Kiên// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 78-86.

**Nội dung**: Nghiên cứu này được thiết kế để đánh giá những nhân tố hỗ trợ và rào cản ảnh hưởng tới quá trình chấp nhận sử dụng hệ thống E-learning qua trường hợp của Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả nghiên cứu từ 205 sinh viên tham gia các khóa học trực tuyến cho thấy dự định sử dụng hệ thống E-learning của sinh viên chịu tác động của bốn nhân tố (1) cảm nhận về tính hiệu quả; (2) tính hữu ích cảm nhận; (3) tính thuận tiện và (4) rào cản kỹ thuật. Trong đó rào cản kỹ thuật của hệ thống có tác động ngược chiều tới dự định sử dụng hệ thống của sinh viên.

**Từ khoá**: E-learning, dự định sử dụng, cảm nhận về tính hiệu quả, tính hữu ích cảm nhận, tính thuận tiện, rào cản kỹ thuật

**2. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng viên ngoại ngữ chuyên ngành kinh tế - thương mại**/ ThS. Hoàng Thị Thúy// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 56-57.

**Nội dung:** Trình bày tình hình trình độ của độ ngũ giảng viên ngoại ngữ chuyên ngành kinh tế - thương mại hiện nay, từ đó đưa ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng viên ngoại ngữ chuyên ngành kinh tế - thương mại trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Giảng viên, đào tạo, ngoại ngữ, chất lượng

**3. Giáo dục bậc cao ở khu vực Đông Á: Chính sách và một số tác động đối với tăng trưởng kinh tế**/ ThS. Đỗ Đức Thắng// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 8 (132) .- Tr. 29-36.

**Nội dung**: Trình bày một số chính sách phát triển giáo dục bậc cao ở các nước Đông Á. Thực trạng giáo dục bậc cao ở khu vực Đông Á. Vai trò và tác động của giáo dục bậc cao đối với tăng trưởng kinh tế Đông Á.

**Từ khóa**: Giáo dục bậc cao, tăng trưởng kinh tế, Đông Á.

**4. Một số tác động của Internet tốc độ cao đối với nền giáo dục Mỹ**/ ThS. Lê Thị Thu Hằng// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 08 .- Tr. 50-61.

**Nội dung**: Internet ngày một thể hiện vai trò to lớn trong mọi mặt của đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Với phương châm lấy internet làm điều kiện thiết yếu cho sự thành công của giáo dục trong thế kỷ XXI, những năm gần đây, Chính phủ Mỹ thực hiện nhiều biện pháp nhằm phổ cập hóa internet tốc độ cao tới các trường học, tạo ra những tác động sâu sắc đến sự phá triển toàn diện của nền giáo dục Mỹ.  
**Từ khóa**: Internet tốc độ cao, giáo dục Mỹ, băng thông rộng, chính sách giáo dục Mỹ, sáng kiến giáo dục Mỹ.

**5. Nâng cao chất lượng giảng dạy theo hình thức online ở bộ môn kinh tế, khoa kinh tế, trường Đại học Vinh**/Nguyễn Hoài Nam, Lương Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Văn Quỳnh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 70-72.

**Nội dung:** Đánh giá thực trạng giảng dạy theo hình thức online và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giờ dậy online ở bộ môn kinh tế, khoa kinh tế, trường Đại học Vinh.

**Từ khoá**: Chất lượng giảng dạy, online, bộ môn kinh tế, Đại học Vinh

**6. Thực trạng đào tạo tiếng Anh chuyên ngành tại các trường đại học kinh tế - tài chính**/ Phan Tú Lan// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 58-59.

**Nội dung**: Nêu lên thực trạng việc đào tạo tiếng Anh chuyên ngành tại các trường đại học; từ đó đề ra một số giải pháp chủ yếu giúp cải thiện tình hình giảng dạy và học tập tiếng Anh chuyên ngành tại một số trường đại học lĩnh vực kinh tế - tài chính.

**Từ khoá**: Tiếng Anh, kinh tế, tài chính, đào tạo, chuyên ngành đại học

**7. Tự chủ tài chính đối với đại học công lập: lý luận và giải pháp**/ TS. Nguyễn Thị Ngọc Loan// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 53-55.

**Nội dung:** Phân tích những vấn đề đặt ra đối với hoạt động tự chủ tài chính tại các trường đại học, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong triển khai tự chủ tài chính tai các trường công lập hiện nay.

**Từ khoá**: Giáo dục đại học, đại học công lập, quản lý tài chính, tự chủ tài chính

**8. Phát triển giáo dục bậc cao phục vụ tăng trưởng kinh tế ở Thái Lan**/ ThS. Đỗ Đức Thắng// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 7 (131) .- Tr. 34-42.

**Nội dung**: Phân tích các chính sách và thực trạng phát triển giáo dục bậc cao và đánh giá vai trò của giáo dục bậc cao đối với tăng trưởng kinh tế ở Thái Lan trong quá trình công nghiệp hóa.

**Từ khóa**: Giáo dục bậc cao, tăng trưởng kinh tế, Thái Lan.

**9. Quản lý chất lượng giáo dục đại học ở nước ta hiện nay**/ ThS. Nguyễn Đức Hạnh// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 71-77.

**Nội dung**: Quan điểm về chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam. Thực trạng quản lý chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam qua các thời kỳ. Giải pháp nâng cao công tác quản lý chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam trong tình hình mới.

**Từ khóa**: Giáo dục đại học, chất lượng đào tạo, quản lý chất lượng đào tạo

**10. Tác động của nhóm lợi ích giáo dục đến chính sách giáo dục ở Mỹ hiện nay**/ NCS. Phan Duy Anh// Châu Mỹ ngày nay .- 2016 .- Số 08 .- Tr. 40-49.

**Nội dung**: Tập trung phân tích, làm rõ mô hình quản lý giáo dục, các nhóm lợi ích giáo dục lớn ở Mỹ và các chiến lược của các nhóm lợi ích giáo dục quốc gia ảnh hưởng đến chính sách giáo dục ở Mỹ hiện nay.

**Từ khóa**: Nhóm lợi ích giáo dục, chính sách giáo dục, Mỹ.

**11. Về phương pháp giảng dạy quản trị rủi ro doanh nghiệp bậc sau đại học ở Ấn Độ**/ PGS. TS. Ngô Xuân Bình// Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 16-22.

**Nội dung**: Xác định và tập trung vào các yếu tố cần thiết để phát triển một chương trình và phương pháp giảng dạy quản trị rủi ro từ góc độ đa ngành thông qua phân tích các quan điểm và kinh nghiệm của các giảng viên Ấn Độ trong việc thiết kế và cung cấp một chuyên đề Quản trị rủi ro doanh nghiệp cho các khóa học về quản trị rủi ro ở bậc sau đại học.

**Từ khóa**: Quản trị rủi ro doanh nghiệp, thiết kế môn học, phương pháp giảng dạy, bậc sau đại học, Ấn Độ.

**12. Xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục đại học: lý luận và thực tiễn Việt Nam**/ Lê Văn Chiến// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Trình bày giáo dục và dịch vụ công; Thực tiễn xã hội hóa giáo dục học ở VN trong thời gian qua; Một số khuyến nghị từ thực tiễn xã hội hóa giáo dục đại học.

**Từ khoá**: Xã hội hóa, dịch vụ công, giáo dục, đại học, Việt Nam

**NGÔN NGỮ**

**1. Chức năng diễn ngôn của ngắt lời trong hội thoại/** ThS. NCS. Phạm Hồng Vân// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 16 – 20.

**Nội dung**: Tìm hiểu sự xuất hiện của ngắt lời cũng như những chức năng và đặc tính của chúng trong giao tiếp với hai câu hỏi: Các loại ngắt lời và chức năng của chúng trong các cuộc thoại là gì? Những nhân tố nào quyết định đến sự xuất hiện của các loại ngắt lời trong cuộc thoại.

**Từ khóa**: Diễn ngôn, ngắt lời, hội thoại

**2. Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh**/ ThS. Đỗ Xuân Hải// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 96 – 102.

**Nội dung**: Trình bày quá trình và kết quả phân tích cấu trúc tu từ ở cấp độ hành động tu từ trong phần dẫn nhập của 30 bài báo nghiên cúu chuyên ngành ngôn ngữ học ứng dụng với các mảng nghiên cứu là Giảng dạy ngôn ngữ và Dụng học & Phân tích diễn ngôn.

**Từ khóa**: Cấu trúc tu từ, dẫn nhập bài báo, nghiên cứu tiếng Anh

**3. Đánh giá chất lượng dịch thuật ngữ kinh tế Anh – Việt trong cuốn “Kinh tế vĩ mô” của tác giả Gregony Mankiw theo mô hình của Peter Newmark**/ ThS. NCS. Phạm Thị Thanh Thùy// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 37 – 44.

**Nội dung:** Khái quát về mô hình đánh giá dịch thuật của Peter Newmark. Thử nghiệm phân tích cách dịch các thật ngữ Anh – Việt trong cuốn Kinh tế vĩ mô” của tác giả Gregony Mankiw theo mô hình đánh giá dịch thuật của Peter Newmark.

**Từ khóa**: Dịch thuật, mô hình đánh giá dịch thuật của Peter Newmark, thuật ngữ kinh tế

**4. Đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ dụng của từ “hot” trong tiếng Anh và nghĩa dịch tương đương sang tiếng Việ**t/ PGS.TS. Hồ Thị Kiều Oanh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 34 – 46.

**Nội dung**: Mô tả đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ dụng của từ “hot” trong tiếng Anh và nghĩa dịch tương đương của từ “hot” sang tiếng Việt kết hợp với phương pháp định tính và định lượng.

**Từ khóa**: Đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ dụng học, hot, tiếng Anh, tiếng Việt

**5. Đặc trưng văn hóa thể hiện qua từ ngữ nghề biển ở Quảng Nam – Đà Nẵng**/ ThS. Ngô Thị Thu Hương// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 92 – 97.

**Nội dung**: Khảo sát đặc trưng văn hóa Quảng Nam – Đà Nẵng thể hiện trong từ ngữ nghề biển.

**Từ khóa**: Đặc trưng, văn hóa, nghề biển, Quảng Nam, Đà Nẵng

**6. Hiện tượng chuyển mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt nhìn từ lí thuyết ngôn ngữ ma trận**/ ThS. NCS. Nguyễn Thị Huyền// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr.45 – 53.

**Nội dung:** Giới thiệu mô hình lý thuyết giúp lý giải những cơ chế bên trong hiện tượng chuyển mã, đó là Ngôn ngữ ma trận của Myers-Scotton được công bố lần đầu tiên năm 1993. Qua đó, tìm hiểu những cơ chế ngữ pháp của tiếng Việt và tiếng Anh khi chúng tương tác lẫn nhau trong các diễn ngôn chuyển mã.

**Từ khóa**: Chuyển mã, lý thuyết ngôn ngữ ma trận, giao tiếp, diễn ngôn tiếng Việt

**7. Khả năng tạo vần của các yếu tố cấu thành âm tiếng Việt trong thơ bảy chữ hiện đại/** Đồng Hoàng Hưng// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 71 – 78.

**Nội dung**: Trên cơ sở khảo sát 360 bài thơ bảy chữ của 4 nhà thơ: Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu, Chế Lan Viên, bài viết bàn về khả năng tạo vần của các yếu tố cấu thành âm tiết tiếng Việt trong thơ bảy chữ hiện đại.

**Từ khóa**: Tạo vần, âm tiết, thơ bảy chữ hiện đại

**8. Lời trích dẫn trong bản tin tiếng Anh dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng**/ Nguyễn Thị Thu Hiền// Ngôn ngữ .- 2016 .- Số 9 (328) .- Tr. 50 – 58.

**Nội dung:** Phân tích giá trị của lời trích dẫn qua góc nhìn của ngữ pháp chức năng sẽ giúp các nhà ngữ học luận giải được mức độ khách quan của bản tin. Bài viết sử dụng ngữ pháp chức năng của Halliday làm công cụ phân tích giá trị của lời trích dẫn 100 bản tin tiếng Anh từ tờ báo The New York Times.

**Từ khóa:** Lời trích dẫn, bản tin tiếng Anh, ngữ pháp chức năng

**9. Một số kiểu kết hợp ngữ pháp khác biệt của phương ngữ Nam Bộ/** Hồ Văn Tuyên// Ngôn ngữ .- 2016 .- Số 9 (328) .- Tr. 43 – 49.

**Nội dung:** Bước đầu mô tả những kết hợp ngữ pháp ở phương ngữ Nam Bộ, so sánh chúng với quy tắc kết hợp quen thuộc trong ngữ pháp đại chúng để tìm ra quy luật ngữ pháp riêng.

**Từ khóa**: Kết hợp ngữ pháp, phương ngữ Nam Bộ

**10. Ngôn ngữ và văn hóa: Tìm hiểu ngôn ngữ Hồ Chí Minh trong bối cảnh văn hóa châu Á**/ Nguyễn Thanh Tú// Ngôn ngữ .- 2016 .- Số 9 (328) .- Tr. 16 – 25.

**Nội dung:** Nghiên cứu làm sáng tỏ cách thức Hồ Chí Minh sử dụng ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc ở Việt Nam cũng như ở khu vực châu Á để tuyên truyền kêu gọi đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc.

**Từ khóa:** Ngôn ngữ Hồ Chí Minh, văn hóa châu Á

**11. Phát triển tư duy phê phán trong viết luận: Tác động của diễn đàn thảo luận trên facebook/** ThS. Phan Việt Thắng, TS. Nguyễn Văn Lợi// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 103 – 107.

**Nội dung:** Đề cập đến việc tạo ra môi trường học tương tác trên facebook nhằm mục đích nâng cao kỹ năng tư duy phê phán của sinh viên.

**Từ khóa**: Tư duy phê phán, viết luận

**12. Phân tích diễn ngôn đa thức: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn**/ PSG.TS. Tôn Nữ Mỹ Nhật, ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 5- 10.

**Nội dung**: Tập trung vào thể loại song thức bao gồm hình ảnh và ngôn từ. Đầu tiên, trình bày tóm tắt lý thuyết về phân tích hình ảnh của G.Kress và T.van Leewen (1996), sau đó là một số phân tích minh họa ở hai thể loại khác nhau – sách/ truyện thiếu nhi, và bản tin chính trị. Cuối cùng là một số tóm tắt về ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đường hướng tiếp cận diễn ngôn tương đối mới mẻ này trong bối cảnh phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Diễn ngông đa thức, lý luận, thực tiễn

**13. Thành phần của Chu cảnh trong phân tích các ngôn bản khoa học xã hội tiếng Việt (Theo ngữ pháp chức năng hệ thống**)/ ThS. NCS. Nguyễn Thu Thủy// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 30 – 33.

**Nội dung**: Sử dụng các kết quả nghiên cứu tiếng Anh của Halliday và nghiên cứu tiếng Việt của Hoàng Văn Vân, Diệp Quang Ban để khảo sát thành phần của Chu cảnh trong phân tích các ngôn bản khoa học xã hội tiếng Việt theo ngữ pháp chức năng hệ thống. Kết quả cho thấy vai trò quan trọng của phương thức diễn đạt ẩn dụ ngữ pháp tư tưởng có chức năng trong việc giúp người viết trình bày và kiến tạo lại những kinh nghiệm của mình trên thế giới trong các văn bản khoa học xã hội.

**Từ khóa:** Chức năng hệ thống, thành phần Chu cảnh, ngôn bản khoa học xã hội

**14. Tính chịu tác động – Tham tố xác định thể của sự tình/** Nguyễn Hoàng Trung// Ngôn ngữ .- 2016 .- Số 8 .- Tr. 17 – 31.

**Nội dung:** Khảo sát một cách chi tiết mối quan hệ giữa tính chịu tác động và mức độ chịu tác động của tham tố bổ ngữ và giá trị thể của sự tình thông qua việc xác định những thuộc tính ngữ nghĩa quan yếu này của tham tố bổ ngữ.

**Từ khóa**: Tính chịu tác động, giá trị thể, thang độ, cấu trúc ngữ nghĩa

**15. Vai trò của động cơ trong giảng dạy ngoại ngữ/** Đỗ Thị Anh Thư// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 9 (251) .- Tr. 63 – 66.

**Nội dung**: Nêu vai trò của động cơ trong việc dạy ngoại ngữ, một số cách phân loại động cơ và những đặc điểm ở một học viên có động cơ học tập.

**Từ khóa**: Động cơ, học tập, giảng dạy, ngoại ngữ.

**16. Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học (qua nghiên cứu loại hình kí**)/ ThS. Lê Thị Nhiên// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 56 – 64.

**Nội dung**: Nêu việc tiếp nhận văn chương qua sự khám phá về bản chất của ngôn ngữ và vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận loại hình kí.

**Từ khóa**: Vai trò, ngôn ngữ, tiếp nhận văn chương, kí

**17. Vấn đề viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt**/ ThS. Nguyễn Thị Ngọc Điệp// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 37 – 41.

**Nội dung:** Nêu một số quy định về viết hoa tên tổ chức, cơ quan; tình hình viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong sách báo; và đưa ra một số đề xuất để thống nhất, tránh tình trạng viết hoa tùy tiện như hiện nay.

**Từ khóa**: Viết hoa, tên cơ quan, tên tổ chức, tiếng Việt

**18. Vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút**/ TS. Trần Văn Minh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 22 – 29.

**Nội dung**: Trình bày những vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút như: vẻ đẹp của sự sáng tạo và vẻ đẹp của chất thơ.

**Từ khóa:** Ngôn từ, tùy bút

**CÔNG NGHỆ SINH HỌC**

**1. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nguồn nước chảy vào hồ Đan Kia và áp dụng mô hình Aquatox quản lý chất lượng nước hồ/** Trần Thị Tình, Đoàn Như Hải, Bùi Nguyễn Lâm Hà, Nguyễn Thị Thanh Thuận// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr.62 – 69.

**Nội dung**: Trong những năm qua, AQUATOX đã được nhiều nước áp dụng như một công cụ quản lý chất lượng nước sông, suối, hồ, chứa. Tại Việt Nam, mô hình AQUATOX gần như chưa được áp dụng. Vì vậy, đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên áp dụng mô hình AQUATOX để đánh giá tương tác các yếu tố môi trường và sinh vật trong hồ chứa ở Cao Nguyên Việt Nam. Từ kết quả đó, các kịch bản cải thiện chất lượng nước được mô phỏng làm cơ sở cho việc đề xuất và quyết định giải pháp trong quản lý chất lượng nước.

Từ khóa: AQUATOX, mô hình, đánh giá, chất lượng nước, hồ Đan Kia

**2. Đánh giá tính đa dạng và hiện trạng của các loài dơi ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An**/ Vũ Đình Thống// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 33 – 38.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu về đặc điểm, hình thái phân loại và tiếng kêu siêu âm của các loài dơi trên thực địa trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2015.

**Từ khóa:** Dơi, đa dạng sinh học, phân loại học, siêu âm, Cù Lao Chàm

**3. Hoạt tính kháng khuẩn của một số chủng vi khuẩn phân lập từ bọt biển ở vùng đảo Phú Quốc, Việt Nam**/ Phan Thị Hoài Trinh, Ngô Thị Duy Ngọc, Bùi Minh Lý,…// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 109 – 114.

**Nội dung:** Phân lập một số chủng vi khuẩn từ một số loài bọt biển được thu ở vùng đảo Phú Quốc, Việt Nam nhằm tìm kiếm các hợp chất có hoạt tính kháng khuẩn từ vi sinh vật biển.

**Từ khóa:** Hoạt tính kháng khuẩn, vi khuẩn biển, bọt biển, đảo Phú Quốc

**4. Hoạt tính kháng nấm, kháng khuẩn và gây độc tế bào của một số loài trong chi cơm nguội (Ardisia) ở Việt Nam**/ Trịnh Anh Viên, Nguyễn Thị Hồng Vân, Đỗ Thị Thảo…// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 75 – 80.

**Nội dung:** Tiến hành đánh giá hoạt tính kháng nấm, kháng khuẩn và hoạt tính gây độc tế bào của 9 cặn chiết metanol tổng thu được từ 9 loài Ardisia thu hái ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Ardisia, cơm nguội, kháng nấm, kháng khuẩn, gây độc tế bào

**5. Khả năng phân hủy phenol của màng sinh học tạo ra bởi chủng vi khuẩn phân lập từ đất nhiễm dầu ở Vũng Tàu**/ Lê Thị Nhi Công, Trịnh Thành Trung, Cung Thị Ngọc Mai, Đỗ Thị Tố Uyên// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 102 – 108.

**Nội dung:** Tiến hành tuyển chọn chủng vi khuẩn vừa có khả năng tạo màng sinh học vừa có khả năng phân hủy phenol cao từ tập đoàn vi sinh học vừa có khả năng phân hủy phenol cao từ tập đoàn vi sinh vật đã được phân lập từ nước nhiễm dầu ở bờ biển Vũng Tàu. Từ đó, đánh giá khả năng phân hủy phenol của màng sinh học chủng vi khuẩn.

**Từ khóa**: Phân hủy sinh học, phenol, màng sinh học, nước nhiễm dầu, Vũng Tàu

**6. Phân tích định lượng các chỉ số đa dạng sinh học và phân bố của thảm thực vật thân gỗ rừng ngập mặn ven biển miền Bắc Việt Nam**/ Phạm Hồng Tính, Mai Sỹ Tuấn// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 53 – 60.

**Nội dung**: Giới thiệu một số phân tích định lượng chỉ số đa dạng loài và phân bố của thảm thực vật thân gỗ rừng ngập mặn ven biển miền Bắc.

**Từ khóa:** Đa dạng loài, thảm thực vật, rừng ngập mặn, ven biển miền Bắc.

**7. Thành phần hóa học tinh dầu của loài quýt rừng (Atalantia guillauminii Swingle) (Rtaceae) ở vườn quốc gia Pù Mát, Nghệ An**/ Nguyễn Viết Hùng, Trần Huy Thái, Nguyễn Anh Dũng, Đỗ Ngọc Đài// Sinh học .- 2016 .- Tập 38 (Số 1) .- Tr. 70 – 74

**Nội dung:** Bước đầu công bố về thành phần hóa học tinh dầu loài A. guillauminii phân bố ở vườn quốc gia Pù Mát, Nghệ An.

**Từ khóa**: A. guillauminii, quýt rừng, tinh dầu, thành phần hóa học, vườn quốc gia, Pù Mát, Nghệ An

**Y DƯỢC**

**1. Ảnh hưởng của một số yếu tố lên sự tăng sinh và tái sinh huyền phù tế bào sâm Ngọc Linh (Panax Vietnamensis Ha et Grushv.)/** Lê Kim Cương, Nguyễn Hồng Hoàng, Dương Tấn Nhựt// Công nghệ Sinh học .- 2016.- Tập 14 (Số 1) .- Tr. 75 – 86.

**Nội dung:** Khảo sát một số yếu tố lên sự tăng sinh và tái sinh huyền phù tế bào sâm Ngọc Linh (Panax Vietnamensis Ha et Grushv.) nhằm tạo nguồn nguyên liệu ban đầu cho việc nhân giống in vitro và phục vụ các nghiên cứu chuyên sâu về tế bào trên đối tượng dược liệu quý ở nước ta là sâm Ngọc Linh.

**Từ khóa:** Huyền phù tế bào, tăng sinh, tái sinh, sâm Ngọc Linh, ảnh hưởng

**2. Các yếu tố nguy cơ xì miệng nối sau phẫu thuật nội soi cắt nối thấp điều trị ung thư trực tràng/** Ung Văn Việt// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 ( 1019) .- Tr. 59 – 62.

**Nội dung**: Xác định các yếu tố nguy cơ xì miệng nối sau phẫu thuật nội soi cắt trước thấp điều trị ung thư đại trực tràng tại Bệnh viện Đại học Y dược Tp. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Xì miệng nối, phẫu thuật nội soi, cắt đại trực tràng, ung thư trực trạng

**3. Đặc điểm, cận lâm sàng, biến chứng và các yếu tố thuận lợi của nhiễm khuẩn tiết niệu tại Khoa Thận tiết niệu Bệnh viện Bạch Mai/** Đặng Thị Việt Hà, Nguyễn Văn Thanh, Đỗ Gia Tuyển// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 ( 1019) .- Tr. 41 – 44.

**Nội dung**: Nhận xét đặc điểm, cận lâm sàng, biến chứng và các yếu tố thuận lợi của nhiễm khuẩn tiết niệu tại Khoa Thận tiết niệu Bệnh viện Bạch Mai.

**Từ khóa:** Đặc điểm, cận lâm sàng, biến chứng, nhiễm khuẩn tiết niệu, Bệnh viện Bạch Mai

**4. Đánh giá phương pháp dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm tại Bệnh viện Việt Đức/** Nguyễn Thị Mến, Nguyễn Kiều Hưng, Nguyễn Lan Hương, Trần Công Hoan// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr. 2 – 5.

**Nội dung**: Nêu đặc điểm chung của nhóm bệnh nhân nghiên cứu; nguyên nhân gây thận ứ nước, ứ mủ (n=42); độ suy thận và ứ nước thận trước đặt dẫn lưu (n=42); kỹ thuật dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm; hiệu quả của dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm và biến chứng trong và sau đặt dẫn lưu.

**Từ khóa:** Ứ nước thận, tắt nghẽn tiết niệu, dẫn lưu thận qua da, siêu âm, Bệnh viện Việt Đức

**5. Đánh giá tác dụng chống sốc phản vệ và chống ngứa của cao đặc EZ trên thực nghiệm**/ Nguyễn Mạnh Tuyển, Phùng Hòa Bình, Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Phương Thanh// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr. 59 – 62.

**Nội dung**: Nghiên cứu này nhằm mục tiêu đánh giá tác dụng chống sốc phản vệ và chống ngứa do tác nhân gây dị ứng gây ra trên thực nghiệm của cao đặc EZ.

**Từ khóa**: Cao đặc EZ, tác dụng, chống sốc phản vệ, chống ngứa

**6. Đánh giá tác dụng phương pháp điện châm kết hợp thủy châm Methycobal phục hồi chức năng vận động ở bệnh nhi sau viêm não/** Nguyễn Đức Minh, Đặng Vũ Phương Linh, Đặng Minh Điềm,…// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr. 9 – 15.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng phục hồi chức năng vận động bằng phương pháp điện châm kết hợp với thủy châm Methycobal và theo dõi tác dụng không mong muốn của phương pháp điện châm kết hợp với thủy châm Methycobal ở bệnh nhi sau viêm não.

**Từ khóa**: Phương pháp điện châm kết hợp thủy châm Methycobal, phục hồi chức năng vận động, viêm não

**7. Hiệu quả của Nhĩ châm trên bệnh nhân mất ngủ mạn tính**/ Vũ Ngọc Vương, Hoàng Văn Lý// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr. 38 – 41.

**Nội dung:** Đánh giá tác dụng của Nhĩ châm trên bệnh nhân mất ngủ mạn tính và tìm hiểu tác dụng không mong muốn của phương pháp Nhĩ Châm.

**Từ khóa**: Mất ngủ mạn tính, Nhĩ châm

**8. Khuyết tật gây ra bởi chứng đau nửa đầu và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân Migraine/** Vũ Xuân Tuyến, Nguyễn Anh Tuấn// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr. 69 – 74.

**Nội dung**: Đánh giá hậu quả của cơn đau nửa đầu Migraine và chất lượng cuộc sống của bệnh nhân đau nửa đầu so với nhóm người khỏe mạnh.

**Từ khóa:** Đau nửa đầu, chất lượng cuộc sống

**9. Kiểm soát dịch bệnh sán lá ở Việt Nam: Hiện trạng, thách thức và hướng giải quyết**/ Nguyễn Mạnh Hùng// Khoa học Công nghệ Việt Nam .- 2016 .- Tập 6 (Số 7) .- Tr. 11 – 18.

**Nội dung:** Phân tích hiện trạng các bệnh sán lá ở Việt Nam, các biện pháp can thiệp, thách thức và đưa ra hướng giải quyết.

**Từ khóa**: Kiểm soát dịch bệnh, bệnh sán lá.

**10. Một số hợp chất phân lập từ rễ cây ba kích (Morinda offcinalis How.) trồng ở tỉnh Quảng Ninh/** Vũ Đức Lợi, Nguyễn Tiến Vững, Nguyễn Thị Thúy An// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr. 36 – 41.

**Nội dung**: Xác định cấu trúc các hợp chất phân lập được từ cây ba kích gồm: 12α-hydroxyevodol, friedelan-3-on, daucosterol góp phần làm sáng tỏ tác dụng cũng như xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm dược liệu.

**Từ khóa**: Phân lập, Morinda offcinalis How., hydroxyevodol, friedelan-3-on, daucosterol, dược liệu

**11. Nghiên cứu điều chế acid mefenamic**/ Trương Phương, Nguyễn Thị Anh Đào// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr.55 – 58.

**Nội dung**: Báo cáo kết quả điều chế acid mefenamic nhằm góp phần cung cấp thêm một nguyên liệu cho ngành công nghệp Dược Việt Nam.

**Từ khóa**: Điều chế, acid mefenamic

**12. Nghiên cứu một số yếu tố liên quan của loạn trương lực cơ cấp do thuốc an thần kinh**/ Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Phi// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr. 62 – 64.

**Nội dung**: Nhận xét các yếu tố ảnh hưởng tới sự xuất hiện loạn trương lực cơ cấp do thuốc an thần.

**Từ khóa**: Loạn trương lực cơ cấp, tác dụng không mong muốn, thuốc an thần

**13. Phát hiện đột biến trên gen KCNJ5 ở bệnh nhân mang khối u tuyến tổng hợp Aldosterone ở vỏ thượng thận**/ Lê Bắc Việt, Hoàng Thị Lan, Lương Thị Lan Anh, Nguyễn Huy Hoàng// Công nghệ Sinh học .- 2016.- Tập 14 (Số 1) .- Tr. 15 – 21.

**Nội dung**: Trong nghiên cứu này, toàn bộ trình tự hai exon của gen KDNJ5 được khuếch đại và giải trình tự trực tiếp để xác định đột biến. Kết quả là hai đột biến đã được tìm thấy trên hai bệnh nhân có biểu hiện tăng huyết áp và xuất hiện khối u trên tuyến thượng thận.

**Từ khóa**: Đột biến gen, gen KCNJ5, tăng huyết áp, tuyến thượng thận

**14. Phát triển phương pháp ELISA khảo sát nhiễm Steptococus sử dụng kháng nguyên protein bề mặt 1 (surgace antigen one)/** Trần Thị Bích Chiêu, Võ Minh Hoa, Phan Nhã Uyên,…/**/** Công nghệ Sinh học .- 2016.- Tập 14 (Số 1) .- Tr. 169 – 179.

**Nội dung**: Streptococcus susi (S.susi) là một trong những tác nhân gây bệnh quan trọng nhất trong viêm màng não mủ cấp trên người lớn tại Việt Nam và một số nước Châu Á. Bài viết phát triển và đánh giá hiệu quả phương pháp ELISA sử dụng kháng nguyên là protein bề mặt 1 (surgace antigen one, SAO) (Li et al., 2007) của S. suis**.**

**Từ khóa:** Bệnh lây nhiễm, E**LISA,** Streptococcus susi, protein SAO

**15. So sánh hiệu quả điều trị cắt đốt nội soi tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng laser và điện đơn cực**/ Nguyễn Tế Kha// Y học thực hành .- 2016 .- Số 8 (1019) .- Tr.15 – 20.

**Nội dung**: Đánh giá ưu điểm của Laser Thulium so với điện đơn cực trong phẫu thuật cắt đốt nội soi tăng sinh lành tính-tuyến tiền liệt các trường hợp điều trị tại Bệnh viện Bình dân từ 10/2010 đến 10/2014.

**Từ khóa**: Cắt đốt nọi soi, điện đơn cực, laser Thulium

**16. Sử dụng thuốc theo cá thể: Đảm bảo cao nhất về hiệu quả và an toàn**/ Phùng Thanh Hương, Nguyễn Quốc Bình// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr. 2 – 6.

**Nội dung**: Trình bày các nội dung: Quan điểm về sử dụng thuốc theo cá thể trong lịch sử y dược học; “Cá thể hóa điều trị” và các khái niệm liên quan; Ý nghĩa của “ Cá thể hóa điều trị”; Các điều kiện cần thiết để phát triển “ Cá thể hóa điều trị” ; và các biện pháp lâm sàng đang áp dụng “ Cá thể hóa điều trị”.

**Từ khóa:** Cá thể hóa điều trị, sử dụng thuốc

**17. Tác dụng bảo vệ gan của photosome curcumin trên mô hình gây độc gan chuột do paracetamol**/ Bùi Thanh Tùng, Nguyễn Thanh Hải, Vũ Đức Lợi, Đặng Kim Thu// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr. 22 – 26.

**Nội dung**: Đánh giá tác dụng chống oxy hóa của phytosome curcumin trên mô hình gây độc gan chuột do paracetamol.

**Từ khóa**: Curcuma longa, photosome, curcumin, bảo vệ gan

**18. Thiết bị chẩn đoán ung thư mới dựa trên liên kết từ - sinh học**/ Cao Xuân Hữu, Đặng Đức Long, Lê Lý Thùy Lâm, Đoàn Văn Long// Khoa học Công nghệ Việt Nam .- 2016 .- Tập 6 (Số 7) .- Tr. 47 – 50.

**Nội dung:** Trình bày tổng quan về thiết bị chẩn đoán ung thư sử dụng cảm biến từ GMR ở phòng thí nghiệm do nhóm nghiên cứu thiế kế chế tạo và thử nghiệm.

**Từ khóa:** Cảm biến từ GMR, thiết bị chẩn đoán ung thư

**19. Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất mới 2-(2-phenoxyethyl)thio)-1H-benzo[d]imidazol**/ Nguyễn Đình Luyện, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Giang,…// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr. 50 – 54.

**Nội dung:** Tổng hợp một số dẫn chất của 2-(2-phenoxyethyl)thio)-1H-benzo[d]imidazol và thử tác dụng gây độc tế bào ung thư vú (MCF7) của các dẫn chất tổng hợp được.

**Từ khóa**: Kháng tế bào ung thư, 2-Mercaptobenimidazole, 2-phenoxyethylthiobenzimidazol

**20. Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử vào nghiên cứu một số loài nấm linh chi tại Việt Nam**/ Phạm Thị Minh Tâm, Lê Thị Thu Cúc, Tràn Thị Quỳnh Chi// Dược học .- 2016 .- Số 9 (485) .- Tr.16 – 21.

**Nội dung**: Nêu những kết quả bước đầu ứng dụng công nghệ sinh học trong việc định danh cũng như chỉ ra những điểm khác biệt về một số loài linh chi thông qua tiến hành thực nghiệm.

**Từ khóa**: Ứng dụng, sinh học phân tử, nấm linh chi, Việt Nam

**21. Y học chính xác – Xu hướng mới của y học hiện đại**/ Nguyễn Thành Huy// Khoa học Công nghệ Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 61 – 63.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm y học chính xác, những ưu điểm so với y học truyền thống, một số hướng triển khai của y học chính xác và đánh giá tiềm năng của y học chính xác.

**Từ khóa**: Y học chính xác, y học hiện đại

**ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**

**1. Các giải pháp nâng cao hiệu suất năng lượng và giảm giá thành trong công nghệ chiếu sáng LED**/ PGS. Lê Văn Doanh, PGS. Phạm Văn Bình, Ngô Ngân Hà// Tự động hóa ngày nay .- 2016 .- Số 187 .- Tr. 17-19, 23.

**Nội dung**: Công nghệ chiếu sáng dựa trên điốt phát quang (LED) với những ưu điểm vượt trội về hiệu suất năng lượng, tuổi thọ, chỉ số thể hiện màu…đã dẫn tới cuộc cách mạng trong lĩnh vực chiếu sáng hiện nay đang chuyển mạnh từ chiếu sáng bằng các đèn phóng điện chất khí chiếu sáng dựa trên công nghệ bán dẫn. Rào cản duy nhất mà chiếu sáng LED cần phải khắc phục là giá thành. Bài viết này điểm qua các giải pháp cho vấn đề này.

**Từ khóa**: Công nghệ chiếu sáng LED, hiệu suất năng lượng.

**XÂY DỰNG**

**1. Ảnh hưởng của các thông số thành phần bê tông lên ma sát giữa bê tông với thành ống bơm**/ Mai Chánh Trung// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 61-64.

**Nội dung**: “Khả năng bơm” của một bê tông được quy định bởi ma sát tại giao diện tiếp xúc giữa bê tông và thành ống bơm. Ma sát này có thể đo được bằng thiết bị gọi là thiết bị đo ma sát. Ảnh hưởng của các thông số thành phần cấp phối vữa bê tông chính đã được nghiên cứu. Các phép đo ma sát cũng đã được thực hiện để định lượng ảnh hưởng của mỗi tham số thành phần bê tông lên ma sát giao diện và khả năng bơm . Các kết quả thu được trong nghiên cứu này rất phù hợp với các số liệu thu thập được từ các nhóm nghiên cứu khác trên thế giới.

**Từ khóa**: Áp lực bơm, thiết bị đo ma sát, hằng số nhớt, ngưỡng ứng suất cắt giao diện, thành phần bê tông.

**2. Ảnh hưởng của hình dạng tháp đến phản ứng của cầu dây văng chịu động đất**/ TS. Nguyễn Quốc Bảo, KS. Nguyễn Đức Phúc, KS. Trần Tiến Đạt// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 24-27.

**Nội dung**: Phân tích ảnh hưởng của các hình dạng tháp cầu đến phản ứng của cầu dây văng dưới tác động của động đất. Một mô hình cầu dây văng với bốn dạng tháp khác nhau (tháp chữ A, tháp chữ A với chân thu hẹp, tháp chữ A và tháp chữ U) được sử dụng để phân tích.

**Từ khóa**: Tháp cầu, động đất, cầu dây văng.

**3. Ảnh hưởng của khe nứt đến phản ứng của khung bê tông cốt thép chịu động đất**/ ThS. Võ Mạnh Tùng, PGS. TS. Nguyễn Lê Ninh// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Đề cập tới các kết quả nghiên cứu của một số tác giả về độ cứng của các cấu kiện bê tông cốt thép có xét đến khe nứt làm việc sau giới hạn đàn hồi và sự ảnh hưởng tới phản ứng động đất của kết cấu khung. Ví dụ tính toán thực hiện cũng cho thấy sự khác nhau trong phản ứng động đất của hệ kết cấu khung bê tông cốt thép khi thay đổi độ cứng các cấu kiện thành phần theo các tiêu chuẩn thiết kế khác nhau và một số vấn đề cần lưu ý khi thiết kế thực tế.

**Từ khóa**: Khung bê tông cốt thép chịu động đất, khe nứt, phản ứng, ảnh hưởng

**4. Ảnh hưởng của một số loại hư hỏng đến các đặc trưng dao động của cầu dầm bê tông dự ứng lực nhịp giản đơn**/ ThS. Nguyễn Tiến Minh, TS. Đỗ Anh Tú// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 39-41.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp mô phỏng một số hư hỏng của kết cấu nhịp cầu dầm giản đơn bê tông dự ứng lực bao gồm sự suy giảm mô-đun đàn hồi của bê tông, hư hỏng tại các dầm chủ và dầm ngang. Các kích thước hình học và thông số của cầu La Khê được sử dụng để mô hình theo phương pháp phần tử hữu hạn. Các đặc trưng dao động bao gồm tần số và dạng dao động của mô hình kết cấu trước và sau hư hỏng được so sánh với nhau.

**Từ khóa**: Tần số, dao động tự do, cầu dầm giản đơn bê tông dự ứng lực, mô phỏng hư hỏng.

**5. Ảnh hưởng của thân trụ và chiều dày bệ đến phân bố nội lực cọc trong móng cọc của trụ cầu**/ TS. Lê Bá Khánh, KS. Trần Như Trọng// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 15-23.

**Nội dung**: Khảo sát ảnh hưởng chiều dày bệ cọc đến phân bố nội lực đầu cọc trong móng cọc. Kết cấu trụ cầu được mô hình hóa bằng phần tử khối 3D. Bài báo áp dụng phương pháp phần tử hữu hạn để phân tích trạng thái ứng suất biến dạng của trụ cầu.

**Từ khóa**: Trụ cầu, móng cọc, phần tử hữu hạn, độ cứng bệ cọc.

**6. Bước đầu sử dụng nano SiO2 điều chế từ tro trấu làm phụ gia cho bê tông asphalt**/ PGS. TS. Lê Văn Bách// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả bước đầu sử dụng vật liệu nano SiO2 được điều chế từ tro trấu để làm phụ gia nhằm tăng cường độ cho bê tông asphalt.

**Từ khóa**: Nano SiO2, tro trấu, bê tông asphalt.

**7. Các dạng phá hoại của dàn Kiewitt 8 có kể đến sự làm việc đồng thời của kết cấu cột bên dưới chịu tác dụng của tải trọng điều hòa**/ TS. Phạm Văn Đạt// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 80-83.

**Nội dung**: Phân tích động lực học của kết cấu dàn có kể đến sự làm việc đồng thời của kết cấu cột bên dưới chịu tác dụng của tải trọng điều hòa theo phương ngang và phương thẳng đứng dựa trên phương pháp phần tử hữu hạn. Dựa trên kết quả phân tích của các ví dụ, đưa ra các dạng phá hoại điển hình và tải trọng phá hoại tương ứng của kết cấu dàn.

**Từ khóa**: Dàn Kiewitt 8, kết cấu bên dưới, tải trọng điều hòa, dạng phá hoại

**8. Các nhân tố ảnh hưởng đến chậm trễ tiến độ thi công công trình giao thông**/ KS. Nguyễn Hoàng Anh, TS. Lê Anh Thắng, TS. Nguyễn Sỹ Hùng// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 64-67.

**Nội dung**: Trình bày quá trình nhận dạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến trễ tiến độ thi công các công trình giao thông sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Kết quả nghiên cứu chi ra được 23 nhân tố ảnh hưởng, được chia thành 4 nhóm nguyên nhân thường xảy ra, gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

**Từ khóa**: Tiến độ thi công, yếu tố gây trễ tiến độ thi công, công trình giao thông.

**9. Các nhân tố tác động và vai trò của Nhà nước ảnh hưởng tới sự thành công của mô hình đối tác công tư PPP trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ**/ TS. Nguyễn Văn Bảo, ThS. Nguyễn Quốc Toản, KS. Sử Văn Hoài// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 4-9.

**Nội dung**: Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) là xu hướng được các nước đang phát triển rất quan tâm, nhất là trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Bài báo tổng hợp những nhân tố tác động đến sự thành công của dự án PPP, trong đó phân tích các nhân tố có ý nghía quyết định là vai trò của Nhà nước, để thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đặc biệt đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ.

**Từ khóa**: Đối tác công tư (PPP), cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, nhân tố tác động, sự thành công, vai trò của Nhà nước

**10. Các phương pháp phân tích động phi tuyến kết cấu theo lịch sử thời gian trong SAP 2000 (phần 2)**/ ThS. Trần Ngọc Cường// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 3-12.

**Nội dung**: Giải thích các thông số khi áp dụng phân tích động phi tuyến, đồng thời đưa ra một số ví dụ minh họa nhằm làm rõ đặc điểm của các phương pháp đã trình bày ở phần 1.

**Từ khóa**: SAP 2000, động phi tuyến kết cấu theo lịch sử thời gian, phương pháp phân tích

**11. Công nghệ trong thiết kế, thi công và quản lý thi công nhà siêu cao tầng**/ PGS. TS. Phạm Hồng Luân, KS. Hà Nhật Sang// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 48-53.

**Nội dung**: Nghiên cứu tập trung vào những đặc điểm công nghệ khác biệt giữa nhà siêu cao tầng và các công trình bình thường khác. Kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua việc khảo sát để kiểm chứng mức độ ảnh hưởng của các công nghệ này trong các dự án nhà siêu cao tầng.

**Từ khóa**: Công nghệ thi công, công nghệ thiết kế, quản lý thi công, nhà siêu cao tầng.

**12. Chỉ số đánh giá mức độ trễ tiến độ thi công trong xây dựng công trình giao thông**/ TS. Lê Anh Thắng, KS. Nguyễn Hoàng Anh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 56-58.

**Nội dung**: Trình bày một hệ thống chỉ số dự báo khả năng trễ tiến độ thi công cho các công trình giao thông. Công trình giao thông, thi công trên địa bàn Thành phố Sa Đéc trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2015 được sử dụng cho việc kiểm chứng. Kết quả cho thấy hệ thống chỉ số có thể dự báo đúng hoàn toàn các dự án bị chậm tiến độ.

**Từ khóa**: Chỉ số chậm tiến độ, trễ tiến độ thi công, công trình giao thông.

**13. Dự đoán hành vi làm việc an toàn trên công trường xây dựng Việt Nam bằng công cụ ANN và hồi quy đa biến**/ PGS. TS. Phạm Hồng Luân, KS. Lê Thị Nam// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 57-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa trạng thái an toàn và việc thực hiện an toàn, sau đó phát triển một mô hình dự đoán hành vi làm việc an toàn dựa trên các yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái an toàn.

**Từ khóa**: Trạng thái an toàn, hành vi, dự đoán, mạng nơ ron nhân tạo, hồi quy.

**14. Đánh giá ảnh hưởng sự thay đổi các yếu tố môi trường đến tốc độ cacbonat của vật liệu bê tông xi măng**/ TS. Ngô Việt Đức// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 45-48.

**Nội dung**: Với mục đích khảo sát, đánh giá chiều sâu cacbonat của bê tông khi chịu các tác động thay đổi của môi trường, nghiên cứu tập trung vào việc tìm và phát triển mô hình tính phù hợp, đưa thêm vào mô hình các thông số khí hậu như nhiệt độ và độ ẩm, phân tích tác động của môi trường lên các thông số mô hình.

**Từ khóa**: Bê tông xi măng, cacbonat, nhiệt độ, độ ẩm, mô hình, phần tử hữu hạn.

**15. Đánh giá độ tin cậy kết cấu khung thép có liên kết nửa cứng với tham số đầu vào không chắc chắn dạng khoảng**/ TS. Lê Công Duy, KS. Võ Xuân Tần// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 18-25.

**Nội dung**: Trình bày một ứng dụng đánh giá độ tin cậy của kết cấu khung phẳng bằng thép có liên kết nửa cứng chịu tải trọng tĩnh trong trường hợp xét đến tính không chắc chắn của một số tham số đầu vào dưới dạng số khoảng là độ cứng của liên kết giữa dầm và cột, tải trọng tác dụng và đặc trưng vật liệu.

**Từ khóa**: Kết cấu khung phẳng bằng thép, liên kết nửa cứng chịu tải trọng tĩnh, độ tin cậy

**16. Đề xuất phân bổ rủi ro theo hình thức hợp tác công – tư trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Thái, TS. Thân Thanh Sơn// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 74-76.

**Nội dung**: Để hấp dẫn đối tác tư nhân tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức PPP, phải xây dựng chính xác, đầy đủ các yếu tố rủi ro và phân bổ rủi ro hợp lý giữa Nhà nước và tư nhân phù hợp với điều kiện chính trị - luật pháp – kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn phát triển của mình.

**Từ khóa**: Rủi ro, phân bổ rủi ro.

**17. Đo đạc thực nghiệm và mô phỏng số nhận dạng dao động kết cấu nhịp cầu dây văng Mỹ Thuận**/ TS. Nguyễn Hữu Thuấn, TS. Bùi Tiến Thành, TS. Ngô Văn Minh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 28-31.

**Nội dung**: Phân tích bằng thực nghiệm và mô hình số các đặc trưng dao động của dầm chủ, của tháp cầu và dây văng. Các kết quả phân tích bằng mô phỏng số được so sánh với kết quả thực nghiệm, qua đó nhận biết được tình trạng dao động tổng thể của cầu.

**Từ khóa**: Đo đạc, mô phỏng, dao động, cầu dây văng Mỹ Thuận.

**18. Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố ven biển vùng Đông Bắc bộ ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu**/ PGS. TS. Phạm Trọng Mạnh// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 85-86.

**Nội dung**: Trình bày các giải pháp đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố ven biển vùng Đông Bắc bộ ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu.

**Từ khóa**: Biến đổi khí hậu, đổi mới cơ cấu tổ chức, thành phố ven biển.

**19. Giải pháp điều khiển bị động kết cấu với hệ cản điều chỉnh cột chất lỏng (TLCD)**/ ThS. Ngô Ngọc Cường, ThS. Bùi Kiến Tín// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 134-137.

**Nội dung**: Nghiên cứu về đặc trưng đáp ứng của các cơ chế cản khác nhau trong vật liệu và trong kết cấu, sự tiêu tán năng lượng trong hệ cản bị động. Tìm các thông số tối ưu của hệ cản TLCD trong những trường hợp kích động khác nhau. Đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hệ cản TLCD trong lĩnh vực điều khiển kết cấu cần nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa**: Điều khiển vị động kết cấu, hệ cản TLCD, passive damper, liquid damper.

**20. Giải pháp nâng cao năng suất lao động trong xây dựng**/ PGS. TS. Đinh Tuấn Hải, Hoàng Văn Trình// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 36-40.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở khoa học, pháp lý và thực tiễn về năng suất lao động trong xây dựng. Đề xuất giải pháp nâng cao năng suất lao động trong xây dựng.

**Từ khóa**: Năng suất lao động trong xây dựng, giải pháp

**21. Hệ thống hóa quy trình lập và quản lý hồ sơ chất lượng thi công xây dựng công trình**/ TS. Lê Hoài Long, Phạm Thị Hoài Thu// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 151-154.

**Nội dung**: Nghiên cứu, đề xuất và hệ thống hóa quy trình lập và quản lý hồ sơ chất lượng thi công xây dựng hoàn chỉnh từ khi bắt đầu giai đoạn thi công sau khi ký kết hợp động xây dựng đến khi công trình nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng.

**Từ khóa**: Quản lý chất lượng, hồ sơ chất lượng, quy trình xây dựng.

**22. Hiệu quả của một số loại sơn bảo vệ chống ăn mòn cho cốt thép trong bê tông khi sử dụng nước biển**/ ThS. Phan Văn Chương// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 43-47.

**Nội dung**: Giới thiệu kết quả nghiên cứu khả năng bảo vệ chống ăn mòn cho cốt thép của một số loại sơn phủ đặc trưng. Các nghiên cứu được thực hiện trong phòng thí nghiệm với nước biển nhân tạo có nồng độ muối NaCl 5% được trộn vào bê tông.

**Từ khóa**: Sơn bảo vệ chống ăn mòn cho cốt thép trong bê tông, công trình trong môi trường biển

**23. Khảo sát thực nghiệm quan hệ giữa một số thông số bơm của hỗn hợp bê tông với thể tích hồ xi măng theo thời gian**/ TS. Nguyễn Thế Dương, ThS. Vũ Văn Nhân, ThS. Trần Kim Nhật// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 52-59.

**Nội dung**: Trình bày kết quả thực nghiệm đo thông số bơm của một số hỗn hợp bê tông thương phẩm bao gồm độ sụt, thông số ma sát giữa bê tông và thành ống thép có xét đến thời gian lưu giữ vữa bê tông. Trong nghiên cứu này, thể tích hồ xi măng được chọn khảo sát nhằm đánh giá định lượng ảnh hưởng của thông số này đến các thông số bơm.

**Từ khóa**: Thông số bơm, độ sụt, ma sát tiếp xúc, ngưỡng trượt, hằng số nhớt bề mặt, thể tích hồ xi măng

**24. Lựa chọn cấp phối cốt liệu cho thiết kế hỗn hợp đá – nhựa chặt theo phương pháp Bailey**/ ThS. Trần Danh Hợi, PGS. TS. Trần Thị Kim Đăng// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 44-46.

**Nội dung**: Phương pháp Bailey là một phương pháp lựa chọn cấp phối cốt liệu cho hỗn hợp bê tông nhựa chặt rải nóng được sử dụng ở một số bang ở Mỹ. Tuy nhiên, phương pháp này vẫn chưa được áp dụng ở Việt Nam. Bài báo giới thiệu kết quả áp dụng phương pháp này để thiết kế phối trộn cốt liệu cho thiết kế hỗn hợp đá – nhựa chặt làm móng đường ô tô ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Phương pháp Bailey, bê tông nhựa, hỗn hợp đá – nhựa chặt.

**25. Lựa chọn nội dung điều tra kinh tế xã hội trong công tác dự báo nhu cầu vận chuyển hành khách đô thị**/ TS. Nguyễn Văn Điệp// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 47-49.

**Nội dung**: Công tác điều tra kinh tế - xã hội, điều tra giao thông vận tải là nội dung quan trọng và cần thiết khi dự báo nhu cầu vận chuyển nói chung và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trong đô thị nói riêng, quy trình điều tra và các nội dung điều tra cần được nhận thức thật rõ, có như vậy công tác điều tra sẽ đạt hiệu quả, góp phần làm tăng độ chính xác và độ tin cậy của kết quả dự báo. Vấn đề đặt ra ở đây là các nội dung và phương pháp điều tra cần được thực hiện là gì? Bài báo sẽ đề cập đến vấn đề này.

**Từ khóa**: Điều tra kinh tế - xã hội, phân khu giao thông, dự báo nhu cầu vận chuyển.

**26. Lựa chọn vị trí tối ưu đặt điểm đo dao động phục vụ công tác đo đạc dao động cầu treo dây văng**/ TS. Bùi Tiến Thành, KS. Lê Thanh Tùng, ThS. Lê Hoàng Minh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Phân tích một phương pháp lựa chọn tối ưu vị trí đặt điểm đo dao động cầu treo dây văng. Các vị trí tối ưu này được xác định bằng phương pháp en-tro-pi thông tin. Kết quả của nghiên cứu sẽ được ứng dụng vào đo đạc công trình cầu Mỹ Thuận.

**Từ khóa**: Bố trí điểm đo tối ưu, cầu treo dây văng, cầu Mỹ Thuận, dao động kết cấu cầu, en-tro-pi thông tin, quan trắc, theo dõi thường xuyên.

**27. Mô hình tổ chức điểm trung chuyển vận tải hành khách công cộng của Cộng hòa Pháp và một số định hướng áp dụng cho tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông nhằm cải thiện khả năng tiếp cận**/ TS. Tống Ngọc Tú, TS. Nguyễn Việt Phương// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 41-47.

**Nội dung**: Nêu vấn đề về hiện trạng tính tiếp cận đến các điểm trung chuyển vận tải hành khách công cộng trong mối quan hệ với quy hoạch đô thị (các mô hình kịch bản phát triển), từ đó nêu lên một số định hướng nhằm cải thiện và nâng cao khả năng tiếp cận đến các điểm trung chuyển đường sắt đô thị, cụ thể tuyến Cát Linh – Hà Đông.

**Từ khóa**: Đường sắt đô thị, điểm trung chuyển, vận tải hành khách công cộng.

**28. Một số giải pháp chuẩn hóa thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế và quản lý xây dựng**/ KS. Nguyễn Như Phiên, PGS. TS. Trần Văn Tấn// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 44-48.

**Nội dung**: Nêu lên một số bất cập trong cách sử dụng thuật ngữ, từ đó đưa ra một số giải pháp chuẩn hóa thuật ngữ chuyên ngành kinh tế và quản lý xây dựng.

**Từ khóa**: Thuật ngữ, chuẩn hóa thuật ngữ

**29. Một số lưu ý trong công tác quản lý nhằm đảm bảo chất lượng công trình dạng tuyến kích thước vừa và nhỏ thi công bằng phương pháp đào hầm**/ ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 36-43.

**Nội dung**: Nêu lên các đặc điểm của công nghệ và đề xuất một số gợi ý hỗ trợ cho các nhà quản lý trong việc xây dựng hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công nghệ thi công công trình ngầm dạng tuyến kích thước nhỏ.

**Từ khóa**: Công nghệ đào hầm, khon kích ngầm

**30. Một số nội dung cần lưu ý khi xác định chi phí chung theo quy định tại Thông tư số 06/2016**/TT-BXD/ ThS. Vũ Ngọc Phương// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 41-43.

**Nội dung**: Việc xác định chi phí chung theo quy định tại Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng là một trong các nội dung đổi mới, theo đó định mức tỷ lệ % chi phí chung được xác định theo chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt theo nguyên tắc phù hợp với từng loại hình công trình, quy mô chi phí xây dựng công trình, nội hàm của các nội dung trong chi phí chung. Bài viết đề cập đến một số nội dung chi tiết cần lưu ý khi xác định chi phí chung trong dự toán xây dựng.

**Từ khóa**: Chi phí chung, dự toán xây dựng

**31. Một số phương pháp xác định trạng thái ứng suất biến dạng của kết cấu mái vỏ mỏng bê tông cốt thép/** ThS. Lâm Thanh Quang Khải// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 165-168.

**Nội dung**: Giới thiệu một số phương pháp giải các hệ phương trình vi phân theo đường lối giải tích, bán giải tích và phương pháp số.

**Từ khóa**: Ứng suất, biến dạng, chuyển vị, mái võ, điều kiện biên

**32. Một số vấn đề về chi phí quyền sử dụng đất trong tổng mức đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 22-27.

**Nội dung**: Trình bày đề xuất làm rõ nội dung chi phí quyền sử dụng đất trong tổng mức đầu tư dự án nhà ở thương mại nhằm đảm bảo yêu cầu tính đúng, tính đủ trong quá trình quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

**Từ khóa**: Chi phí quyền sử dụng đất, tổng vốn đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng

**33. Một số vấn đề về thiết kế nơi tránh nạn trong nhà cao tầng**/ PGS. TS. KTS. Doãn Minh Khôi, ThS. KTS. Trần Phương Mai// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 144-146.

**Nội dung**: Trình bày quan điểm bố trí tầng tránh nạn cũng như một số vấn đề lưu ý khi thiết kế nơi tránh nạn trong nhà cao tầng.

**Từ khóa**: Thoát người, tầng tránh nạn, vùng tránh nạn.

**34. Một số yếu tố ảnh hưởng đến công nghệ sản xuất và sử dụng bê tông khí chưng áp**/ TS. Trần Lê Hồng// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 131-134.

**Nội dung**: Giới thiệu tổng quan chung về tình hình phát triển của các công nghệ sản xuất bê tông khí trên thế giới và tại Việt Nam, nêu đặc trưng của các dây chuyền công nghệ cũng như một số đặc trưng về công nghệ ảnh hưởng đến sản xuất bê tông khí chưng áp để có thể có giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm này trong điều kiện thực tế sản xuất tại Việt Nam.

**Từ khóa**: Bê tông khí chưng áp, công nghệ sản xuất bê tông khí chưng áp, sản phẩm từ bê tông khí chưng áp.

**35.** **Nghiên cứu biện pháp chống rơi cầu qua khảo sát hậu quả trận động đất Kumamoto ở Nhật Bản**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 67-70.

**Nội dung**: Thiết bị chống rơi cầu là một thiết bị rất đơn giản, chi phí thấp nhưng nó đã cứu được rất nhiều công trình cầu ở tỉnh Kumamoto không bị sập đổ. Nếu áp dụng triệt để thiết bị chống rơi cầu trong thiết kế công trình cầu ở Việt Nam, sẽ phòng tránh được rủi ro sập đổ cầu có thể xảy ra không chỉ trong động đất mà cả trong quá trình thi công hay khai thác công trình.

**Từ khóa**: Thiết bị chống rơi cầu, sập đổ, động đất.

**36. Nghiên cứu bước đầu về giải pháp chống thấm cho các đảo san hô bằng phương pháp trộn san hô – xi măng**/ ThS. Nguyễn Quý Đạt// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 48-51.

**Nội dung**: Trình bày đặc điểm địa chất thủy văn khu vực đảo san hô, từ đó kiến nghị giải pháp chống thấm bằng phương pháp trộn san hô – xi măng dựa trên kết quả của thí nghiệm thấm trong phòng.

**Từ khóa**: Giải pháp chống thấm, đảo san hô, phương pháp trộn san hô – xi măng

**37. Nghiên cứu các nhân tố gây hạn chế lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng bằng trọng tài thương mại tại Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Hải, Phạm Hồng Luân// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 159-164.

**Nội dung**: Xác định các nhân tố gây hạn chế của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng bằng trọng tài thương mại. Từ đó giúp cho các cá nhân, cộng đồng doanh nghiệp thay đổi suy nghĩ, có cái nhìn sâu sắc hơn nhằm cải thiện việc sử dụng trọng tài thương mại giải quyết các vụ hợp đồng xây dựng, và đồng thời góp phần đưa Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với thế giới.

**Từ khóa**: Trọng tài thương mại, nhân tố gây hạn chế, phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

**38. Nghiên cứu các yếu tố thành công của những dự án cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP) bằng phương pháp đám mây từ**/ Nguyễn Thanh Phong// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 138-142.

**Nội dung**: Nghiên cứu các yếu tố thành công quan trọng của các dự án cơ sở hạ tầng PPP tại Việt Nam. Các dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên gia bằng bảng câu hỏi và phân tích định tính bằng phương pháp Đám Mây Từ (Word Tags). Sau đó, danh sách các yếu tố thành công của dự án PPP được xếp hạng dựa trên cả quan điểm của khu vực công lẫn khu vực tư. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng về tổng quan không có khác biệt đáng kể trong nhận thức về các yếu tố thành công dự án cơ sở hạ tầng PPP giữa Nhà nước công và Tư nhân.

**Từ khóa**: Dự án cơ sở hạ tầng, hình thức đối tác công tư, yếu tố thành công dự án, đám mây từ

**39. Nghiên cứu đánh giá ứng xử của bulong và mặt bích trong cấu kiện liên kết chịu lực trượt ma sát bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ TS. Lê Anh Tuấn, KS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 127-130.

**Nội dung**: Đưa ra mối quan hệ giữa lực trượt trong cấu kiện và lực cắt trong bulông và kiến nghị nên cho tỉ lệ giữa kích thước đường kính thân bulông và bề dày bản thép trong phạm vi 2,2 đến 4 để đảm bảo kết cấu làm việc tốt và tiết kiệm vật liệu.

**Từ khóa**: Trượt ma sát, trượt, mối nối chịu lực trượt ma sát, liên kết trượt ma sát, bulông cường độ cao, mô hình phá hủy.

**40. Nghiên cứu giải pháp tăng cường độ cứng cho cầu treo dây võng**/ ThS. Phạm Quang Huy, TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, ThS. Hồ Khắc Hạnh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 35-38.

**Nội dung**: Trình bày các giải pháp tăng cường độ cứng cho cầu treo dây võng và khả năng áp dụng cho các cầu treo đang khai thác.

**Từ khóa**: Độ cứng, cầu treo dây võng.

**41. Nghiên cứu nâng cao sức kháng bên cho móng trụ cầu**/ TS. Lê Bá Khánh, KS. Nguyễn Thanh Sơn// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 28-34.

**Nội dung**: Nghiên cứu ảnh hưởng của việc gia cố vùng đất yếu xung quanh đài và đỉnh cọc đến sự gia tăng sức kháng bên của móng cọc. Phân tích sự tương tác móng cọc và đất bằng phương pháp phần tử hữu hạn, từ đó xây dựng mối tương quan giữa kích thước và hình dạng của vùng gia cố với sự gia tăng sức kháng bên của móng trụ cầu áp dụng cho giai đoạn cầu cạn của tuyến đường sắt đô thị số 1 thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Sức kháng bên, cải tạo đất, trụ cầu, đài cọc.

**42. Nghiên cứu phương án bố trí hệ SHORING chống vách hố đào tầng hầm có xét đến sự làm việc đồng thời giữa đất nền và kết cấu**/ Phan Quang Vinh// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 87-90.

**Nội dung**: Nghiên cứu phương án bố trí hệ thống chống đỡ vách tầng hầm có xét đến sự làm việc đồng thời giữa đất nền và kết cấu, đồng thời áp dụng cho một công trình cụ thể là bãi đỗ xe ngầm phía Nam Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng.

**Từ khóa**: Tường tầng hầm, hệ chống đỡ, hố đào, chuyển vị, thi công từ dưới lên.

**43. Nghiên cứu phương pháp mật độ phổ trong đánh giá độ bằng phẳng mặt đường sân bay tại Việt Nam**/ GS. TS. Phạm Cao Thăng, ThS. Nguyễn Văn Hiếu// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 49-50.

**Nội dung**: Đưa ra kết quả nghiên cứu áp dụng phương pháp mật độ phổ trong đánh giá độ bằng phẳng của mặt đường sân bay tại Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra những khuyến nghị để ứng dụng phương pháp này khi tính toán tải trọng động bánh máy bay tác dụng lên mặt đường sân bay.

**Từ khóa**: Mật độ phổ, đường sân bay.

**44. Nghiên cứu sự phân bố tải trọng của bè và cọc trong móng bè cọc bằng phương pháp Poulos-Davis-Randolph và phương pháp phần tử hữu hạn ở điều kiện đất 2 lớp**/ ThS. Võ Văn Đấu, PGS. TS. Võ Phán// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 175-179.

**Nội dung**: Nội dung bài báo tập trung vào việc tính toán sự phân bố tải trọng của bè và cọc trong móng bè cọc bằng phương pháp Poulos-Davis-Randolph (PDR) và phương pháp phần tử hữu hạn (FEM), các phương pháp tính toán giải tích và phương pháp phần tử hữu hạn với sự hỗ trợ của phần mềm Plaxis được sử dụng để nghiên cứu phân tích tính toán sức chịu tải của móng bè cọc, chia tải giữa bè và cọc theo số lượng, chiều dài và đường kính cọc từ các thông số từ thí nghiệm đất có trong thực tế.

**Từ khóa**: Móng bè cọc, phân bố tải trọng, chia tải

**45. Nghiên cứu tính toán cột bê tông cốt cứng chịu nén uốn**/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Sơn, ThS. Đào Văn Cường// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 95-99.

**Nội dung**: Giới thiệu về phương pháp tính toán cột bê tông cốt cứng chịu nén lệch tâm theo chỉ dẫn thiết kế kết cấu bê tông cốt cứng của Nga, tiết diện cột chữ nhật có bố trí cốt cứng và cốt mềm đối xứng. Thực hiện ví dụ số nhằm làm sáng tỏ cách tính toán cột bê tông cốt cứng.

**Từ khóa**: Tính toán cột bê tông cốt cứng, nén lệch tâm

**46. Nghiên cứu tính toán kết cấu nhà chịu tác dụng của sóng nổ**/ TS. Võ Thanh Lương, ThS. Nguyễn Tiến Nghĩa, PGS. TS. Nguyễn Hồng Sơn// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 118-123.

**Nội dung**: Trình bày yêu cầu chung và một số giải pháp thiết kế cấu kiện và kết cấu chung bê tông cốt thép khi xảy ra sự cố cho trường hợp nổ bên trong, đề xuất công thức xác định hệ số động cho một số trường hợp tải trọng động. Đồng thời, thực hành tính toán kiểm tra khả năng chịu lực của các cấu kiện kết cấu khung bê tông cốt thép của công trình giả định là nhà chứa Gas khi có sự cố cháy nổ.

**Từ khóa**: Sóng nổ, nhà chứa ga, nổ bên trong.

**47. Nghiên cứu thực nghiệm trạng thái ứng suất – biến dạng của kết cấu công sự đặt chìm trong nền phi tuyến theo mô hình bài toán không gian chịu tải trọng động dạng sóng nổ**/ PGS. TS. Nguyễn Tương Lai, ThS. Vũ Công Hoằng// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 123- 127.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết về phương pháp phần tử hữu hạn trong bài toán tính kết cấu công sự đặt chìm trong nền phi tuyến theo mô hình bài toán không gian chịu tải trọng động dạng sóng nổ. Mô hình thí nghiệm và kết quả thí nghiệm nổ tại hiện trường khu vực huyện Ba Vì, Hà Nội (tháng 11/2015). Sử dụng chương trình tính HTS2 đã lập, ứng dụng trong phần mềm ANSYS tính toán trạng thái ứng suất, chuyển vị và biến dạng của kết cấu công sự đặt chìm trong nền đất theo mô hình bài toán không gian. So sánh đánh giá kết quả giữa nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm.

**Từ khóa**: Công sự, biến dạng, nền phi tuyến, sóng nổ

**48. Nghiên cứu thực nghiệm trạng thái ứng suất – biến dạng của kết cấu công sự nửa chìm nửa nổi trên nền phi tuyến theo mô hình bài toán không gian chịu tải trọng động dạng sóng nổ**/ ThS. Vũ Công Hoằng// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 109-114.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết về phương pháp phần tử hữu hạn áp dụng trong bài toán tính kết cấu công cự của nửa chìn nửa nổi, đặt trên nền phi tuyến theo mô hình bài toán không gian, chịu tác dụng của tải trọng động dạng sóng nổ. Đồng thời trình bày mô hình thí nghiệm và kết quả thí nghiệm nổ tại hiện trường khu vực huyện Ba Vì, Hà Nội (tháng 11/2015). Trên cơ sở chương trình tính HTS2 đã lập, ứng dụng vào phần mềm ANSYS, tính toán trạng thái ứng suất, chuyển vị và biến dạng của kết cấu công sự nửa chìm nửa nổi tương tác với môi trường nền trong bài toán không gian. So sánh đánh giá kết quả giữa nghiên cứu lí thuyết và thực nghiệm.

**Từ khóa**: Công sự, biến dạng, nền phi tuyến, sóng nổ

**49. Nghiên cứu và đề xuất giải pháp gia cố kết cấu mố trụ cầu ngập nước trên tuyến đường sắt ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Mạnh Thắng// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 103-105.

**Nội dung**: Giới thiệu phương pháp sữa chữa và tăng cường cho kết cấu mố trụ cầu ngập nước bằng ứng dụng vật liệu sợi cường độ cao FRP (Fiber – Reinforced – Polymer) trong bảo vệ kết cấu mố trụ cầu trên tuyến đường sắt ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Gia cố kết cấu mố trụ cầu ngập nước, đường sắt.

**50. Nhận dạng các ràng buộc có ảnh hưởng đến sự thực thi kế hoạch công việc hàng tuần**/ KS. Phạm Duy Hiếu, PGS. TS. Lưu Trường Văn// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 180-185.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả nhận dạng các rào cản có ảnh hưởng đến sự thực hiện kế hoạch công việc hàng tuần. Các kết quả của phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã chỉ ra 07 nhóm rào cản. Các bên liên quan có thể dựa vào 07 nhóm ràng buộc nói trên để đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện khả năng thực hiện kế hoạch chi tiết.

**Từ khóa**: Ràng buộc, kế hoạch công việc hàng tuần, EFA, quản lý xây dựng, hệ thống người hoạch định cuối cùng

**51. Nhận dạng các tiêu chí tác động đến quy định lựa chọn phương thức thực hiện dự án dân dụng và công nghiệp**/ KS. Trần Kim Anh, TS. Lê Hoài Long// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: Lựa chọn phương thức thực hiện dự án được nhận thức là quyết định quan trọng nhằm đạt được những mục tiêu dự án và lợi ích của các chủ đầu tư. Bài báo trình bày quá trình phân tích và nhận dạng các tiêu chí tác động đến quyết định lựa chọn phương thức thực hiện dự án dân dụng và công nghiệp thông qua việc phỏng vấn bán cấu trúc với 21 chuyên gia trong ngành.

**Từ khóa**: Phương thức thực hiện dự án, thiết kế/ đấu thầu/ thi công, thiết kế/ thi công.

**52. Nhận dạng những rào cản của việc ứng dụng passive house vào nhà ở riêng lẻ tại thành phố Hồ Chí Minh**/ PGS. TS. Lưu Trường Văn, KTS. Lê Minh Hồng// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 91-94.

**Nội dung**: Trình bày các kết quả nhận dạng các rào cản của việc ứng dụng passive house vào nhà ở riêng lẻ tại thành phố Hồ Chí Minh. Các kết quả của phân tích nhân tố khám phá (EFA) đã chỉ ra 07 nhóm rào cản. Các bên liên quan có thể sử dụng kết quả nghiên cứu này để phát triển các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy việc ứng dụng passive house vào nhà ở riêng lẻ ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Nhà thụ động, nhà ở riêng lẻ, rào cản, EFA, quản lý xây dựng

**53. Nhận diện và phân tích một số rủi ro khi sử dụng cốt sợi thủy tinh Polyme (GFRP) thay thế cốt thép truyền thống trong các giai đoạn thiết kế và thi công công trình xây dựng**/ ThS. Lê Văn Tuấn, PGS. TS. Nguyễn Thế Quân// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 16-20.

**Nội dung**: Cốt sợi thủy tinh Polyme là loại vật liệu mới có nhiều ưu điểm và tiềm năng ứng dụng cao trong nhiều loại công trình xây dựng ở Việt Nam. Đây là loại vật liệu mới được nghiên cứu ứng dụng cho một số công trình xây dựng ở nước ta. Bài viết dựa trên lý thuyết về rủi ro và thực tế sử dụng loại vật liệu này để nhận diện và phân tích một số rủi ro khi sử dụng thay thế cốt thép truyền thống trong giai đoạn thiết kế và giai đoạn thi công công trình xây dựng.

**Từ khóa**: Rủi ro, vật liệu mới, cốt sợi thủy tinh Polyme

**54. Phân tích biến dạng và đánh giá độ cứng thực tế của dầm giản đơn có độ cứng chống uốn thay đổi**/ TS. Nguyễn Hữu Hưng, KS. Nguyễn Văn Dương// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 26-32.

**Nội dung**: Bài báo tiến hành xây dựng phương trình độ võng và góc xoay của dầm đơn giản bằng phương pháp giải tích, với trường hợp dầm có nhiều đoạn với độ cứng chống uốn khác nhau. Thông qua ví dụ tính toán một trường hợp cụ thể, phương trình thiết lập đã được kiểm tra so sánh với kết quả tính toán bằng phương pháp phần tử hữu hạn, cho sai số lớn nhất là 1.8%. Trên cơ sở đó và kết quả độ võng thực tế của dầm cho trước, bài báo đưa ra phương pháp đánh giá độ cứng thực tế của dầm này.

**Từ khóa**: Biến dạng uốn, độ cứng chịu uốn, tải trọng tập trung, phương pháp phần tử hữu hạn

**55. Phân tích các giải pháp điều khiển hành trình tàu thủy dựa trên giải thuật tối ưu nâng cao**/ ThS. Lê Vinh Phan, TS. Đặng Xuân Kiên, PGS. TS. Trần Cảnh Vinh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 50-52.

**Nội dun**g: Phân tích các nghiên cứu gần đây về điều khiển tối ưu định tuyến tàu thủy, trong đó các các phương pháp điều khiển hiện đại được đề cập với các phương pháp điều khiển mờ, nơron, nơron-mờ và nơron-mờ thích nghi. Dựa trên phân tích và mô phỏng kiểm chứng cho thấy việc áp dụng các giải thuật điều khiển tối ưu mở rộng bằng thuật toán di truyền (GA), tối ưu đàn kiến (ACO) hay tối ưu hóa bầy đàn (PSO) khi có các yếu tố tác động vào quá trình điều khiển tàu là hướng nghiên cứu đầy triển vọng.

**Từ khóa**: Kỹ thuật điều khiển hiện đại, điều khiển định tuyến hành trình, nơron-mờ.

**56. Phân tích động lực học kết cấu thép 9 tầng xét đến tương tác giữa kết cấu và móng cọc chịu tải trọng động đất**/ Đặng Văn Út, Phạm Nhân Hòa, Chu Quốc Thắng// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 72-78.

**Nội dung**: Trình bày mô hình tính toán để tìm đáp ứng kết cấu nhiều tầng sử dụng móng cọc chịu tải trọng động đất có xét đến tương tác đất nền (SSI). Các phương pháp tính toán độ cứng động lực học của móng cọc trên một lớp đất hoặc nhiều lớp đất cũng được trình bày. Phần ví dụ tính toán số nêu ra trong bài báo là ví dụ mẫu về kết cấu thép 9 tầng chịu tải trọng động đất ElCentro nhằm so sánh đáp ứng động lực học kết cấu khi có và không có xét đến tương tác đất nền. Cuối cùng, các kết luận được rút ra ở cuối bài báo về sự khác nhau giữa hai mô hình nhằm cung cấp các thông tin hữu ích cho các kỹ sư thiết kế cho công trình chống động đất.

**Từ khóa**: Tương tác đất nền, động lực học đất, đáp ứng động lực học móng cọc.

**57. Phân tích động lực học phi tuyến hình học và vật liệu kết cấu được trang bị hệ cản**/ Phan Bảo Duy, Phạm Nhân Hòa, Chu Quốc Thắng// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 79-84.

**Nội dung**: Trình bày hai mô hình tính toán và thuật toán tìm đáp ứng cho kết cấu khung phẳng chịu tải trọng động đất được trang bị hệ cản lỏng nhớt xét đến phi tuyến hình học và vật liệu cho phần tử dầm cột. Phương pháp số Newmark và phép lặp Newton-Rapshon hiệu chỉnh được sử dụng đồng thời để tìm đáp ứng do sự xuất hiện của phi tuyến vật liệu và hệ cản VFD.

**Từ khóa**: Động lực học công trình, điều khiển dao động, hệ cản lỏng nhớt, phân tích phi tuyến.

**58. Phân tích giải pháp thi công tầng hầm theo phương pháp Topdown và Semi-topdown**/ PGS. TS. Lê Anh Dũng, ThS. Lê Bá Sơn// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Tập trung vào quá trình xây dựng và đặc điểm của việc triển khai của hai phương pháp xây dựng tầng hầm. Topdown và Semi-topdown, từ đó đưa ra những lợi thế so sánh và nhược điểm của hai phương pháp trên.

**Từ khóa**: Tầng hầm, quá trình xây dựng, đặc điểm, phương pháp xây dựng tầng hầm, Topdown, Semi-topdown.

**59. Phân tích tấm uốn chịu tải trọng ngẫu nhiên bằng phương pháp mô phỏng Monte Carlo**/ TS. Tạ Duy Hiển, ThS. Nguyễn Thị Nhung, ThS. Lê Quỳnh Nga// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 90-92.

**Nội dung**: Nghiên cứu tính tấm uốn chịu tải trọng ngẫu nhiên bằng cách kết hợp phương pháp đẳng hình học với giải thuật mô phỏng ngẫu nhiên Monte Carlo. Trường ngẫu nhiên của tải trọng được giả thiết có dạng đồng nhất Gauss và được mô phỏng bằng phép biểu diễn phổ. Các đặc trưng ngẫu nhiên của chuyển vị của tấm được khảo sát cụ thể qua các ví dụ, ảnh hưởng của các tham số ngẫu nhiên của tải trọng cũng được đánh giá chi tiết.

**Từ khóa**: Phân tích đẳng hình học, tấm uốn, tải trọng ngẫu nhiên.

**60. Phân tích ứng xử động kết cấu dầm trên nền đàn nhớt hai thông số chịu tải trọng động có xét đến ảnh hưởng của lực dọc**/ Nguyễn Thị Ngọc Kiều, Cao Tấn Ngọc Thân, Trần Minh Thi, Lương Văn Hải// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 106-110.

**Nội dung**: Phát triển phương pháp phần tử chuyển động MEM để phân tích ứng xử động cho kết cấu dầm trên nền hai thông số khi chịu tác động đồng thời lực dọc và tải di động. Các ma trận khối lượng, ma trận độ cứng và ma trận cản cho phần tử chuyển động cũng được trình bày chi tiết.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử chuyển động, dầm trên nền hai thông số, lực dọc, tải di động.

**61. Phân tích ứng xử động tấm mindlin trên nền đàn nhớt chịu tải trọng điều hòa di động sử dụng phương pháp phần tử chuyển động**/ ThS. Nguyễn Chí Trung, ThS. Võ Hoàng Nhi, PGS. TS. Lương Văn Hải, Cao Tấn Ngọc Thân// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 111-117.

**Nội dung**: Trong bài báo này, phương pháp phần tử chuyển động được sử dụng để phân tích ứng xử động của kết cấu tấm Mindlin trên nền đàn nhớt chịu tải trọng điều hòa di động. Các ví dụ số liên quan đến ứng xử động lực học của kết cấu tấm được triển khai. Trong đó bao gồm phân tích ảnh hưởng của các đại lượng quan trọng đến hình dáng biến dạng và chuyển vị lớn nhất của tấm như độ cản nền, vận tốc của tải trọng điều hòa, sự lệch pha và khoảng cách giữa các tải trọng điều hòa…

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử chuyển động, phân tích động, tấm Mindlin, nền đàn nhớt, tải trọng điều hòa di động, vận tốc tới hạn

**62. Phương pháp đơn giản để đánh giá phá hủy lũy tiến của kết cấu bê tông cốt thép trong trường hợp mất cột gốc**/ TS. Hà Mạnh Hùng, TS. Đặng Việt Hưng, TS. Phạm Xuân Đạt, ThS. Đào Quốc Việt// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 128-133.

**Nội dung**: Đề xuất một phương pháp đơn giản để đánh giá khả năng kháng phá hủy lũy tiến của kết cấu bê tông cốt thép trong trường hợp mất cột gốc đột ngột. Phương pháp này trước hết khắc phục được những hạn chế nêu trên, đồng thời cho phép các kỹ sư thực hành đánh giá nhanh chóng sức kháng phá hủy lũy tiến của công trình. Phần 2 của bài báo trình bày các giả thiết tính toán, các công cụ tính toán học để thiết lập công thức giải tích. Phần 3 trình bày các bước tiến hành cùng với các ví dụ áp dụng…

**Từ khóa**: Sức kháng phá hủy lũy tiến, mất cột góc, mất cột tận góc, phương pháp đơn giản

**63. Phương pháp xác định tải trọng giới hạn của tấm tựa khớp theo hai định lý giới hạn**/ ThS. Mai Thị Hải Vân// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 59-62.

**Nội dung**: Giới thiệu các khái niệm và hai định lý cơ bản của lý thuyết phân tích giới hạn sau đó trình bày một vài ví dụ xác định tải trọng giới hạn của tấm có chu vi tựa khớp chịu tác dụng của tải trọng phân bố theo định lý giới hạn trên và định lý giới hạn dưới. Trên cơ sở phương pháp giải và kết quả tìm được rút ra nhận xét và kết luận.

**Từ khóa**: Tải trọng giới hạn của tấm, định lý giới hạn trên, định lý giới hạn dưới, phân tích giới hạn.

**64. Rung chấn do hoạt động thi công xây dựng, kết quả thực nghiệm đo rung chấn xác định bán kính ảnh hưởng đến công trình lận cận**/ TS. Nguyễn Lan, PGS. TS. Hoàng Phương Hoa, ThS. Thái Hoàng Ân// Giao thông Vận tải .- 2016 . – Số 10 .- Tr. 37-39.

**Nội dung**: Giới thiệu tổng quan về sự lan truyền sóng trong nền đất do các hoạt động thi công xây dựng, các yêu cầu giới hạn về mức độ rung chấn ảnh hưởng đến công trình lân cận, phương pháp, thiết bị đo đạc rung chấn và nhiều kết quả thực nghiệm đo đạc rung chấn các dự án xây dựng công trình đã thực hiện tại khu vực miền Trung Việt Nam trong thời gian gần đây.

**Từ khóa**: Vận tốc đỉnh chất điểm, hoạt động thi công xây dựng, rung động, lan truyền sóng, kết quả thực nghiệm.

**65. Sử dụng mạng Neuron nhân tạo để ước lượng chi phí thực hiện dự án khu dân cư vượt lũ**/ TS. Lê Hoàng Long, Vũ Duy Linh, Lê Thiên Duy, ThS. Đặng Ngọc Châu// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 10-13.

**Nội dung**: Phát triển một mô hình mạng Neuron nhân tạo để ước lượng chi phí thực hiện dự án sử dụng 34 dự án hoàn thành. Kết quả có thể giúp những người thực hiện dự án một công cụ bổ sung cho ước lượng chi phí thực hiện các dự án trong khu vực lũ lụt.

**Từ khóa**: Ước lượng, chi phí, khu dân cư vượt lũ, quản lý xây dựng

**66. Sử dụng mô hình Hyperbolic đơn giản nghiên cứu ứng xử của cọc đơn chịu tải trọng thẳng đứng**/ ThS. Trương Hồng Minh, TS. Nguyễn Thế Dương// Khoa học Công nghệ xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 60-66.

**Nội dung**: Trình bày mô hình Hyperbolic đơn giản dự báo ứng xử của cọc đơn trong nền đồng nhất dưới tác dụng của tải trọng thẳng đứng được đề xuất bởi Qian-qing Zhang. Mô hình này được các tác giả mở rộng cho trường hợp cọc bê tông cốt thép thi công bằng phương pháp dịch chuyển trong nền nhiều lớp.

**Từ khóa**: Mô hình Hyperbolic, độ lún của cọc đơn, quan hệ tải trọng – chuyển vị đầu cọc, thí nghiệm nén tĩnh cọc.

**67. Sử dụng xi măng nano kết hợp với cốt sợi phân tán để nâng cao tính dẻo trong sữa chữa khe co giãn cầu có xe tải lớn**/ ThS. Vũ Bá Thành, TS. Bùi Tiến Thành, ThS. Nguyễn Xuân Lam, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long, TS. Lê Bá Anh// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 54-56.

**Nội dung**: Đề cập đến việc thêm cốt sợi phân tán vào trong xi măng nano để tăng tính dẻo nhờ khả năng hút năng lượng của cốt sợi thép và giúp cho kết cấu bê tông có ứng xử tốt hơn với các vết nứt bằng cơ chế khâu các vết nứt và truyền ứng suất qua vết nứt, đồng thời sẽ tiến hành một số thí nghiệm với tỷ lệ cốt sợi khác nhau để kiểm tra đặc tính cơ lý trong từng trường hợp để tìm được hàm lượng cốt sợi hợp lý khi thêm vào xi măng nano.

**Từ khóa**: Xi măng nano, cốt sợi, tính dẻo, khe co giãn.

**68. Tần số dao động riêng mờ của kết cấu khung thép phẳng độ cứng liên kết và khối lượng có dạng số mờ tam giác**/ ThS. Trần Thanh Việt, PGS. TS. Vũ Quốc Anh, GS. TS. Lê Xuân Huỳnh// Khoa học Công nghệ Xây dựng .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 33-42.

**Nội dung**: Giới thiệu các thuật toán xác định tần số dao động riêng mờ khung thép phẳng, có độ cứng liên kết dầm – cột, cột – móng và khối lượng được cho dưới dạng số mờ tam giác. Phương pháp phần tử hữu hạn – liên kết đàn hồi tiền định, kết hợp phương pháp mặt phản ứng (RSM) trong lý thuyết thống kê toán học được áp dụng cho bài toán với số mờ tam giác cân…

**Từ khóa**: Khung thép, tần số dao động riêng, liên kết mờ, phương pháp mặt phản ứng, phương pháp phần tử hữu hạn mờ, thuật toán tiến hóa vi phân.

**69. Tìm hiểu các tri thức cốt lõi của quản lý dự án theo công nghệ Mỹ**/ Nguyễn Thanh Phong// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 124-126.

**Nội dung**: Giới thiệu hệ thống tất cả các chứng chỉ quản lý dự án cũng như các nội dung tri thức cốt lõi và các điều kiện cần thiết để hỗ trợ cá nhân muốn thi các chứng chỉ quản lý dự án quốc tế của Quản lý dự án Mỹ.

**Từ khóa**: Quản lý, quản lý dự án, chứng chỉ quản lý dự án, tri thức cốt lõi quản lý dự án, Viện Quản lý dự án Mỹ.

**70. Tính dây chuyền xây dựng khuyết nhịp**/ PGS. TS. Lê Hồng Thái// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 4-8.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xác định bước giữa các dây chuyền bộ phận và tổng thời gian hoạt động của dây chuyền tổng hợp khuyết nhịp.

**Từ khóa**: Dây chuyền thi công, dây chuyền khuyết nhịp, khoảng ghép sát

**71. Tính đúng, tính đủ chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình**/ ThS. Tô Thị Quỳnh Hương, PGS. TS. Đinh Đăng Quang// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 14-18.

**Nội dung**: Đề cập đến vấn đề tình đúng, tính đủ chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư và những đề xuất hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan đến phương pháp xác định xhi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước.

**Từ khóa**: Tính đúng, tính đủ, chi phí thiết bị, tổng mức đầu tư

**72. Tính toán hệ thanh xét biến dạng trượt bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ TS. Vũ Thah Thủy// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 139-143.

**Nội dung**: Trình bày cách chọn các phần tử mẫu, chọn các hàm xấp xỉ tương thích trong phương pháp phần tử hữu hạn để tính toán hệ thanh chịu uốn có xét biến dạng trượt.

**Từ khóa**: Phương pháp phần tử hữu hạn, biến dạng trượt, lực cắt bị khóa.

**73. Tính toán mô phỏng dòng chảy từ số liệu quan trắc mưa ở tỉnh Khánh Hòa**/ PGS. TS. Nguyễn Thế Biên, ThS. Trần Thanh Thảo// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 104-108.

**Nội dung**: Trình bày những kết quả tính toán mô phỏng dòng chảy từ số liệu mưa đo được tại một số trạm quan trắc mưa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Chuỗi số liệu dòng chảy thực đo từ năm 2011-2014 tại trạm Đồng Đăng và chuỗi số liệu mưa 2011-2014 được sử dụng để kiểm định lại mô hình.

**Từ khóa**: Mô phỏng dòng chảy, số liệu quan trắc mưa, mô hình HEC-HMS

**74. Tính toán ổn định trượt sâu của mố cầu trên nền đất yếu có xét tới sức kháng của cọc khoan nhồi**/ PGS. TS. Phan Vị Thủy// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 8-14.

**Nội dung**: Đề cập đến tính toán hệ số ổn định trượt sâu của mố cầu trên móng cọc. Phương pháp tính toán hệ số ổn định trượt sâu của mố cầu, có xét đến sức kháng của cọc khoan nhồi. Công cụ tính toán ổn định trượt sâu mố cầu trên móng cọc.

**Từ khóa**: Cọc khoan nhồi, nền đất yếu, ổn định trượt sâu của mố cầu.

**75. Tính toán tấm mặt đường bê tông xi măng trên nền đàn hồi chịu tải trọng tập trung theo lý thuyết biến dạng trượt bậc cao**/ ThS. Nguyễn Hữu Giang, TS. Nguyễn Thị Phương, ThS. Phạm Hồng Quân// Cầu đường Việt Nam .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 40.

**Nội dung**: Trình bày cách thiết lập các phương trình chủ đạo nhằm xác định độ võng của tấm bê tông xi măng trên nền đàn hồi chịu tải trọng tập trung dựa trên lý thuyết biến dạng trượt bậc cao và giải bài toán theo phương pháp Galerkin. Tiến hành so sánh đánh giá kết quả độ võng khi tính theo lý thuyết tấm cổ điển và lý thuyết biến dạng trượt bậc cao, khảo sát ảnh hưởng của các thông số tới độ võng của kết cấu.

**Từ khóa**: Độ võng, tải trọng tập trung, lý thuyết biến dạng trượt bậc cao, phương pháp Galerkin.

**76. Tương quan giữa chỉ số nén và một số chỉ tiêu vật lý của đất dính ở khu vực Hà Đông**/ PGS. TS. Phạm Quang Hưng, ThS. Nguyễn Đình Luật, ThS. Nguyễn Viết Minh// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 100-103.

**Nội dung**: Trình bày sự so sánh giá trị chỉ số nén (Cc ­) của đất dính ở khu vực Hà Đông giữa thí nghiệm nén trực tiếp không nở hông với một số mô hình phổ biến thông qua một số chỉ tiêu vật lý như giới hạn chảy (LL), hệ số rỗng ban đầu (e0) và độ ẩm ban đầu (W0) trên cơ sở bộ dữ liệu thí nghiệm của 149 mẫu đất dính ở khu vực trên.

**Từ khóa**: Mô hình, phương pháp hồi quy, chỉ số nén, hệ số tương quan

**77. Thi công hệ thống thoát nước bằng công nghệ khoan kích ngầm**/ PGS. TS. Lê Anh Dũng, ThS. Ngô Quang Tuấn// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 151-154.

**Nội dung**: Trình bày các nội dung chính về công nghệ thi công khoan kích ngầm – Pipe Jacking trong xây dựng hệ thống thoát nước ở các đô thị. Ứng dụng cho việc thi công hệ thống thoát nước tại các đô thị Việt Nam; những nội dung cơ bản của công nghệ, quy trình thi công đối với công tác thi công hệ thống thoát nước và các yếu tố ảnh hưởng đến công nghệ.

**Từ khóa**: Khoan kích ngầm, giếng kích, giếng nhận, quy trình thi công, hệ thống thoát nước

**78. Thí nghiệm ly tâm cho phá hoại trong của cọc đất trộn sâu gia cường bằng lớp trộn nông**/ NCS. Nguyễn Tăng Thanh Bình, TS. GS. Tomohide Takeyama, TS. PGS. Masaki Kitazume// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 155-160.

**Nội dung**: Tập trung vào khảo sát cơ chế phá hoại của nhóm cọc khi có và không có lớp trộn nông gia cường.

**Từ khóa**: Đất trộn xi măng, thí nghiệm ly tâm, mái dốc nền đường, phá hoại trong.

**79. Thiết kế chống xoắn cho dầm bê tông cốt thép**/ TS. Vũ Tân Văn// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 94-97.

**Nội dung**: Trình bày quy trình thiết kế cấu kiện bê tông cốt thép chịu uốn xoắn theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012. Quy trình thiết kế bao gồm: sơ bộ lựa chọn diện tích cốt thép chịu lực, kiểm tra khả năng chịu lực của cấu kiện. Ví dụ số được thực hiện để minh họa cho quy trình thiết kế này.

**Từ khóa**: Xoắn, bê tông cốt thép, TCVN 5574:2012.

**80. Thu thập, lưu trữ dữ liệu giá xây dựng phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chi phí đầu tư xây dựng**/ ThS. Nguyễn Thế Anh// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Trình bày sơ lược về mục đích, phạm vi, nội dung dữ liệu giá xây dựng cần lưu trữ, góp phần vào nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

**Từ khóa**: Cơ sở dữ liệu, mô hình thông tin, dữ liệu, giá xây dựng, lưu trữ.

**81. Thử nghiệm Tafpack Super trong thiết kế cấp phối bê tông nhựa rỗng**/ TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, KS. Trương Nguyễn Thành Vương// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 42-44.

**Nội dung**: Xem xét tính chất của bê tông nhựa rỗng sử dụng 16% Tafpack Super với cấp phối hở có xu hướng tạo độ rỗng còn dư lớn. Bài báo còn giới thiệu một số nghiên cứu về bê tông nhựa nhám cao cũng như bê tông nhựa rỗng trong thời gian gần đây.

**Từ khóa**: Bê tông nhựa nhám cao, bê tông nhựa rỗng, Tafpack Super, bê tông nhựa.

**82. Thực hiện quản lý giá trị trong dự án đầu tư xây dựng trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà nước cơ sở 2**/ ThS. Nguyễn Hải Lộc, PGS. TS. Nguyễn Thế Quân// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 28-35.

**Nội dung**: Thông qua việc phân tích kinh nghiệm từ các hội thảo, đề xuất giải pháp quản lý giá trị cho dự án xây dựng, đồng thời chứng minh tính khả thi của các đề xuất thông qua việc phân tích các khó khăn là rào cản cho hoạt động này trong dự án. Bài báo cũng đề xuất một số bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện hoạt động này để áp dụng trong các dự án đầu tư xây dựng khác ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Giá trị dự án, quản lý giá trị, dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án.

**83. Thực trạng về ô nhiễm môi trường trong thi công xây dựng tại thành phố Hà Nội**/ PGS. TS. Lê Anh Dũng// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 98-101.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng về ô nhiễm môi trường trong thi công xây dựng tại thành phố Hà Nội. Từ đó, giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về các tác động tiêu cực tới môi trường và định hướng cho các giải pháp giảm thiểu chúng trong các nghiên cứu sau.

**Từ khóa**: Môi trường, ô nhiễm, xây dựng, Hà Nội

**84. Trường nhiệt độ trong tấm bê tông xi măng mặt đường và vấn đề xác định độ chênh lệch nhiệt độ giữa mặt trên và mặt dưới tấm bê tông xi măng**/ ThS. Phạm Đăng Nguyên, GS. TS. Phạm Huy Khang// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 40-43.

**Nội dung**: Trình bày cách tính toán độ chênh lệch nhiệt độ giữa hai mặt trên và dưới của tấm bê tông xi măng để xác định giá trị nhiệt độ chênh lệch giữa mặt trên, mặt dưới và các điểm ở độ sâu khác trong tấm, từ đó làm cơ sở tính toán ứng suất tring tấm bê tông khi nhiệt độ thay đổi và phân bố không đều trong tấm, đồng thời kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao độ chính xác khi tính toán, từng bước tối ưu hóa việc tính toán kiểm tra ứng suất trong tấm bê tông xi măng khi thiết kế mặt đường.

**Từ khóa**: Độ chênh lệch nhiệt độ, tấm bê tông xi măng, kiểm tra ứng suất

**85. Ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management) vào quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình**/ ThS. Nguyễn Quốc Toản, ThS. Thiều Thị Thanh Thúy, KS. Nguyễn Văn Tâm// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 21-27.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng của công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng trên địa bàn Hà Nội hiện nay. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất ra mô hình quản lý chất lượng toàn diện ứng dụng cho quá trình thi công xây dựng công trình dành cho các nhà thầu thi công. Đây là một trong những giải pháp bền vững nhằm nâng cao chất lượng thi công xây dựng công trình ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Quản lý chất lượng toàn diện, thi công xây dựng, đơn vị thi công

**86. Ứng dụng mô hình BIM vào vận hành và quản lý tòa nhà ở Việt Nam**/ Trương Hữu Hà Ninh, TS. Nguyễn Anh Thư// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 135-138.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng của việc ứng dụng IT trong các quy trình quản lý tòa nhà (FM) hiện tại và đề xuất quy trình ứng dụng mô hình BIM vào hỗ trợ các công tác FM. Thông qua khảo sát các chuyên gia trong ngành FM, nghiên cứu sẽ tìm hiểu quá trình chuyển giao thông tin hoàn công hiện tại và sự cần thiết của các ứng dụng IT vào hỗ trợ các công tác FM. Từ đó, một quy trình FM tích hợp với mô hình BIM sẽ được đề xuất để thay thế cho các quy trình hiện tại nhằm hỗ trợ việc quản lý thông tin trong quá trình vận hành tòa nhà hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Mô hình hoàn công, mô hình thông tin (BIM), Tiêu chuẩn COBie, quản lý tòa nhà, dữ liệu hoàn công.

**87. Ứng dụng thuật toán di truyền để tối ưu thời gian, chi phí và chất lượng cho các dự án có tính chất lặp lại**/ TS. Lương Đức Long, ThS. Dương Minh Tín, Lê Trọng Nhân, Trần Minh Bảo// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 86-90.

**Nội dung**: Trình bày một mô hình tối ưu đa mục tiêu để cân đối thời gian, chi phí, chất lượng cho các dự án có tính chất lặp lại. Tác giả phát triển một thuật toán di truyền với sự hỗ trợ của công cụ tối ưu trong phần mềm Matlab đã đem lại kết quả nhanh chóng và chính xác hơn một số phương pháp khác trong những nghiên cứu trước đây.

**Từ khóa**: Thuật toán di truyền, tối ưu thời gian – chi phí – chất lượng

**88. Ứng dụng xỉ thép trong lĩnh vực công trình xây dựng**/ TS. Nguyễn Quốc Hiển// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 63-66.

**Nội dung**: Tái chế sử dụng xỉ thép không những mang lại lợi ích về môi trường, kinh tế mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Trên cơ sở tổng quan về tình hình nghiên cứu và ứng dụng xỉ thép, tác giả phân tích khả năng sử dụng xỉ thép trong lĩnh vực công trình xây dựng ở Việt Nam.

**Từ khóa**: Xỉ thép, tái chế, bê tông nhựa cốt liệu xỉ thép, bê tông xi măng, móng đường.

**89. Vai trò của chỉ số giá xây dựng quốc gia trong quản lý điều hành kinh tế vĩ mô**/ TS. Nguyễn Thị Bình Minh// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 02 .- Tr. 9-15.

**Nội dung**: Bài viết là một phần nội dung nghiên cứu của đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ về chỉ số giá xây dựng quốc gia (mã số RD 01-12), tổng hợp một số kinh nghiệm quốc tế trong việc biên soạn, sử dụng chỉ số giá xây dựng quốc gia và áp dụng trong quản lý điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa**: Chỉ số giá xây dựng quốc gia, quản lý điều hành kinh tế vĩ mô

**90. Ảnh hưởng số điểm đo chuyển vị trong bài toán ngược của phân tích biến dạng không liên tục**/ GS. TS. Nguyễn Quốc Bảo, TS. Cao Chu Oanh, ThS. Nguyễn Văn Tuấn, ThS. Trịnh Minh Hoàng// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 118-122.

**Nội dung**: Trình bày cơ sở lý thuyết nhằm xác định số điểm đo cần thiết đủ để tính được bậc tự do của khối trong bài toán ngược phân tích biến dạng không liên tục.

**Từ khóa**: Phân tích biến dạng không liên tục, DDA, BDDA.

**91. Xác định công suất khai thác đường cất hạ cánh (đường băng) tại cảng hàng không dựa vào qui tắc kiểm soát tiếp cận**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Phương// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 77-79.

**Nội dung**: Giới thiệu một số nét cơ bản về qui tắc kiểm soát tiếp cận tại sân bay. Trên cơ sở các quy tắc đó có thể tính toán xác định cụ thể công suất khai thác đường băng cho từng trường hợp cụ thể: Đường băng chỉ phục vụ máy bay đến, đường băng chỉ phục vụ máy bay đi, đường băng phục vụ hỗn hợp máy bay đến và đi. Bài báo đưa ra ví dụ minh họa cho xác định công suất khai thác đường băng của một sân bay.

**Từ khóa**: Công suất khai thác, qui tắc kiểm soát tiếp cận, máy bay dẫn trước, máy bay theo sau.

**92. Xác định ổn định của khung thép trong giai đoạn đàn hồi theo phương pháp tuyến tính**/ Nguyễn Minh Tuyền, Vũ Anh Tuấn, Nguyễn Quốc Cường// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 143-145.

**Nội dung**: Trình bày một phương pháp để xác định ổn định của khung thép. Phương pháp này đã phản ánh được sự làm việc thực tế của khung và có thể tính toán trực tiếp trên khung mà không cần sử dụng các bảng biểu giống như các phương pháp truyền thống. Với phương pháp này sẽ xác định được tải trọng tới hạn của khung trong giai đoạn đàn hồi theo phương pháp tuyến tính sau đó xác định chiều dài tính toán của thanh bằng sử dụng công thức Euler.

**Từ khóa**: Ổn định, khung thép, tải trọng tới hạn, chiều dài tính toán

**93. Xác định tải trọng sóng ngẫu nhiên lên phần tử dây neo công trình biển nổi**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Lê, PGS. TS. Lê Hồng Bang, PGS. TS. Đỗ Quang Khải// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 53-55.

**Nội dung**: Dựa trên kết quả xây dựng mặt sóng ngẫu nhiên, từ đó xác định được thành phần vận tốc và gia tốc của các phần tử nước. Bài báo trình bày cách sử dụng công thức Morison để tính toán tải trọng sóng ngẫu nhiên tác dụng lên phần tử kết cấu mảnh đặt xiên trong không gian, từ đó xây dựng thuật toán và chương trình tính tải trọng sóng ngẫu nhiên lên phần tử dây neo công trình biển nổi theo phương pháp phần tử hữu hạn.

**Từ khóa**: Tải trọng sóng ngẫu nhiên, phần tử dây neo, công thức Morison, lực quán tính, lực cản ma sát.

**94. Xây dựng bài toán xác định ứng suất, chuyển vị trong môi trường đất đá xung quanh công trình ngầm có kết cấu chống đỡ là các thanh chống**/ Ngô Hà Sơn, Đào Công Bình// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 43-47.

**Nội dung**: Trình bày phương pháp xây dựng bài toán xác định trường ứng suất và chuyển vị trong môi trường đất đá xung quanh công trình ngầm có kết cấu chống đỡ là các thanh chống đứng và các thanh chống ngang theo phương pháp hệ so sánh của GS. TSKH. Hà Huy Cương.

**Từ khóa**: Hà Huy Cương, phương pháp hệ so sánh, min Tmax, công trình ngầm, kết cấu chống đỡ.

**95. Xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ đầu tư phát triển bền vững cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ đô thị**/ ThS. Phạm Hoài Chung, KS. Đinh Trung Hiếu// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 72-76.

**Nội dung**: Đưa ra đề xuất của tác giả về việc xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ đầu tư phát triển bền vững cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ đô thị. Bộ chỉ tiêu này sẽ giúp cơ quan quản lý đánh giá mức độ phát triển bền vững của hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ đô thị của các thành phố.

**Từ khóa**: Bộ chỉ tiêu, cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ đô thị, mức độ đầu tư phát triển bền vững.

**96. Xây dựng giải pháp điều chỉnh cho robot scanner kiểm tra không phá hủy ống thép cỡ lớn**/ TS. Nguyễn Văn Nghĩa, ThS. Phạm Thái Hòa// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 68-71.

**Nội dung**: Đề xuất giải pháp điều chỉnh cho robot scanner kiểm tra không phá hủy các mối hàn của đường ống thép cỡ lớn. Với cấu trúc cơ khí đặc biệt và giải pháp điều khiển phù hợp, scanner có thể di chuyển phía ngoài ống thép ở tất cả mọi vị trí, bám theo vạch dẫn hướng để kiểm tra khuyết tật trên đường ống. Giải pháp được thiết kế phù hợp với hệ đo sử dụng cảm biến PAUT và TOFD. Thuật toán đã được mô phỏng trên Matlab và cài đặt thực nghiệm.

**Từ khóa**: Thử nghiệm không phá hủy, scanner, robot, ống, PAUT, TOFD.

**97. Xây dựng phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền trong các doanh nghiệp ngành xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con**/ TS. Nguyễn Ngọc Khánh// Kinh tế Xây dựng .- 2016 .- Số 01 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền trong các doanh nghiệp ngành xây dựng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con đảm bảo tính khoa học, tính pháp lý, tính thực tiễn sẽ góp phần nâng cao việc bảo toàn và phát triển phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Từ khóa**: Mô hình công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp xây dựng, phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền.

**KẾ TOÁN**

**1**. **Ảnh hưởng của các ước tính kế toán đến hiệu quả tài chính: Trường hợp Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17**/ TS. Phan Thị Dung// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 19-23.

**Nội dung**: Đề cập đến bản chaatshieeuj quả tài chính (HQTC), các thước đo lương HQTC, các sai lệch thông tin BCTC ở VN và nghiên cứu của ACFE, các ước tính kế toán ảnh hưởng đến thông tin trên BCTC và minh họa số liệu theo F17.

**Từ khoá**: Hiệu quả tài chính, ước tính kế toán, sai lệch thông tin

**2. Áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ ThS.Nguyễn Thị Phương Thảo// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr.56-58.

**Nội dung**: Khái quát về chuẩn mực kế toán quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Phân tích một số vấn đề trong quá trình áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Singapore và Malaysia, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho VN.

**Từ khoá**: Chuẩn mực kế toán quốc tế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kế toán

**3. Bước đột phá về chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ TS. Vũ Thị Thanh Thủy// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr.40-41.

**Nội dung**: Phân tích những chế độ kế toán mới được quy định tại thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 4/10/2011.

**Từ khoá**: Chế độ kế toán, Doanh nghiệp nhỏ và vừa

**4.** **Các mô hình nhận diện hành vi điều chỉnh lợi nhuận: nghiên cứu lý thuyết**/ ThS. NCS. Phan Thị Đỗ Quyên// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 39-43.

**Nội dung**: Tổng hợp các mô hình nhận diện hành vi điều chỉnh lợi nhuận được vận dụng trong các nghiên cứu thực nghiệm điển hình trên thế giới, qua đó đánh giá ưu điểm và hạn chế của từng mô hình, tạo cơ sở cho việc lựa chọn mô hình phù hợp với bối cảnh cụ thể của VN.

**Từ khoá:** Điều chỉnh lợi nhuận, biến dồn tích tùy ý

**5. Các mô hình tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp**/ Đường Thị Quỳnh Liên// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 50-52.

**Nội dung:** Trình bày các mô hình tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Mô hình tổ chức, kế toán sản phẩm, giá thành sản phẩm, doanh nghiệp

**6. Các nhân tố tác động đến quá trình vận dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Kim Chung, TS. Trần Văn Tùng// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp nghiên cứu định lượng để xác định, phân tích các nhân tố tác động đến việc vận dụng giá trị hợp lý trong kế toán tại VN theo chuẩn mực kế toán quốc tế, từ đó đưa ra một số đề xuất và kiến nghị cho thời gian tới.

**Từ khoá**: Giá trị hợp lý, báo cáo tài chính, báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)

**7. Điều chỉnh báo cáo Tài chính dựa trên chỉ số giá tiêu dùng nhằm phục vụ yêu cầu quản trị trong điều kiện nền kinh tế lạm phát**/ TS. Phan Thanh Hải// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 16-18.

**Nội dung**: Giới thiệu việc điều chỉnh báo cáo tài chính (BCTC) trên cơ sở giá gốc, theo mức giá chung dựa theo chỉ số giá tiêu dùng để phản ánh đúng sự thay đổi giá của hàng hoasdichj vụ mà DN nắm giữ. Đây cũng là một gợi ý để các nhà quả quản trị DN có thêm thông tin hữu ích, phục vụ cho việc ra quyết định đúng đắn, trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của mình.

**Từ khoá**: Điều chỉnh báo cáo taifchinhs, chỉ số giá tiêu dùng, kinh tế lạm phát

**8. Đổi mới phương pháp đào tạo ngành kế toán nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhaanl ực Nghệ An hiện nay**/ Võ Thúy Hằng/ Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 54-55.

**Nội dung:** Trình bày thực trạng đào tạo ngành kế toán hiện nay và giải pháp đối mới công tác đào tạo ngành kế toán đẻ phù hợp với tế hiện nay.

**Từ khoá**: Phương pháp đào tạo ngành kế toán, nguồn nhân lực

**9. Giải pháp hoàn thiện kiểm toán trách nhiệm kinh tế tại Việt Nam**/ Phạm Tiến Dũng// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 35-37.

**Nội dung**: Phân tích thực trạng kiểm toán trách nhiệm kinh tế của người phụ trách doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần nhà nước giữ phần vốn chi phối và những người phụ trách chính trong cơ quan chính phủ và các ban, ngành. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm toán trên tại VN.

**Từ khoá:** Kiểm toán trách nhiệm kinh tế, doanh nghiệp, Việt Nam

**10. Hoàn thiện kế toán các khoản dự phòng**/ ThS.Lê Thị Bảo Như// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 30-31,35.

**Nội dung**: Trình bày những vấn đề chung về kế toán dự phonngf, nguyên tắc trích lập dự phòng và đề xuất các biện pháp hoàn thiện các khoản kế toán dự phòng đối với các doanh nghiệp.

**Từ khoá**: Kế toán dự phòng

**11. Kế toán các hình thức huy động vốn trong công ty cổ phần**/ ThS. Dương Thị Yến// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 37-38.

**Nội dung**: Trình bày và phân tích các hình thức huy động vốn trong công ty cổ phần và kế toán các hình thức huy động vốn trong công ty cổ phần.

**Từ khoá:** Kế toán, huy động vốn, công ty cổ phần, doanh nghiệp, kinh doanh

**12. Kế toán môi trường tại các doanh nghiệp**/ ThS. Đào Thị Giang, Đào Thị Thu Hà// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr.74-75.

**Nội dung**: Đánh giaá những nguyên nhân cơ bản khiến kế toán môi trường chưa được áp dụng nhiều ở Việt Nam, khảo sát kinh nghiệm của mootjsoos quốc gia vag hàm ý về cho VN nhằm đẩy mạnh áp dụng kế toán môi trường thời gian tới.

**Từ khoá**: Kế toán môi trường, chi phí, thuế môi trường, hạch toán dòng vật liệu

**13. Kế toán quản trị chi phí theo quy trình trong doanh nghiệp chế biến nông sản thực phẩm**/ TS. Đỗ Quang Giám, Ngô Thị Miên// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 8-12.

**Nội dung**: Trình bày tổ chức công tác kế toán chi phí theo quy trình chế biến Dứa cấp đông và xác định chi phí theo quy trình chế biến sản phẩm dứa cấp đông.

**Từ khoá**: Kế toán quản trị, kế toán chi phí, kế toán chi phí theo quy trình

**14. Kế toán quản trị chi phí: nhìn từ thực tiễn triển khai tại các công ty sản xuất xi măng/** ThS.Lương Khánh Chi// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Đánh giá thực trạng và đề xuất một số nội dung góp phần hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí: nhìn từ thực tiễn triển khai tại các công ty sản xuất xi măng thuộc VICEM trên cơ sở tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị.

**Từ khoá**: kế toán quản trị, kế toán tài chính, quản trị chi phí, sản xuất xi măng

**15. Kiểm soát chi phí sản xuất giai đoạn khai thác mủ tại Công ty TNHH MTV Cao su Eah'Leo, tỉnh Đắk Lắk** /Nguyễn hà Hồng Anh, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Phương Thảo// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 76-79.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm kiemr soát chi phí sản xuất giai đoạn khai thác mủ cao su tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su Eah'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

**Từ khoá**: Kiểm soát, chi phí sản xuất, cao su, Eah'Leo

**16. Kiểm soát nội bộ hoạt động cho vay trong ngân hàng thương mại: Trường hợp của Ngân hàng Argibank - chi nhánh huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh**/ Đỗ Quang Giám, Nguyễn Thị Thùy Dung, Hoàng Thị Trúc Nhu// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 12-14.

**Nội dung:** Tập trung đánh giá công tác kiểm soát nội bộ trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng Argibank - chi nhánh huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bộ, hoạt động cho vay, Ngân hàng Argibank

**17. Kiểm soát quy trình mua nguyên vật liệu - nhập kho: nhìn từ công ty Cổ phần Mía đường Lạng Sơn**/ Trần Thị Lan Hương// Tài chính .- 2016 .- Số 641 tháng 9 .- Tr. 41-43.

**Nội dung:** Trình bày những ưu điểm, hạn chế và rủi ro có thể xảy ra tại Công ty Cổ phần Mái đườngLam Sơn, từ đó kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình mua nguyên vật liệu và nhập kho, đáp ứng được những yêu cầu hội nhập mới.

**Từ khoá:** Kế toán, nguyên vật liệu, nhập kho, kiểm soát, quy trình

**18. Kiểm toán môi trường và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp**/ NCS. Lê Anh Tuấn, ThS. Nguyễn Lê Nhân// Tài chính .- 2016 .- Số 641 tháng 9 .- Tr. 20-22.

**Nội dung:** Tổng quan về kế toán môi trường, những lợi ích của kế toán môi trường và các giải pháp nhằm góp phần thay đổi nhận thức về kinh tế môi trường.

**Từ khoá:** Kế toán môi trường, doanh nghiệp, phát triển bền vững

**19. Kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ quản lý**/ ThS. Phạm Tiến Dũng, TS. Nguyễn Thị hạnh Duyên// Tài chính .- 2016 .- Số 641 tháng 9 .- Tr. 23-25.

**Nội dung**: Đánh giá về thực trạng kiểm toán trách nhiệm kinh tế của cán bộ quản lý và đưa ra một số kiến nghị đối với các bên liên quan nhằm tiến tới triển khai loại hình kiểm toán này ở VN.

**Từ khoá**: Kiểm toán nhà nước, trách nhiệm kinh tế, cán bộ quản lý, tài chính công

**20. Kiểm toán ước tính kế toán trong báo cáo tài chính: bài học từ các hãng kiểm toán lớn trên thế giới**/ Nguyễn Thị Lê Thanh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 51-53.

**Nội dung**: Tập trung phân tích kinh nghiệm thực tế kiểm toán BCTC nói chung và kiểm toán các ước tính kế toán nói riêng của bốn hãng kiểm toán lớn nhất trên thế giới (Big 4) từ đó đưa ra bài học cho các công ty kiểm toán của VN.

**Từ khoá:** Ước tính kế toán, kiểm toán báo cáo tài chính

**21. Nâng cao chất lượng công tác quản lý và sử dụng tài sản cố định tại các đơn vị hành chính sự nghiệp**/ Phạm Thị Ngọc Ly// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng công tác quản lý và sử dụng TSCĐ tại đơn vị hành chính sự nghiệp và một số gợi ý góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý và sử dụng TSCĐ tại đơn vị hành chính sự nghiệp.

**Từ khoá:** Tài sản cố định, Hành chính sự nghiệp

**22. Nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Ninh Bình : thực trạng và giải pháp**/ ThS.Nguyễn Thị Thuận// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 44-45.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Ninh Bình và giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp Ninh Bình.

**Từ khoá:** Tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp

**23. Nâng cao tính độc lập, khách quan của kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam**/ Ths. Đặng Thu Lan// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 18-21.

**Nội dung**: Làm rõ tính độc lập của kiểm toán nội bộ (KTNB) cần được nhận thức như nào, có thể bị đe dọa bởi những guy cơ nào và đưa ra một số đề xuất, nhằm nâng cao tính độc lập, khách quan của KTNB trong các NHTM Việt Nam.

**Từ khoá**: Kiểm toán nội bộ, kế toán kiểm toán, kiểm toán ngân hàng

**24. Phương thức hài hòa chuẩn mực quốc tế về kế toán của các quốc gia ASEAN**/ TS. Trần Quốc Thịnh// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 9-11.

**Nội dung**: Đánh gia và phân tích xu hướng hài hòa của chuẩn mực quốc tế về kế toán cũng như phương thức tiếp cận của các quốc gia trong khu vực ASEAN để nhìn nhận xu hướng cũng như những cách thức tiếp cận của các quốc gia này trong việc vận dụng vào từng điều kiện, đặc điểm riêng của quốc gia, nhằm đáp ứng với quá trình hội nhập chuẩn mực quốc tế về kế toán.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán, hội tụ kế toán, kế toán ASEAN

**25. Phương thức hội nhập chuẩn mực quốc tế về kế toán của các quốc gia ASEAN và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**/ TS. Trần Quốc Thịnh// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 5-7.

**Nội dung:** Tổng quan hệ thống chuẩn mực kế toán VN trong quá trình phát triển và hội nhập và bài học kinh nghiệm cho VN trong quá trình hội nhập với quốc tế về kế toán.

**Từ khoá:** Chuẩn mực kế toán, kế toán quốc tế, kế toán Việt Nam

**26. Quy trình nghiên cứu, đánh giá kiểm soát nội bộ trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng thương mại**/ Ths. Phí Thị Kiều Anh// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 15-18.

**Nội dung**: Đề cập đến quy trình nghiên cứu, đánh giá kiểm soát nội bộ (KSNB) trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính(BCTC) của ngân hàng thương mại (NHTM), nhằm giúp kiểm toán viên nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác nghiên cứu, đánh giá KSNB nói riêng và cuộc kiểm toán BCTC NHTM nói chung.

**Từ khoá:** Kiểm soát nội bộ, Báo cáo tài chính, Ngân hàng thương mại

**27. Thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong hành động phù hợp trong kiểm toán báo cáo tài chính**/ ThS.NCS.Nguyễn Vinh Khương// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 27-29.

**Nội dung**: Xác định xu hướng phát triển của các nghiên cứu về dô lường thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong hành động phù hợp của kiểm toán viên trong lĩnh vực kiểm toán và hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khoá:** Kiểm toán, Hành động phù hợp, thái độ hoài nghi nghề nghiệp

**28. Thông tin kế toán quản trị: công cụ hữu hiệu thực hiện các mục tiêu quản lý**/ ThS. Nguyễn Hoàng Dũng// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 34-36.

**Nội dung:** Phân tích cách tiếp cận kế toán quản trị theo lý thuyết hệ thống mở, từ đó triển khai tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp một cách hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu thông tin của nhà quản trị trong việc thực hiện các mục tiêu quản lý.

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, hệ thống thông tin, quản lý doanh nghiệp

**29. Thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam**/ ThS.Nguyễn Thị Thu Hoàn// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr.45-47.

**Nội dung:** Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp ở VN, Tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để kiểm định mối liên hệ giữa việc thực thi, chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi ích áp dụng cho các doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Thuế thu nhập doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán thuế, doanh nghiệp

**30. Vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ: thực tiễn triển khai tại công ty bảo hiểm Bảo Việt**/ ThS.Nguyễn Thị Dung// Tài chính .- 2016 .- Số 641 tháng 9 .- Tr. 26-28.

**Nội dung**: Khảo sát và phân tích thực tiễn triển khai hoạt động kiểm soát nội bộ tại công ty bảo hiểm Bảo Việt và giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ.

**Từ khóa:** Kiểm soát nội bộ

**31. Vai trò của kiểm toán nhà nước đối với hoạt động đầu tư BOT**/ ThS. Đinh Thị Hải Phong// Tài chính .- 2016 .- Số 641 tháng 9 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Trình bày những hoạt động đầu tư BOT qua lăng kính kiểm toán, từ đó chỉ ra những mặt hạn chế, bất cập của cơ chế chính sách cũng như những tồn tại hạn chế trong quá trình quản lý, góp phần hoàn thiện khung pháp lý quản lý nhà nước đối với hình thức đầu tư này.

**Từ khoá**: Đầu tư, BOT, kiểm toán nhà nước

**32. Về kế toán dự phòng phái thu khó đòi theo quy định hiện hành áp dụng tại doanh nghiệp**/ Ths. Trần Thị Ngọc Cẩm, Ths. Nguyễn Thị Ngọc Hương// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 32-33,51.

**Nội dung**: Trình bày quy định hiện hành về lập dự phòng phải thu khó đòivà những đề xuất trong quá trình thực hiện.

**Từ khoá**: Kế toán dự phòng,quy định, doanh nghiệp

**33. Về phương pháp lựa chọn nội dung kiểm toán doanh nghiệp Nhà nước trong việc lập kế hoạch kiểm toán năm của kiểm toán Nhà nước**/ Ths. NCS. Ngô Như Vinh// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 22-24.

**Nội dung:** Trình bày hai phương pháp được sử dụng phổ biến hiện nay: Phương pháp lựa chọn nội dung kiểm toán định tính và phương pháp lựa chọn nội dung kiểm toán định lượng.

**Từ khoá:** Phương pháp lựa chọn kiểm toán định tính, Phương pháp lựa chọn kiểm toán định lượng, kiểm toán

**34. Về tổ chức công tác kiểm toán doanh nghiệp Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước thực hiện**/ ThS.NCS.Ngô Như Vinh// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 24-26.

**Nội dung:** Thảo luận về tổ chức công tác kiểm toán doanh nghiệp Nhà nước do Kiểm toán Nhà nước thực hiện, qua đó giúp trả lời câu hỏi, cách thức tổ chức công tác kiểm toán DNNN như thế nào là hiệu quả nhất, mang lại giá trị cao nhất cho công tác kiểm toán DNNN của kiểm toán nhà nước.

**Từ khoá:** Kiểm toán nhà nước, doanh nghiệp nhà nước

**35. Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng khả năng áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất Thép tại Việt Nam**/ NCS. Nguyễn Thị Nga// Kế toán & Kiểm toán .- Số 8(155) tháng 8 .- Tr. 34-37.

**Nội dung:** Thông qua nghiên cứu lý thuyết khuếch tán của những đổi mới, lý thuyết bất định, lý thuyết thể chế và tổng quan các công trình nghiên cứu trước, tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thép tại Việt Nam,

**Từ khoá:** Kế toán quản trị, chi phí môi trường, doanh nghiệp sản xuất

**36. Xử lý các tình huống phát sinh về trị giá hàng tồn kho**/ PGS.TS. Chú Anh Tú// Kế toán & Kiểm toán .- Số 9 (156) tháng 9 .- Tr. 14-15,29.

**Nội dung:** Thông tư 200/2014/TT-BTC, bổ sung phương pháp tính trị giá hàng tồn kho xuất kho là phương pháp giá bản lẻ áp dụng cho các siêu thị, cửa hàng xăn dầu, … có đặc thù bán hàng hóa với khối lượng nhiều, đa dạng về chủng loại nên khó xác định và ghi nhận giá vốn hàng bán ngay, mà phải thông qua giá bán lẻ. Đối với mỗi phương pháp hạch toán HTK, đều có những ưu, nhược điểm vf điều kiện áp dụng khác nhau.

**Từ khoá**: Hàng tồn kho, kế toán hàng tồn kho

**QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**1. Ảnh hưởng các đặc tính của hội đồng quản trị đến sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam**/ Trần Thị Giang Tân, Trương Thùy Dương// Phát triển Kinh tế .- 2016 .- Số 8 tháng 8 .- Tr. 42-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu xem xét các đặc tính của hội đồng quản trị (HĐQT) có ảnh hưởng thế nào đến sai sót trọng yếu (SSTY) trên báo cáo tài chính (BCTC) ở các doanh nghiệp (DN) niêm yết tại VN. vỚI 5 nhân tố thuộc đặc tính của HĐQT, đó là: Quy mô HĐQT, tỉ lệ thành viên không điều hành, số thành viên có quan hệ gia đình, thành viên HĐQT có chuyên môn tài chính và nhiệm kì của thành viên HĐQT không điều hành. Ngoài ra, tỉ số nợ cao cũng là dấu hiệu cảnh báo về SSTY trên BCTC.

**Từ khoá:** Sai sót trọng yếu, nhầm lẫn, gian lận, hành vi chi phối thu nhập, hội đồng quản trị.

**2. Ảnh hưởng của môi trường công nghệ kỹ thuật số đến hành vi của khách hàng tại thị trường bán lẻ hiện nay**/ Phùng Thị Thủy, Lê Hữu Châu// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 18-20.

**Nội dung:** Tập trung vào phân tích ảnh hưởng của môi trường công nghệ kỹ thuật số đến hành vi của khách hàng, từ đó có một số đề xuất một số giải pháp đối với các hoạt động marketing của doanh nghiệp bán lẻ trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khoá:** Công nghệ kỹ thuật số, hành vi khách hàng, thị trường bán lẻ

**3. Các nhân tố tác động tới mức độ hài lòng của khách hàng trong mua sắm giải trí**/ Nguyễn Quang Huy// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 13-17.

**Nội dung**: Khách hàng khi đến các siêu thị mua sắm thì mục đích giải trí vẫn nhiều hơn. Vì vậy, nắm rõ những nhân tố và mức độ ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng này, từ đó đưa ra một số gợi ý cho các trung tâm thương mại đề ra các chính sách thu hút khách hàng, tạo dựng lòng trung thành thương hiệu là cần thiết trong thời kỳ hội nhập. Điều này sẽ hứa hẹn một hướng đi mới cho ngành kinh doanh siêu thị.

**Từ khóa**: Mức độ hài lòng của khách hàng, chiến lược kinh doanh

**4. Các tiền tố và hậu tố của sự tham gia của khách hàng trong môi trường mua sắm trực tuyến**/ Nguyễn Mạnh Tuân, Nguyễn Hữu Trí// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 69-77.

**Nội dung:** Nghiên cứu này đo lường những mối liên hệ của sự tham gia của khách hàng với các tiền tố thuộc về lợi ích mong đợi và các hậu tố là sự hài lòng, lòng tin, nhận thức tiết kiệm nỗ lực và ý định mua lại. Phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) thực hiện trên mẫu gồm 193 khách hàng trong lĩnh vực mua sắm trực tuyến tại thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế và thương mại lớn của Việt Nam đã ủng hộ 10 trong 18 giả thuyết nghiên cứu đề nghị. Kết quả tái khẳng định sự tham gia của khách hàng có quan hệ dương với sự hài lòng của họ thông qua hai yếu tố trung gian toàn phần là nhận thức tiết kiệm nỗ lực và lòng tin của họ.

**Từ khoá:** Sự tham gia của khách hàng; thương mại điện tử; hành vi người tiêu thụ; nghiên cứu dịch vụ

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng quản trị ở các nước Châu Phi**/ PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Phạm Anh Tuấn, ThS. Bùi Khắc Linh// Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông .- 2016 .- Số 8 (132) .- Tr. 3-14.

**Nội dung**: Tìm hiểu những nhân tố tác động đến chất lượng quản trị quốc gia ở Châu Phi, từ đó giúp lý giải rõ hơn việc một số nước Châu Phi có thể cải cách nền quản trị quốc gia thành công trong khi những nước khác lại thất bại.

**Từ khóa**: Chất lượng quản trị, cải cách, Châu Phi

**6. Các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam:Trường hợp Campuchia**/ Võ Thanh Thu, Lê Quang Huy & Lê Thị Bích Diệp// Phát triển kinh tế .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 4-33.

**Nội dung**: Tập trung phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp (DN) VN vào Campuchia - một trong hai thị trường đầu tư ra nước ngoài lớn nhất của VN. Hai nhóm yếu tố được xem xét là: (1) Nhóm các yếu tố thúc đẩy đầu tư, và (2) Nhóm các yếu tố thu hút đầu tư. Nghiên cứu sử dụng phối hợp phương pháp định tính và định lượng, trong đó, mô hình hồi quy đa biến được dùng để xác định các yếu tố tác động chính đến quyết định đầu tư của DN VN sang Campuchia. Kết quả nghiên cứu đã tìm ra quyết định đầu tư trực tiếp vào Campuchia chịu sự tác động bởi 4 yếu tố: (1) Văn hóa – địa lí, (2) Cơ sở hạ tầng, (3) Kinh tế vĩ mô và thị trường, và (4) quy định, chính sách liên quan đến đầu tư. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các gợi ý chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Campuchia và chính sách thúc đẩy đầu tư trực tiếp sang thị trường Campuchia nói riêng và ra nước ngoài nói chung của VN.

**Từ khoá:** FDI; Investment promotion; Investment attraction; Decision to invest; Cambodia; Viet Nam

**7. Chiến lược marketing để phát triển bền vững thị trường Tây Bắc**/ Lương Minh Huân, Lê Văn Vàng// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 58-62.

**Nội dung:** Áp dụng chiến lược marketing 4A: Affordability- Khả năng thanh toán, Accessibility- Khả năng tiếp cận, Availibility- Tính sẵn có, Awereness- Nhận thức.

**Từ khoá:** Chiến lược marketing, phát triển thị trường, Tây Bắc

**8. Cơ hội và thách thức về di chuyển lao động kế toán hành nghề của Việt Nam trong Cộng đồng kinh tế ASEAN(AEC)/** Trần Thế Tuân, Nguyễn Thị Thu Giang// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 27-30.

**Nội dung:** Tổng quan về di chuyển lao động, cơ hội thách thức đối với lao động hành nghề kế toán của VN và một số kiến nghị.

**Từ khoá**: Di chuyển lao động kế toán, AEC

**9. Cổ phần hoa doanh nghiệp nhà nước: Chặng đường 2011-2015 và định hướng 2016-2020**/ Đặng Quyết Tiến// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 6-9.

**Nội dung:** Trình bày quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2015, từ đó đề xuất một số giải pháp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho giai đoạn 2016-2020.

**Từ khoá:** Cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước

**10. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ Đỗ Trọng Nghĩa// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 40-42,36.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề ra một số kiến nghị nhằm đẩy mạnh dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Từ khoá**: Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Tỉnh Thái Nguyên

**11. Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ: hướng đi tất yếu cho các ngân hàng thương mại trong bối cảnh hội nhập**/ Hà Thị Hải Ly// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 91-93.

**Nội dung**: vai trò của đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ: hướng đi tất yếu cho các ngân hàng thương mại trong bối cảnh hội nhập; Thực trạng đa dạng hóa sản phẩm tại một số ngân hàng thương mại VN; Một số đề xuất đa dạng hóa sản phẩm tại một số ngân hàng thương mại.

**Từ khoá**: Dđa dạng hóa, sản phẩm dịch vụ, ngân hàng thương mại, hội nhập

**12. Đào tạo và quản lý nhân lực chất lượng cao trong các doanh nghiệp Nhật Bản ở Việt Nam**/ Hoàng Thị Vân Anh// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 26-28.

**Nội dung:** Tập trung nghiên cứu thực trạng của quá trình đào tạo và quản lý nhân lực chất lượng cao trong các doanh nghiệp Nhật Bản và từ đó rút ra một số giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở VN.

**Từ khoá**: Nhan lực chất lượng cao, đào tọa, quản lý, danh nghiệp, Nhật Bản, Việt Nam

**13. Giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp**/ ThS. Trịnh Đức Chiều// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 24-27.

**Nội dung:** Trình bày kết quả cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giải pháp đảy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, tái cơ cấu

**14. Giải pháp nâng cao hiệu quả thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền// Tài chính .- 2016 .- Số 643 tháng 10 .- Tr. 39-40.

**Nội dung:** Trình bày những tồn tại và cập về công tác quản lý thu thuế, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu thuế đối với hộ kinh doanh cá thể.

**Từ khoá:** Thuế, kinh doanh cá thể

**15. Giải pháp phát triển cầu cho ngành hàng tiêu dùng nhanh trên cơ sở khai thác ảnh hưởng của yếu tố văn hóa**/ Trần Vinh// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 73-75,66.

**Nội dung**: Nêu qui trình xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy cầu của người tiêu dùng dành cho nhóm hàng tiêu dùng nhanh (sữa, mì gói, bánh kẹo, nước tương, nước mắm) trên cơ sở sử dụng kết quả được lấy từ mô hình hồi qui chuẩn tắc về nhân tố tác động. Qui trình AHP được sử dụng như một công cụ để liệt kê và lựa chọn giải pháp tối ưu dựa vào rất nhiều dữ liệu đầu vào bao gồm: chính sách hiện tại của nước ta đói với cầu tiêu dùng nhanh, kinh nghiệm lập chính sách một số quốc gia và mô hình biễu diễn yếu tố văn hóa tác động đến cầu của người tiêu dùng.

**Từ khoá:** Qui trình AHP, xây dựng chính sách, Hồi qui chuẩn

**16. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng**/ ThS. Phạm Văn Hiển// Nghiên cứu Đông Nam Á .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 79-84.

**Nội dung**: Khái quát thực trạng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng. Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, giải pháp phát triển, Đồng bằng sông Hồng.

**17. Giải pháp quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả**/ ThS. Nguyễn Tân Thịnh// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 45-48.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công và giải pháp quản lý, sử dụng tài sản công tiết kiệm, hiệu quả.

**Từ khoá:** Tài sản công, dịch vụ công, tài sản nhà nước

**18. Hành vi quá tự tin của giám đốc điều hành và khả năng sử dụng nợ vay cao của doanh nghiệp Việt Nam**/ Lê Đạt Chí, Trần Hoài Nam// Phát triển Kinh tế .- 2016 .- Số 8 tháng 8 .- Tr. 81-97.

**Nội dung**: Xác định mối quan hệ giữa hành vi quá tự tin của giám đốc điều hành (CEO) với việc sử dụng nợ vay ở mức cao của 85 công ty niêm yết trên Thị trường Chứng khoán VN giai đoạn 2011–2014. Xác định khả năng CEO quá tự tin sử dụng tỉ lệ nợ cao gần gấp 3 lần khả năng CEO bình thường sử dụng tỉ lệ này. Các đặc tính khác của CEO được kiểm soát bao gồm: Độ tuổi cao, giới tính, bằng cấp, nền tảng kinh nghiệm, việc trải qua các biến cố lớn về kinh tế/chính trị trong cuộc đời.

**Từ khoá**: Hành vi quá tự tin, CEO, nợ vay, khả năng sử dụng nợ vay.

**19. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau thực hiện cổ phần hóa**/ ThS. Nguyễn Duy Long// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 19-21.

**Nội dung**: Trình bày tình hình hoạt động doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa, những hạn chế - tồn tại và một số giải pháp.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước, ngân sách nhà nước

**20. Hoàn thiện chính sách kinh tế phát triển ngành công nghiệp văn hóa**/ TS. Nguyễn Viết Lộc, ThS. Cao Thái Dương// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 82-85.

**Nội dung:** Thực trạng chính sách phát triển ngành công nghiệp văn hóa và một số vấn đề đáng lưu ý nhằm hoàn thiện chính sách kinh tế phát triển ngành công nghiệp văn hóa.

**Từ khoá**: Dịch vụ văn hóa, Chính sách kinh tế

**21. Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính trong các trường đại học địa phương tại Việt Nam**/ NCS. Đàm Đắc Tiến// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 82-84.

**Nội dung:** Phân tích thực trạng quản lý tài chính tại các trường đại học địa phương, từ đó chỉ ra một số nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến cơ chế quản lý tai chính tại các trường này

**Từ khoá**: Quản lý tài chính, đại học địa phương, ngân sách nhà nước

**22. Hoàn thiện môi trường pháp lý cho bảo hiểm vi mô/** TS. Đỗ Thị Vân Trang// Chứng khoán Việt Nam .- 2016 .- Số 216 tháng 10 .- Tr. 47-50.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng thị trường bảo hiểm vi mô (BHVM) ở Việt Nam và 7 gợi ý hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo điều kiện thúc đẩy BHVM phát triển tại Việt Nam.

**Từ khoá**: Bảo hiểm vi mô, Môi trường pháp lý

**23. Khám phá một số điều kiện cần cho kết quả kinh doanh thông qua phương pháp NCA**/ Nguyễn Đình Thọ// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 94-102.

**Nội dung:** Ứng dụng phương pháp NCA (necessary condition analysis) để khám phá một số điều kiện cần cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và so sánh kết quả NCA với phương pháp hồi qui và phương pháp tập mờ trong so sánh định tính fsQCA (fuzzy-set qualitative analysis). Dựa vào lý thuyết nguồn lực, nghiên cứu xem xét vai trò của các thành phần định hướng kinh doanh (bao gồm tính sáng tạo, chủ động, và mạo hiểm) đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** NCA; tính sáng tạo; tính chủ động; tính mạo hiểm; kết quả kinh doanh

**24. Lan toả công nghệ từ FDI và các nhân tố quyết định: Trường hợp các doanh nghiệp Việt Nam**/ Nguyễn Trọng Hoài, Phạm Thế Anh// Phát triển Kinh tế .- 2016 .- Số 8 tháng 8 .- Tr. 1-20.

**Nội dung:** Nghiên cứu kiểm định hiệu ứng lan toả công nghệ từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nhân tố quyết định đến lan toả tại VN. Vận dụng khung phân tích dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas và phương pháp ước lượng dữ liệu bảng cho các doanh nghiệp giai đoạn 2011– 2013, kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại hiệu ứng lan toả công nghệ từ FDI đến các doanh nghiệp chế biến chế tạo trong nước.

**Từ khoá:** FDI, lan toả công nghệ, nhân tố quyết định, doanh nghiệp chế biến chế tạo

**25. Lý thuyết đại diện trong mối quan hệ với hành vi điều chỉnh lợi nhuận tại các công ty cổ phần**/ Nguyễn Hà Linh// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Tìm hiểu về sự ra đời của lý thuyết đại diện trong mối quan hệ với hành vi điều chỉnh lợi nhuận tại các công ty cổ phần.

**Từ khoá**: Lý thuyết đại diện, lợi nhuận

**26. Mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại khi Việt Nam tham gia** TPP/ Nguyễn Văn Huân// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 28-30.

**Nội dung:** Đề cập đến việc phát triển một mô hình quản trị doanh nghiệp VN theo hướng hiện đại trên cơ sở khai thác và ứng dụng CNTT và truyền thông khi VN tham gia TPP.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, TPP

**27. Một số thách thức trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam**/ TS. Nguyễn Đức Độ// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 10-12.

**Nội dung:** Trình bày những bất cập và nguyên nhân trong quá trình cổ phần hóa.

**Từ khoá**: Cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước

**28. Nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế tại tỉnh Thái Nguyên**/ Hoàng Mỹ Bình, Nguyễn Thu Hà// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 44-45.

**Nội dung:** Khái quát tình hiunhf thu ngân sách cũng như thực trạng thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đề xuất giải pháp nhằm làm tốt công tác thuế trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, ngân sách nhà nước

**29. Năng lực cạnh tranh và nhân tố ảnh hướng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp: một nghiên cứu tổng quan**/ Phạm Thu Hương// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 4-7.

**Nội dung**: Nghiên cứu về năng lực cạnh tranh (NLCT) của doanh nghiệp trên cơ sở tổng quan về NLCT của các nhà nghiên cứu, từ đó đưa ra khái niệm về NLCT của DNNVV phù hợp với các điều kiện của VN.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Việt Nam

**30. Nghiên cứu các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp**/ Phan Chí Anh, Nguyễn Thu Hà// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 8-10.

**Nội dung**: Đánh giá năng lực cạnh tranh doanh nghiệp thể hiện qua một số nghiên cứu nổi bật trong và ngoài nước, từ đó đề xuất các tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của DN.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp

**31. Nghiên cứu quản trị công ty thông qua chỉ số CGI, cấu trúc kim tự tháp và giá trị doanh nghiệp tại Việt Nam/** Trần Thị Hải Lý, Nguyễn Kim Đức// Phát triển Kinh tế .- 2016 .- Số 8 tháng 8 .- Tr. 61-80.

**Nội dung:** Nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa quản trị công ty (QTCT), cấu trúc kim tự tháp (KTT), và giá trị doanh nghiệp (GTDN) tại VN. Tác giả sử dụng phương pháp ước lượng hồi quy cho dữ liệu bảng và giải quyết vấn đề nội sinh bằng phương pháp bình phương tối thiểu 2 giai đoạn (2SLS).Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Các biến số thông thường như quy mô hội đồng quản trị (HĐQT), tính độc lập của HĐQT chưa hẳn là biến số tốt để đại diện cho cách thức QTCT; (2) Việc sử dụng bộ chỉ số QTCT gồm 117 tiêu chí do Connelly và cộng sự (2012) xây dựng (chỉ số CGI) đã đại diện cho cách thức QTCT một cách toàn diện hơn; và (3) Phát hiện thú vị nhất của nghiên cứu này là cấu trúc KTT đóng một vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa QTCT và GTDN.

**Từ khoá:** Chỉ số CGI, quản trị công ty, cấu trúc kim tự tháp.

**32. Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới định gia đất ở Việt Nam hiện nay**/ Lê Phước An, Nguyễn Văn Long// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 11-13.

**Nội dung**: Phân tích bốn nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới việc định giá đất và đây là cơ sở quan trọng cho việc phát triển và quản lý thị trường đất đai, thị trường bất động sản ở VN hiện nay.

**Từ khoá**: Đất đai, định giá, Việt Nam

**33. Những nhân tố xác định sự hữu hiệu của các tổ chức ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Nguyễn Việt & Vũ Quốc Thông// Phát triển kinh tế .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 103- 124.

**Nội dung:** Khám phá những nhân tố xác định sự hữu hiệu của tổ chức kinh doanh trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Tác giả tiến hành khảo sát 316 doanh nghiệp tại VN có ứng dụng hệ thống ERP giai đoạn 2015–2016. Bằng các phép phân tích tương quan, thống kê mô tả và phân tích EFA, tác giả tiến hành kiểm định và giải thích mô hình nghiên cứu đặt ra trên nền tảng lí thuyết thẻ điểm cân bằng. Kết quả nghiên cho thấy có ba nhóm nhân tố bậc 2 đáp ứng nhu cầu đo lường sự hữu hiệu của tổ chức từ các nhà quản lí doanh nghiệp trong môi trường ứng dụng hệ thống ERP, bao gồm: (1) Sự phát triển bền vững; (2) Năng lực của tổ chức; và (3) Sự sẵn sàng trong kinh doanh. Mỗi nhóm nhân tố bậc 2 được xác định bởi các nhân tố bậc 1 và các biến quan sát liên quan.

**Từ khoá**: Sự hữu hiệu; Giá trị; Hệ thống thông tin; Ứng dụng; Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp; ERP.

**34. Pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Trà Vinh**/ Đặng Công Tráng, Nguyễn Thanh Tuấn// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 29-31.

**Nội dung**: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Từ đó, đề xuất những kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô.

**Từ khoá:** Quy định luật pháp, vận tải hành khách, ô tô, Trà Vinh

**35. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**/ Võ Đức Việt// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An và từ đó đưa ra một số kiến nghị.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công nghiệp và xây dựng, Nghệ An

**36. Phát triển hoạt động tương tác với khách hàng trong kỷ nguyên kỹ thuật số của doanh nghiệp tại thị trường bán lẻ**/ Phùng Thị Thủy// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 53-55.

**Nội dung:** Tập trung vào phân tích thực trạng vận dụng các công cụ tương tác với khách hàng dựa trên công nghệ kỹ thuật số và đưa ra một số giải pháp nhằm tăng hiệu quả hoạt động tương tác với khách hàng của doanh nghiệp tại thị trường bán lẻ hiện nay.

**Từ khoá**: Tương tác với khách hàng, công nghệ kỹ thuật số, doanh nghiệp bán lẻ

**337. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước – Nội dung quan trọng trong văn kiện đại hội XII của Đảng**/ PGS. TS. Đỗ Xuân Tuất, ThS. Phạm Thị Hạnh// Công nghệ thông tin và Truyền thông .- 2016 .- Số kỳ 1 tháng 8 .- Tr. 24-28.

**Nội dung**: Trình bày tầm quan trọng của nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Thực trạng và quan điểm xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Giải pháp để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thời gian tới.

**Từ khóa**: Nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển, đào tạo

**38. Phát triển làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng**/ Đỗ Việt Hùng// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 70-80.

**Nội dung**: Trình bày thực trạng và đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng theo hướng bền vững như: hệ thống các giải pháp chung, các giải pháp khác nhằm thúc đẩy phát triển của các làng nghề một cách hiệu quả.

**Từ khoá**: làng nghề, phát triển làng nghề, đồng bằng sông Hồng

**39. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đào tạo phát triển nhân lực tại Cảng vụ Hàng không miền Bắc**/ TS. Đinh Quang Toàn, KS. Hoàng Thị Diệu Hương// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 84-88.

**Nội dung**: Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đào tạo phát triển nhân lực tại Cảng vụ Hàng không miền Bắc, qua đó chỉ ra những thế mạnh, thuận lợi để tiếp tục phát huy, đồng thời chỉ ra những hạn chế, khó khăn để kịp thời đưa ra những giải pháp khắc phục hiệu quả trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói riêng và chiến lược phát triển bền vững của Cảng vụ Hàng không miền Bắc nói chung của thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng ngành Hàng không hiện nay.

**Từ khóa**: Đào tạo và phát phát triển nguồn nhân lực, hàng không.

**40. Phương pháp đánh giá nhân viên trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ**/ Trần Tuấn Anh, Đinh Tấn Hoàng// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 14-16.

**Nội dung:** Trình bày những đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ảnh hưởng đến việc đánh giá nhân viên, phương pháp đánh giá nhân viên trong các DN kinh doanh dịch vụ hiện nay, từ đó đưa ra một số đề xuất về quy trình và phương pháp đánh giá nhân viên trong các DN kinh doanh dịch vụ.

**Từ khoá**: Phương pháp, đánh giá nhân viên, doanh nghiệp dịch vụ, Việt Nam

**41. Quản lý nguồn vốn huy động tại ngân hàng thương mại**/ Phạm Thu Hạnh, Phạm Thị Minh Phương// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 56-57.

**Nội dung:** Khái niệm quản lý nguồn vốn huy động của ngân hàng thương mại, chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý nguồn vốn huy động của ngân hàng thương mại và một số giải pháp tăng cường quản lý nguồn vốn huy động của ngân hàng thương mại.

**Từ khoá:** Quản lý nguồn vốn huy động, ngân hàng thương mại

**42. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**/ Đỗ Thị Hường// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 39-40, 34.

**Nội dung**: Trình bày khái niệm về quản trị nguồn nhân lực, những vấn đề cụ thể trong quản lý nguồn nhân lực và chìa khóa của thành công quản trị nguồn nhân lực.

**Từ khoá**: Quản trị nguồn nhân lực, doanh nghiệp vừa và nhỏ

**43. So sánh cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong các hiệp định thương mại**/vũ Hoàng Đạt, Nguyễn Thu Hương, Vũ Thị Vân Ngọc, Nguyễn Thị Vân Hà// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 87-90.

**Nội dung**: Tập trung so sánh cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam trong các hiệp định thương mại, tập trung vào 03 ngành bao gồm dịch vụ kinh doanh, dịch vụ phân phối và dịch vụ tài chính. Hai ngành dịch vụ sau là dịch vụ cơ bản của quá trình sản xuất đàu ra và đầu vào, trong khi đó, ngành dịch vụ kinh doanh là ngành tương đói mới mẻ ở VN và có xu hướng phát triển mạnh trong tương lai khi nền kinh tế phát triển.

**Từ khoá**: Cam kết mở cửa, thị trường dịch vụ, hiệp định thương mại, Việt Nam

**44. Sự lựa chọn nhà cung cấp của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt nam: nghiên cứu với ngành ô tô Việt Nam**/ Nguyễn Danh Nguyên, Nguyễn Đạy Minh// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) .- Tr. 31-35.

**Nội dung**: Nghiên cứu định tính tại các doanh nghiệp ô tô tại Việt Nam để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sự lựa chọn nhà cung cấp của các doanh nghiệp nước ngoài tại VN.

**Từ khoá**: Chuỗi cung ứng, đa quốc gia, nội địa hóa

**45. Tác động của các rào cản văn hóa trong môi trường kinh doanh quốc tế**/ Trịnh Thị Thủy, Phan Thị Thanh Tâm// Nghiên cứu Địa lý nhân văn .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 49-55.

**Nội dung**: Thảo luận về tác động của các rào cản văn hóa đến việc kinh doanh thành công trong môi trường đa văn hóa. Trong một môi trường kinh doanh đa văn hóa, nhiều hiểu lầm thường xảy ra giữa những người đến từ những nền văn hóa khác nhau. Nhận thức được tầm quan trọng của kiến thức văn hóa cũng như những sai lầm thường mắc phải có thể giúp các công ty tránh được những rủi ro trong các xung đột văn hóa.

**Từ khóa**: Rào cản văn hóa, kinh doanh quốc tế

**46. Tác động của hoạt động liên kết xuôi và ngược đến đổi mới sản phẩm của công ty con: Trường hợp tại Việt Nam**/ Võ Văn Dứt, Lê Hoàng Đông Phương// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 25-32.

**Nội dung:** Nghiên cứu sự ảnh hưởng của hoạt động liên kết dọc đến đổi mới sản phẩm của công ty con tại Việt Nam. Dựa vào Lý thuyết mạng lưới kinh doanh, nghiên cứu giả thuyết rằng các công ty con thuộc các công ty đa quốc gia có khả năng đổi mới cao hơn khi mức độ liên kết ngược và liên kết xuôi càng cao với đối tác kinh doanh trong nước. Sử dụng dữ liệu từ Ngân hàng thế giới tại 354 công ty con đang hoạt động tại Việt Nam để kiểm định các giả thuyết. Kết quả mô hình Probit cho biết rằng, liên kết ngược và liên kết xuôi có mối tương quan thuận với đổi mới sản phẩm của công ty con, với sự kiểm soát đặc điểm của công ty con, công ty mẹ và nước đầu tư.

**Từ khoá:** Công ty con, công ty đa quốc gia, đổi mới sản phẩm, liên kết dọc.

**47. Tác động của môi trường thể chế lên sự tăng trưởng của doanh nghiệp tại Việt Nam**/ Hà Văn Dũng// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 16-24.

**Nội dung:** Nghiên cứu sử dụng dữ liệu của các doanh nghiệp, bài báo đã dùng dữ liệu bảng cân bằng của 37,788 doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh. Để phân tích tác động của môi trường thể chế, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích GMM hệ thống (system GMM). Kết quả nghiên cứu tương đồng với lý thuyết và các nghiên cứu trước và chỉ ra rằng các yếu tố môi trường thể chế như: dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, và chi phí không chính thức có tác động thúc đẩy tăng trưởng của doanh nghiệp cả về quy mô vốn và quy mô lao động. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tác động của các yếu tố thể chế lên tăng trưởng vốn có ý nghĩa thống kê cao hơn.

**Từ khóa:** Tăng trưởng doanh nghiệp, các yếu tố môi trường thể chế, cấu trúc vốn

**48. Tác động của quản lý chất lượng đến hiệu quả của các doanh nghiệp vận tải hàng hải**/Lê Đăng Phúc// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 67-69.

**Nội dung:** Nghiên cứu tác động của quản lý chất lượng đến hiệu quả của các doanh nghiệp vận tải hàng hải. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính (khảo sát, thu thập dữ liệu) và định lượng ( khám phá nhân tố và hồi quy đa biến) nghiên cứu đã tìm ra bốn nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả của doanh nghiệp bao gồm: cam kết của lãnh đạo, thông tin chất lượng, đào tạo nhân viên và trao quyền, hướng tới khách hàng.

**Từ khoá:** Quản lý chất lượng, hiệu quả doanh nghiệp, doanh nghiệp vận tải hàng hải

**49. Tài chính vi mô trên thế giwois và gợi ý phát triển tại Việt Nam**/ TS. Ngô Văn Tuấn// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 61-63.

**Nội dung**: Tổng quan hoạt động tài chính vi mô ở các quốc gia trên thế giới và khả năng phát triển ở VN, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển hoạt động tài chính vi mô và hoàn thiện hệ thống tài chính ở VN thời gian tới.

**Từ khoá:** tài chính vi mô, ytins dụng vi mô, dịch vụ tài chính

**50. Tài sản thương hiệu Thanh long Bình Thuận: Tiếp cận dưới góc độ người tiêu dùng/** Nguyễn Văn Sĩ & Nguyễn Viết Bằng// Phát triển kinh tế .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 73- 101.

**Nội dung**: Khám phá những nhân tố xác định sự hữu hiệu của tổ chức kinh doanh trong môi trường ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Tác giả tiến hành khảo sát 316 doanh nghiệp tại VN có ứng dụng hệ thống ERP giai đoạn 2015–2016. Bằng các phép phân tích tương quan, thống kê mô tả và phân tích EFA, tác giả tiến hành kiểm định và giải thích mô hình nghiên cứu đặt ra trên nền tảng lí thuyết thẻ điểm cân bằng. Kết quả nghiên cho thấy có ba nhóm nhân tố bậc 2 đáp ứng nhu cầu đo lường sự hữu hiệu của tổ chức từ các nhà quản lí doanh nghiệp trong môi trường ứng dụng hệ thống ERP, bao gồm: (1) Sự phát triển bền vững; (2) Năng lực của tổ chức; và (3) Sự sẵn sàng trong kinh doanh. Mỗi nhóm nhân tố bậc 2 được xác định bởi các nhân tố bậc 1 và các biến quan sát liên quan.

**Từ khoá**: Sự hữu hiệu; Giá trị; Hệ thống thông tin; Ứng dụng; Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp; ERP

**51. Thái độ đối với rủi ro và quyết định đầu tư khi không chắc chắn về thị trường đầu ra: Thực tiễn của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở đồng bằng sông Cửu Long**/ Lê Khương Ninh, Lê Tấn Nghiêm, Huỳnh Hữu Thọ// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 42-50.

**Nội dung**: Bài viết ước lượng ảnh hưởng của thái độ đối với rủi ro của nhà quản trị đến mối quan hệ giữa mức độ không chắc chắn về thị trường đầu ra của sản phẩm và đầu tư của 667 doanh nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả ước lượng cho thấy mối quan hệ nghịch biến giữa mức độ không chắc chắn và đầu tư của doanh nghiệp nếu nhà quản trị sợ rủi ro. Mối quan hệ này lại đồng biến nếu nhà quản trị thích rủi ro. Từ đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị giúp cải thiện quyết định đầu tư của các nhà quản trị doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Bôi trơn, cạnh tranh, đầu tư, không chắc chắn, thái độ đối với rủi ro, thị trường đầu ra

**52. Tháo gỡ một số hạn chế trong pháp luật về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay**/ Đặng Anh// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 17-19.

**Nội dung**: Bài viết điểm lại vai trò của pháp luật đối với sở hữu trí tuệ, đánh giá và đưa ra một số kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế về pháp luật đối với SHTT ở VN hiện nay.

**Từ khoá**: Bảo hộ, sở hữu trí tuệ, hệ thống pháp luật, Việt Nam

**53. Thị trường sản phẩm của các làng nghệ và làng nghề ở Thừa Thiên Huế**/ Hồ Thắng, Mai Chiếm Tuyến, Hoàng Triệu Huy// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 10 (461) tháng 10 .- Tr. 54-62.

**Nội dung**: Phân tích thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề và làng nghề ở Thừa Thiên Huế và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển thị trường cho các làng nghệ và làng nghề trên địa bàn tỉnh.

**Từ khoá**: Thị trường, hình thức tiêu thụ, nghề và làng nghề, Thừa Thiên Huế

**54. Thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp: thực tiễn tại tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước**/ Bùi Đức Long// Tài chính .- 2016 .- Số 642 tháng 10 .- Tr. 17-18.

**Nội dung**: Trình bày tình hình bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp và định hướng bán vốn của SCIC trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Thoái vốn, cổ phần hóa, doanh nghiệp nhà nước

**55. Thời cơ và thách thức đối với các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam trong hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa qua biên giới bằng đường bộ**/ Nguyễn Tương// Giao thông Vận tải .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 34-35.

**Nội dung**: Trình bày về hoạt động vận tải hàng hóa qua biên giới bằng đường bộ hiện tại. Những khó khăn chính của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics trong việc vận tải hàng hóa qua biên giới. Một số kiến nghị nhằm phát triển.

**Từ khóa**: Dịch vụ logistics, vận tải hàng hóa qua biên giới bằng đường bộ

**56. Thực trạng nguồn nhân lực công nghệ cao ở Việt Nam**/ ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh// Tài chính .- 2016 .- Số 18 tháng 9 .- Tr. 58-60.

**Nội dung:** Trình bày tình hình phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao hiện nay và một số kiến nghị.

**Từ khoá:** Nguồn nhân lực, công nghệ cao

**57. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực trên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**/ Nguyễn Thị Bích Nguyệt, Bùi Quang Bình, Đinh Thị Lam// Nghiên cứu Địa lý nhân văn .- 2016 .- Số 2 .- Tr. 42-48.

**Nội dung**: Là một huyện đảo, Lý Sơn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển, đồng thời Lý Sơn nằm ở một vị trí chiến lược trên vùng biển nước ta. Tuy nhiên, việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn trên đảo còn nhiều yếu kém và không bền vững. Lao động không được đào tạo chiếm tỷ lệ cao, nhiều lao động không có việc làm ổn định. Do vậy, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên huyện đảo Lý Sơn là những vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Từ khóa**: Phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh tế, huyện đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi

**58. Thực trạng thị trường bán lẻ và hành vi của người tiêu dùng Việt Nam đối với thương hiệu cửa hàng bán lẻ**/ Bùi Thị Thu// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 37-39.

**Nội dung:** Thực trạng phát triển của hệ thống bán lẻ ở Việt Nam và hành vi mua của người tiêu dùng VN trong những năm gần đây.

**Từ khoá:** Thị trường bán lẻ, hành vi người tiêu dung

**59. Thực trạng triển khai hệ thống quản lý tri thức trong môi trường doanh nghiệp Việt Nam/** Vũ Xuân nam, Trương Văn Tú// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9(460) tháng 9 .- Tr. 44-52.

**Nội dung**: Khảo sát 23 yếu tố cần thiết của hệ thống quản lý tri thức tsij cscd doanh nghiệp vừa và nhỏ ở VN, qua đó đánh giá, xếp loại cấp độ phát triển của hệ thống quản lý tri thức trong mỗi doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Tri thức, quản lý tri thức doanh nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ, quản trị doanh nghiệp

**60. Tìm hiểu về truyền thông đại chúng phương Tây**/ TS. Đỗ Đức Minh// Nghiên cứu Châu Âu .- 2016 .- Số 6 .- Tr. 49-60.

**Nội dung**: Nghiên cứu những đặc trưng, vai trò, sức mạnh và ảnh hưởng của truyền thông đại chúng phương Tây để làm rõ những ưu điểm và hạn chế của nó trong hệ thống tổ chức ở các nước tư bản, phục vụ cho công cuộc phát triển nền truyền thông đại chúng Việt Nam ngày càng vững mạnh.

**Từ khóa**: Truyền thông, truyền thông đại chúng, tự do báo chí

**61. Ứng dụng lý thuyết tín hiệu để đo lường giá trị thương hiệu hàng tiêu dùng Việt Nam**/ Nguyễn Thị Hồng Nguyệt// Kinh tế & Phát triển .- 2016 .- Số 231 tháng 9 .- Tr. 51-58.

**Nội dung**: Nghiên cứu này xem xét việc ứng dụng lý thuyết tín hiệu nhằm đo lường giá trị thương hiệu trong thị trường tiêu dùng ở Việt Nam. Mẫu nghiên cứu là 600 khách hàng được phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi và phương pháp mô hình cấu trúc tuyến tính được sử dụng để phân tích dữ liệu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng tín hiệu có ảnh hưởng tích cực lên giá trị thương hiệu.

**Từ khoá:** Chất lượng tín hiệu, hình ảnh thương hiệu, sự hấp dẫn thương hiệu, và lòng trung thành thương hiệu

**62. Ứng dụng quản lý chất lượng toàn diện trong quản lý chất lượng đào tạo tại Đại học FPT/** Đỗ Thị Bích Hiền, Nguyễn Ngọc Trung, Trần Thanh Tuấn// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 48-50.

**Nội dung:** Phân tích và đánh giá tình trạng quản lý chất lượngđào tạo của khối Cao đẳng nghề Trường Đại học FPT, chỉ rõ những tồn tại, nguyên nhân, từ đó đề xuất những biện pháp phù hợp với bối cảnh và định hướng phát triển chất lượng của nhà trường.

**Từ khoá:** Chất lượng đào tạo, quản lý chất lượng

**63. Vai trò của bối cảnh trobg các nghiên cứu về tính đa dạng của nhóm làm việc**/ Phạm Hương Thảo// Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 479 tháng 10 .- Tr. 20-23.

**Nội dung**: Tổng hợp các quan điểm lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu về loại hình nhóm ảnh hưởng như thế nào đến mối quan hệ giữa tính đa dạng nhóm và kết quả làm việc nhóm.

**Từ khoá**: Nhóm làm việc, tính đa dạng

**64. Vai trò của thể chế đối với đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2014**/ Chu Thị Mai Phương, Tứ Thúy Anh, Phạm Thế Anh// Nghiên cứu kinh tế .- 2016 .- Số 9(460) tháng 9 .- Tr. 53-63.

**Nội dung**: Phân tích tác động của môi trường thể chế kinh doanh đến đầu tư của doanh nghiệp ở VN trong giai đoạn 2006-2014 và một số gợi ý chính sách và kiến nghị giải pháp.

**Từ khoá:** Quản trị, đầu tư doanh nghiệp

**65. Vai trò nhà quản trị trong quá trình ứng dụng thẻ điểm cân bằng**/Lê Thị Ngọc Diệp// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Giới thiệu về thẻ điểm cân bằng, quy trình ứng dụng thẻ điểm cân bằng; Một số nhận xét chung về vai trò của các nhà quản trị trong quá trình triển khai ứng dụng BSC.

**Từ khoá:** Nhà quản trị, thẻ điểm cân bằng

**66. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp: Nhìn từ kinh nghiệm của Hàn Quốc**/ TS. Trần Thị Vân Anh// Tài chính .- 2016 .- Số 640 tháng 9 .- Tr. 25-28..

**Nội dung:** Phân tích những chính sách hỗ trợ quá trình xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp của Hàn Quốc, từ đó rút ra một số gợi ý chính sách cho VN.

**Từ khoá:** Doanh nghiệp khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp, nhà đầu tư

**67. Xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**/ Phạm Thu Hương// Ngân hàng .- 2016 .- Số 17 tháng 9 .- Tr. 11-14.

**Nội dung**: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) Việt Nam, qua đó xây dựng mô hình đánh giá các nhân tố hưởng đến năng lực cạnh tranh của các DNNVV phù hợp với các điều kiện của VN.

**Từ khoá**: Năng lực cạnh tranh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Việt Nam

**KIẾN TRÚC**

**1. Đường phố - hè phố: Cơ sở khoa học cho nghiên cứu thiết kế đô thị**/ PGS. TS. KTS Phạm Thúy Loan// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 200 .- Tr. 27-31.

**Nội dung**: Điều đầu tiên chúng ta nghĩ về một thành phố đó chính là những con phố. Nếu những con phố hấp dẫn thú vị thì thành phố cũng hấp dẫn thú vị; nếu các con phố ảm đạm, thành phố trông cũng thật ảm đạm. Vì vậy, rất cần nhìn nhận lại ý nghĩa, vai trò, chức năng của không gian đường phố trên mọi mặt, từ đó có cơ sở để thiết kế tốt hơn, tổ chức hoạt động tốt hơn và quản lý hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: Quy hoạch hè phố, đường phố, thiết kế đô thị

**2. Hình thức thiết kế nhà ở cao tầng: Thực trạng và định hướng**/ ThS. KTS. Nguyễn Huy Khanh// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 17-21.

**Nội dung**: Nhận diện các giải pháp tổ chức mặt bằng và căn hộ chung cư hiện nay. Các xu hướng thiết kế tổ chức không gian căn hộ chung cư. Chuẩn hóa thiết kế căn hộ ngay từ công tác thiết kế.

**Từ khóa**: Nhà ở cao tầng, thiết kế, hình thức

**3. Kinh tế vỉa hè – Kinh tế đô thị**/ ThS. KTS. Lê An Giang// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 200 .- Tr. 23-26.

**Nội dung**: Trình bày nguồn gốc bắt đầu của kinh tế vỉa hè, văn hóa vỉa hè. Kinh tế vỉa hè trong quá trình phát triển không gian thương mại đô thị. Các giải pháp tích cực của thành phố Hồ Chí Minh.

**Từ khóa**: Kinh tế vỉa hè, kinh tế đô thị, quy hoạch vỉa hè

**4. Khai thác những yếu tố đặc trưng vùng miền trong tổ chức không gian làng ngư dân “nông thôn mới” ven biển Nam Trung Bộ phát triển bền vững**/ ThS. KTS. Trần Văn Hiến// Xây dựng .- 2016 .- Số 06 .- Tr. 155-158.

**Nội dung**: Việc nghiên cứu đánh giá thực trạng tổ chức không gian làng ngư dân ven biển vùng duyên hải Nam Trung Bộ là một vấn đề cấp thiết hiện nay. Thông qua thực tế mô hình tổ chức không gian làng xã nông thôn ven biển, chúng ta có thể nhận dạng những giá trị bản sắc văn hóa và hình thức cư trú vốn có của nó. Từ đó định hướng phát triển các làng ngư dân theo xu thế phát triển bền vững, phát huy các giá trị văn hóa xã hội, hình thành nên mạng lưới “nông thôn xanh” ven biển.

**Từ khóa**: Quy hoạch, tổ chức không gian, văn hóa, làng ngư dân, ven biển

**5. Kiến trúc các công trình mỹ thuật**/ PGS. TS. Nguyễn Quốc Thông// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 38-42.

**Nội dung**: Đề cập đến công trình mỹ thuật trong không gian công cộng dưới góc độ quy hoạch và kiến trúc với cách tiếp cận từ thực tiễn qua các công trình mỹ thuật tiêu biểu đã được xây dựng, đối chiếu với nguyên lý hàn lâm, để đánh giá thực trạng xây dựng công trình mỹ thuật trong không gian công cộng ở Việt Nam, đồng thời xem xét sự kết hợp giữa mỹ thuật, kiến trúc và quy hoạch trong việc hình thành tác phẩm mỹ thuật trong không gian công cộng ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa**: Công trình mỹ thuật, kiến trúc, không gian công cộng.

**6. Ngôn ngữ tạo hình kiến trúc đương đại**/ ThS. KTS. Hoàng Tuấn Minh// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 200 .- Tr. 14-17.

**Nội dung**: Trước sự đa dạng về phong cách kiến trúc của các kiến trúc sư đương đại, việc nhìn nhận thông qua ngôn ngữ tạo hình kiến trúc sẽ góp phần nâng cao khả năng cảm thụ, ứng dụng có hiệu quả trong hoạt động sáng tác và lý luận, phê bình kiến trúc.

**Từ khóa**: Kiến trúc đương đại, ngôn ngữ tạo hình kiến trúc

**7. Phân loại chung cư cao tầng – Bất cập và giải pháp**/ TS. KTS. Trịnh Hồng Việt// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 34-36.

**Nội dung**: Nghiên cứu và đề xuất tiêu chí đánh giá phân loại căn hộ chung cư làm rõ các vấn đề chất lượng thực sự của các loại căn hộ theo các dạng phân loại và mục tiêu áp dụng? Đây là mối quan tâm chung của xã hội đòi hỏi những người làm chuyên môn phải lên tiếng.

**Từ khóa**: Chung cư cao tầng, phân loại.

**8. Quản lý hè phố theo chức năng**/ TS. Phạm Sỹ Liêm// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 200 .- Tr. 32-35.

**Nội dung**: Một trong những phương thức để quản lý hè phố có hiệu quả là quản lý theo chức năng. Việc đồng quy về mặt chức năng của hè phố giúp phân cấp quản lý, tách nhỏ các hạng mục nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất và trình tự xử lý được thuận lợi và xuyên suốt. Tuy nhiên, hè phố ở Việt Nam với những đặc điểm và tính chất không hoàn toàn giống các nước trên thế giới nên công tác quản lý và các quy định cũng cần phải linh hoạt, phù hợp với thực tế.

**Từ khóa**: Quản lý hè phố, quản lý theo chức năng

**9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế chung cư cao tầng – Thực trạng và giải pháp**/ ThS. Trần Thanh Ý// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 37-41.

**Nội dung**: Đánh giá hiện trạng về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong thiết kế nhà chung cư cao tầng. Đề xuất các định hướng đổi mới thiết kế nhà cao tầng từ góc độ quy chuẩn, tiêu chuẩn.

**Từ khóa**: Chung cư cao tầng, tiêu chuẩn thiết kế, quy chuẩn thiết kế.

**10. Tổ chức không gian căn hộ: Thiết kế linh hoạt và tầm nhìn dài hạn**/ TS. KTS. Vũ Hồng Cương// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 22-24.

**Nội dung**: Hiện tại, cần xác định rõ “Bản thân từng căn hộ phải là một ngôi nhà hoàn chỉnh”. Ngay từ giai đoạn thiết kế, cần đặt nhu cầu của người sử dụng lên trên các lợi ích khác để xem xét căn hộ như một hạt nhân cơ bản hoàn chỉnh. Tổ hợp các căn hộ sẽ tạo nên một chỉnh thể nhà chung cư giống như một cơ thể sống có các tế bào hạt nhân hoàn chỉnh, không phải là một tổ hợp không đồng nhất và hỗn loạn như hiện nay. Một tầm nhìn dài hạn với giải pháp thiết kế linh hoạt sẽ mang đến một cách tiếp cận mới đúng với bản chất hơn nhu cầu sỡ hữu và sử dụng của người dân, hạn chế được những bất cập trong tổ chức không gian căn hộ chung cư.

**Từ khóa**: Căn hộ, tổ chức không gian, thiết kế linh hoạt.

**11. Thiết kế an toàn & tiện nghi**/ ThS. KTS. Trần Hồng Thủy// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 25-29.

**Nội dung**: Từ thiết kế căn hộ chung cư cao tầng hiện nay, đã từng xảy ra các vụ tại nạn như: trẻ em rơi từ căn hộ trên cao xuống, sự cố cháy, ngập trong các căn hộ được phản ánh trong thời gian qua. Do vậy, cần xây dựng quy trình thanh kiểm tra làm rõ các yếu tố vi phạm và lách luật của chủ đầu tư và người thiết kế, các hành động “tận dụng” thay vì áp dụng để hạn chế các hiện tượng mất tiện nghi và an toàn cho cư dân nhà chung cư.

**Từ khóa**: Chung cư cao tầng, thiết kế an toàn và tiện nghi.

**12. Thiết kế ban công, lô gia: Tiện ích và an toàn**/ KTS. Nguyễn Vinh Thăng// Kiến trúc Việt Nam .- 2016 .- Số 201 .- Tr. 30-33.

**Nội dung**: Tại các đô thị, các chung cư cao chót vót vài chục tầng được xây dựng ngày càng nhiều. Tuy nhiên, gần đây nhiều tai nạn trẻ em bị rơi từ trên tầng cao xuống đất qua ban công, lô gia hay cửa sổ cho thấy cần xem xét lại thiết kế, tổ chức không gian này, để đảm bảo các vấn đề an toàn trong thiết kế và xây dựng ban công, lô gia cho các chung cư cao tầng. Hiểu đúng vai trò chức năng và thiết kế đúng không gian ban công lô gia để đảm bảo các giá trị tiện ích – an toàn – thẩm mỹ là một điều cần thiết lúc này.

**Từ khóa**: Ban công, lô gia, thiết kế

**13. Yếu tố thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan trong khu ở đô thị**/ ThS. KTS. Hoàng Thanh Thủy// Xây dựng .- 2016 .- Số 7 .- Tr. 102-105.

**Nội dung**: Thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan trong khu ở cũng sẽ có một vai trò ngày càng quan trọng và trở thành một tiêu chí để đánh giá chất lượng ở đô thị và đặt ra những nhiệm trong tổ chức các không gian chức năng trong kiến trúc cảnh quan khu ở đô thị.

**Từ khóa**: Yếu tố thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan, khu ở đô thị, khu ở cũ, điều kiện sống, môi trường ở, kiến trúc cảnh quan có chất lượng và thẩm mỹ cao, chất lượng cuộc sống, đời sống vật chất và tinh thần

**VĂN HÓA**

**1. Vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững qua trường hợp Việt Nam và Nhật Bản**/ TS. Hoàng Minh Lợi// Nghiên cứu Đông Bắc Á .- 2016 .- Số 9 (178) .- Tr. 68-75.

**Nội dung**: Đề cập về văn hóa với vai trò trụ cột, động lực và là nhân tố đảm bảo cho phát triển bền vững ở mỗi quốc gia. Đó cũng là lợi thế, sức mạnh góp phần nâng cao vị thế của các quốc gia trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế hiện nay.

**Từ khóa**: Việt Nam, Nhật Bản, vai trò văn hóa, phát triển bền vững.

**DU LỊCH**

1**. Áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN tại Việt Nam/** ThS. Phạm Thị Thu Phương// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 13, 41.

**Nội dung**: Trình bày ý nghĩa của việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN; những rào cản trong việc áp dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN; Một số giải pháp tăng cường ứng dụng tiêu chuẩn khách sạn xanh ASEAN.

**Từ khoá**: Tiêu chuẩn, khách sạn xanh, ASEAN

**2. Các giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch Việt Nam/** Nguyễn Thị Thu Trang// Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 478 tháng 9 .- Tr. 32-34.

**Nội dung**: Thực trạng và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành du lịch VN và một số biện pháp nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển ngành du lịch Việt Nam.

**Từ khoá:** Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển ngành du lịch, Việt Nam

**3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến của khách du lịch:Trường hợp điểm đến TP. Hồ Chí Minh**/ Nguyễn Xuân Hiệp// Phát triển kinh tế .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 53- 72.

**Nội dung**: Khám phá và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn điểm đến (LCĐĐ) TP.HCM của khách du lịch, bằng phương pháp kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng, dữ liệu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 10/2015 đến tháng 02/2016 với 615 khách du lịch nội địa và quốc tế đã tham quan du lịch tại TP.HCM. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định LCĐĐ TP.HCM của khách du lịch bao gồm: Động lực du lịch, hình ảnh điểm đến, và nguồn thông tin điểm đến. Trong đó, thông tin điểm đến có ảnh hưởng đến động lực du lịch, và động lực du lịch có ảnh hưởng mạnh đến hình ảnh điểm đến.

**Từ khoá**: Du lịch; Khách du lịch; Lựa chọn điểm đến; TP.HCM.

**4. Đào tạo nhân lực du lịch Khánh Hòa trong xu thế hội nhập**/ NGƯT.ThS. Lê Xuân An// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 30-31.

**Nội dung:** Tập trung phân tích thực trạng nguồn nhân lực ngành du lịch Khánh Hòa hiện nay và từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực du lịch Khánh Hòa

**Từ khoá**: Đào tạo, nguồn nhân lực, du lịch, Khánh Hòa, hội nhập.

**5. Du khách quốc tế với di sản văn hóa Việt Nam**/ ThS. Đào Minh Ngọc// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 38-39.

**Nội dung**: Trình bày kết quả nghiên cứu về sức hấp dẫn của di sản văn hóa ở Việt Nam qua đánh giá của 512 khách du lịch quốc tế từ 20 thị trường khác nhau. Từ kết quả khảo sát, bài viết đề xuất một số ý kiến đối với việc khai thác các giái tị di sản để phát triển du lịch.

**Từ khoá:** Du khách quốc tế, di sản văn hóa, Việt Nam

**6. Mô hình phát triển du lịch bền vững cho địa phương trong điều kiện hiện nay/** Nguyễn Anh Dũng// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 18-20.

**Nội dung:** Trình bày khái quát về du lịch bền vững, mô hình phát triển du lịch bền vững, các biện pháp phát triển du lịch bền vững của một địa phương.

**Từ khoá:** Phát triển du lịch bền vững, mô hình phát triển du lịch bền vững

**7. Mở rộng định hướng ứng dụng trong đào tạo du lịch**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 54-55.

**Nội dung**: Chia sẽ thông tin về quá trình trình thực hiện PONE để có thể mở rộng chương trình này tới các cơ sở đào tạo đại học du lịch và khách sạn ở Việt Nam.

**Từ khoá:** Đào tạo du lịch

**8. Một số giải pháp để phát triển du lịch Tây Nguyên**/ Hà Thị Kim Duyên, Lê Thế Phiệt// Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương .- 2016 .- Số 480 tháng 10 .- Tr. 31-33.

**Nội dung**: Thực trạng phát triển du lịch Tây Nguyên, một số hạn chế và bất cập, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch Tây Nguyên trong thời gian tới.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch, tiềm năng, Tây Nguyên

**9. Nâng cao chất lượng lao động du lịch vùng Duyên Hải Bắc Bộ**/ ThS. Nguyễn Tấn Dũng// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 24-25.

**Nội dung**: Phân tích và đánh giá thực trạng lao động du lịch duyên hải Bắc Bộ và giải pháp nâng cao chất lượng lao động du lịch vùng Duyên Hải Bắc Bộ.

**Từ khoá:** Chất lượng lao động, du lịch, vùng Duyên Hải Bắc Bộ

**10. Phát triển du lịch bền vững trong kỷ nguyên biến đổi khí hậu**/ Hải Nam// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 42-43.

**Nội dung**: Trình bày thách thức từ biến đổi khí hậu và giải pháp cho ngành du lịch.

**Từ khoá**: Phát triển du lịch bền vững, biến đổi khí hậu

**11. Phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam trong giai đoạn** mới/ TS. Đỗ Cầm Thơ// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 50-51.

**Nội dung**: Đề cập đến tầm quan trọng để triển khai các định hướng và giải pháp mang tính chiến lược phát triển hệ thống sản phẩm Du lịch Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khoá:** Phát triển sản phẩm, du lịch, Việt Nam

**12. Phụ nữ Nepal trong phát triển du lịch sinh** thái/ ThS. Phùng Thị Hằng// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 52-53.

**Nội dung**: Tổng hợp một số dự án thành công trong phát triển CBET ở Nepal và gợi ý thúc đẩy phát triển CBET ở Việt Nam thông qua việc phát huy vai trò của phụ nữ.

**Từ khoá:** Phụ nữ, Nepal, phát triển du lịch, du lịch sinh thái

**13. Thị trường khách du lịch Australia**/ Vụ Thị Trường Du lịch - Tổng cục Du lịch// Du lịch .- 2016 .- Số 9 tháng 9 .- Tr. 35, 49.

**Nội dung**: Đề cập đến khách du lịch nước ngoài Australia; khách du lịch Australia đến Việt Nam; đánh giá xu hương khách du lịch Australia đến Việt Nam.

**Từ khoá**: Thị trường khách du lịch, Australia

\

**VĂN HỌC**

**1. Cơ chế hình thành và giải mã điển cố trong văn học trung đại Việt Nam/** PGS.TS Nguyễn Kim Châu// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 10 – 15

**Nội dung**: Thông qua việc mô hình hóa, so sánh cơ chế hình thành và chuyển nghĩa của điển cố ẩn dụ và hoán dụ, có thể thấy rằng điển cố có những điểm khác biệt đáng chú ý về tính tu từ. Sử dụng điển cố không chỉ đơn giản là nhằm làm gia tăng sắc thái tạo hình, biểu cảm cho lời văn nghệ thuật như ẩn dụ hoán dụ mà quan trọng hơn ở chỗ thể hiện tính chất hàm súc, cao nhã, quy phạm của văn chương bác học thời trung đại.

**Từ khóa**: Điển cố, ẩn dụ, hoán dụ, văn học trung đại , Việt Nam

**2. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản trong một số sách giáo khoa Ngữ văn của bang Califonia (Hoa Kỳ)**/ Nguyễn Thị Ngọc Thúy// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 139 – 150.

**Nội dung**: Nêu một vài nhận xét về hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản trong các sách giáo khoa của bang California (Mỹ) do Nhà xuất bản Holt, Rinehart & Winston tổ chức biên soạn.

**Từ khóa**: Hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản, sách giáo khoa, ngữ văn, Califonia

**3. Nhìn lại cuộc tiếp xúc với phương Tây và quá trình đổi mới trong văn học Việt Nam theo hướng hiện đại hóa đầu thế kỷ XX/** ThS. Trần Thị Bảo Trang// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 101 – 109.

**Nội dung**: Từ những tiền đề - hệ quả của cuộc tiếp xúc với phương Tây đến quá trình đổi mới trong văn học theo hướng hiện đại hóa đầu thế kỷ XX.

**Từ khóa**: Văn học Việt Nam, giao thoa văn hóa phương Tây

**4. Nhìn lại việc nghiên cứu truyện cổ các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng**/ TS. Lê Hồng Phong// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 5 – 12.

**Nội dung**: Nêu tình hình sưu tầm, nghiên cứu truyện cổ Lâm Đồng trước 1975, tình hình sưu tầm nghiên cứu truyện cổ Lâm Đồng sau 1975 và một số kết quả nghiên cứu truyện cổ Tây Nguyên ở Đại học Đà Lạt.

**Từ khóa**: Truyện cổ, dân tộc thiểu số, Lâm Đồng

**5. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn Sơn Nam (Khảo sát qua việc dùng từ địa phương Nam Bộ)**/ PGS.TS Nguyễn Văn Nở, ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hoa// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 1 – 9

**Nội dung**: Khảo sát việc dùng từ ngữ, trong đó có địa phương của Sơn Nam qua tập truyện Hương rừng Cà Mau và Biển cỏ miền Tây & Hình bóng cũ để làm rõ nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật của tác giả.

**Từ khóa**: Xây dựng hình tượng nhân vật, truyện ngắn, Sơn Nam

**6. Phê bình văn học trong tác phẩm văn chương từ góc độ ngôn từ của Kim Thánh Thán**/ ThS. Bùi Thị Thúy Minh// Ngôn ngữ & Đời sống .- 2016 .- Số 8 (250) .- Tr. 75 – 79.

**Nội dung**: Thông qua việc tìm hiểu, phân tích những lời bình điểm trong các tác phẩm phê bình của Kim Thánh Thán, bài viết hướng tới mục đích khảo sát những nét đặc sắc trong cách phê bình nghệ thuật sử dụng ngôn từ của ông ở các cấp độ tự pháp, cú pháp và chương pháp.

**Từ khóa**: Phê bình văn học, tác phẩm văn học, sử dụng ngôn từ, Kim Thánh Thán

**7. Tính trữ tình trong sử thi Xơ Đăng**/ ThS. Lê Ngọc Bính// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 27 – 39.

**Nội dung**: Phân tích nhân vật trữ tình, ngôn ngữ thơ, các biện pháp tu từ trong sử thi Xơ Đăng.

**Từ khóa**: Văn học trữ tình, sử thi Xơ Đăng, văn học dân gian

**8. Tư tưởng Lão – Trang trong thơ Nguyễn Công Trứ qua sự lựa chọn đề tài**/ TS. Nguyễn Cảnh Chương// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 80 – 94

**Nội dung:** Tập trung thể hiện rõ tư tưởng Lão – Trang đã ảnh hưởng đến tư tưởng sáng tác của Nguyễn Công Trứ như thế nào qua hai đề tài *nhàn lạc* và *vịnh sử* trong thơ văn của ông.

**Từ khóa:** Tư tưởng Lão – Trang, thơ, Nguyễn Công Trứ

**9. Trường ca hiện đại Việt Nam nhìn từ sự vận động, tương tác thể loại**/ PGS.TS. Nguyễn Thành Thi// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 13 – 15.

**Nội dung:** Tìm phương án khả thi, góp phần tháo gỡ các vương mắc nêu trên. Mục tiêu và phương pháp tiếp cận vấn đề gần như đã được định hướng khá rõ trong nhan đề: nhận diện trường ca hiện đại Việt Nam như một thể loại/ bộ phận trong hình thức “thơ dài” hiện đại Việt Nam (hình thức “thơ dài” ở đây được dùng như một khái niệm chỉ tổng loại), đồng thời, đề xuất một số phương án phân loại trường ca “từ góc nhìn tương tác thể loại”

**Từ khóa**: Trường ca hiện đại, Việt Nam, tương tác thể loại

**10. Vài ghi nhận về phân tích diễn ngôn qua một số đường hướng nghiên cứu**/ TS. Dương Hữu Biên// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 53 – 70.

**Nội dung**: Phân tích diễn ngôn từ một số đường hướng nghiên cứu như: đường hướng nghiên cứu văn học, đường hướng triết học, đường hướng ngôn ngữ học, đường hướng nghiên cứu hội thoại.

**Từ khóa:** Phân tích diễn ngôn.

**11. Vài nét về chủ nghĩa tiền phong trong văn học nghệ thuật**/ ThS. Kiều Thanh Uyên// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 10 .- Tr. 71 – 79.

**Nội dung**: Trình bày các nội dung: Thuật ngữ “ phong trào tiền phong”, những quan niệm về chủ nghĩa tiền phong, chủ nghĩa tiền phong trong sự đối sánh với chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa tiền phong trong văn học nghệ thuật.

**Từ khóa**: Chủ nghĩa tiền phong, văn học nghệ thuật

**12. Xu hướng tiểu thuyết hóa hồi ký, tự truyện Việt Nam giai đoạn sau 1975**/ ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Như// Nghiên cứu văn học .- 2016 .- Số 9 .- Tr. 110 – 120.

**Nội dung**: Tập trung một số tác phẩm hồi ký, tự truyện sau 1975 của các tác giả được dư luận quan tâm, được giới phê bình đánh giá cao. Qua đó, người đọc thấy khuynh hướng vận động, tương tác của các thể loại văn học cũng như ý thức sáng tạo không ngừng của các nhà văn đương đại.

**Từ khóa**: Tiểu thuyết, hồi ký, tự truyện, Việt Nam